

# diễn đàn

Số 49 / 1.2.1996

ISSN 1164-2378

F O R U M



*Quân Bình Tự*

## GRANDS RECITALS de la SALLE GAVEAU

45 rue La Boétie 75008 PARIS, Métro : Miromesnil

Mardi 20 février 1996 à 20 h 30

# DANG THAI SON

“ Un poète parmi les plus originaux de notre époque ”

“ Interprétation lumineuse ”

Le Monde de la Musique

Le Monde

Au programme

TCHAIKOVSKI : Romance, op.5 ; Un poco di Chopin, op. 72, n°5 ; Danse caractéristique, op.72 ; Doumka, op.59

SCRIABINE : Sonate en fa dièse mineur, n°3

PROKOFIEV : Douze pièces des *Visions fugitives* ; Sonate n°6 en la majeur

LOCATION : Salle Gaveau (tél 49 53 05 07), FNAC, Virgin Megastore

Prix des places : de 100 à 230 F ; étudiants : 75 F.

Disques : distribués en France par DISQUES CONCORD

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de février 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

**Bùi Suối Hoa et Vũ Dũng**

exposition du 1er au 29 février  
vernissage : vendredi 2 février à 18 h

EXPOSITION DE PHOTOGRAPHIE

**Vietnam, une certaine atmosphère**  
**Redouane Rabahi**

CONFERENCE :

**Naissance du roman moderne**

par Nguyễn Văn Ký, historien  
Vendredi 9 février à 20 h 30

CLUB POÉSIE

**Michel Hélayel**

poète d'origine libanaise  
Vendredi 23 février à 18 h

**Tết Bình Tý**

**Jour de l'An vietnamien**

Repas le Dimanche 18 février 98 à 12h

(P.A.F. : 150 F)

## Bạn đọc viết cho chúng tôi

### Diễn Đàn bày bán ở Thung lũng Silicon ?

Tuần qua, tôi ghé qua tiệm sách Borders Books (đây là một *dây chuyền* lớn tiệm sách kiêm quán ăn) ở Milpitas, rất ngạc nhiên và thú vị thấy báo Diễn Đàn có mặt tại một nhà sách Mỹ. Tò mò hỏi giá thì cô hàng sách mới cho biết : số báo này là của một khách hàng quen, đọc giả dài hạn, muốn để báo ở đây để đồng bào Việt Nam có thể đọc miễn phí.

Tôi thấy đây là một sáng kiến hay vì ở Mỹ nếu không có bạn quen giới thiệu thì chẳng ai biết tới báo Diễn Đàn. Ngay ở Quận Cam cũng chưa có nhà sách Việt Nam nào có bán Diễn Đàn. Mặc dầu tờ báo của các bạn ngày càng có *sức nặng* trong *giới thạo tin*.

Nguyễn Xuân (San Jose, Hoa Kỳ)

### Địch là địch mà ta là ta

Tôi vừa từ Việt Nam trở lại Pháp. Ở Hà Nội và Sài Gòn đều nghe nói tới lá thư của ông Võ Văn Kiệt, nhưng chưa kịp mượn đọc được thì đã đến ngày bay. Về tới đây, thì thấy Diễn Đàn đã đăng rồi. Tôi rất tâm đắc với bài bình luận kèm theo : nó rất bổ ích vì tôi thấy bạn bè chung quanh, hoặc không nắm rõ tình hình trong nước, hoặc đọc phớt qua, không thấy được những điều ở giữa hai dòng chữ.

Khen xong cũng phải chê cho công bằng : bài ca dân gian theo điệu *Huyền thoại mẹ* mà các bạn trích ở đầu bài có một chỗ sai. Tôi đã được nghe hát ở trong nước và còn nhớ :

*Mai kia này bọn Mỹ / bỏ cấm vận bỏ qua*

*Vì lợi ích quốc gia, ta lại đi chiến địch* (chứ không phải *với địch*).

## N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

*opticien diplômé*

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres

Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

*Heures d'ouverture* : matin 9 h 30 à 13 h 30  
après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27  
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

### INVITATION pour visiter la SUISSE

(message)

Vietnam Airlines de Saigon à Paris le 30 novembre 95.

Je suis allé vers l'arrière de l'avion pour te faire un compliment et nous avons parlé pendant les deux heures précédant l'atterrissage. Tu avais été dans le midi de la France avant la visite familiale au Vietnam. Tu m'as dit vouloir aller à Lausanne pour tes études d'hôtellerie. A l'arrivée, nous nous sommes perdus dans la foule. Je n'ai pas pu noter ton nom et adresse, ni t'inviter à visiter la Suisse. Car il n'y a pas que Lausanne à voir en Suisse. Walter Käser

P.S. - Il était bon, le caviar pour ta mère ?

(écrire au journal)

Ta cùng ly với địch. Địch là địch, mà ta là ta.

Thế mới đúng lập trường chứ !

Hoàng V.T. (Essonne, Pháp)

### Giữ tiếng nói trung thực

Từ Hannover Đức Quốc gửi tới các anh chị lời chúc mọi sự tốt lành trong Năm mới !

Trong các năm qua, báo Diễn Đàn đã cung cấp những tin tức thời sự nóng hổi cho độc giả. Những ý kiến trên báo cùng có tiếng nói chung với anh em Đông Âu : những người đã sống và kinh nghiệm ở cả hai chế độ xã hội chủ nghĩa và tư bản. Đó là tiếng nói khách quan và trung thực. Phải có những tiếng nói độc lập ở hải ngoại, không vì một số người bảo thủ (ở mọi phía) mà sợ sự thật, phải không các anh ?

Ngô T. (Hannover, Đức)

## Voyages au Vietnam & Indochine

Exemples de prix :

**12 jours Paris-Paris : 10 950 F**

**15 jours Paris-Paris : 11 800 F**

(Tarifs groupes) — Prestations standing : Hôtels 1ère catégorie, pension complète, transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles... Contacter :

### Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n° AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Organisation des congrès, voyages d'études, circuits aventure... à la carte

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05

Notre partenaire au Vietnam : VIETNAMTOURISM

## DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thọai Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 8,7 cm, khoảng 15 chữ).

**Quảng cáo** :  
1/8 trang 180 F  
1/4 trang : 300 F  
1/2 trang : 550 F  
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo**

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

### Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

để tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo ( Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ :  
DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, sec để tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Thuyền nhân, căng thẳng và bế tắc

Trước viễn tượng trại tị nạn phải đóng cửa trong những tháng tới, một lần nữa những thuyền nhân Việt Nam trong trại Sungei Besi, ở ngoại ô thủ đô Kuala Lumpur (Malaysia) lại đã tổ chức biểu tình bạo động ngày 18.1. Cuộc bạo động xảy ra khi 200 cảnh sát chuẩn bị tiến vào trại để điều tra về tin cho rằng có nhiều trại viên đã tích trữ vũ khí từ nhiều tháng nay. Những người biểu tình trương biểu ngữ đòi được ở lại Malaixia, đốt cháy hai trong sáu lô nhà ở trong trại và ném lựu đạn cay ngược lại cảnh sát. Mười bảy thuyền nhân và bảy cảnh sát bị thương trong cuộc xô xát, khoảng 60 người bị coi là cầm đầu cuộc bạo động bị bắt đưa đi nơi khác. Vài giờ sau, một trong những người Việt bị thương, ông Đỗ Trung Hiền, 34 tuổi đã qua đời. Khi được tin, những người trong trại đã đốt thêm một lô nhà thứ ba, nhưng cảnh sát không can thiệp thêm. Chính phủ Malaixia đã lên tiếng cảnh cáo thuyền nhân trong trại là Malaixia “ sẽ không chấp nhận bất kỳ hình thức bạo động nào”, và nhất định sẽ đưa hết người trong trại về, “ kể cả bằng cưỡng bách”. Ngày thứ hai 22.1, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng yêu cầu các nước có trại tị nạn “ đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm của những người Việt sống trong các trại”. Cùng ngày, một quan chức của HCR cho biết 300 người trong trại đã ghi tên trở về nước.

Sungei Besi hiện còn 4328 thuyền nhân Việt Nam, trong đó chỉ có một số rất nhỏ (không tới 100 người) được coi là tị nạn chính trị. Những người khác chia sẻ số phận với gần 40 ngàn thuyền nhân ở các trại tị nạn tại những nước khác trong vùng (trong đó hơn một nửa tại Hồng Kông) : không được nước thứ ba nào nhận cho cư trú, trại phải đóng cửa trước ngày 1.7 năm nay (trừ Hồng Kông được thêm một thời gian), khi Cao uỷ tị nạn Liên hiệp quốc (HCR) khoá sổ tài trợ. Hạn chót 1.7.1996 này đã là 6 tháng được nói thêm so với kế hoạch hành động CPA được HCR và các nước tài trợ đưa ra từ cuối năm 1989 (xem Diễn Đàn số trước).

Trong một cuộc họp hai ngày 14 và 15.1 vừa qua tại Bangkok giữa HCR, đại diện các nước trong vùng và các nước phương Tây có tài trợ cho chương trình CPA, trước sức ép của các nước liên hệ, Việt Nam đã chấp thuận đẩy nhanh các thủ tục nhận thuyền nhân trở về nước. Theo ông Alexander Casella, giám đốc Châu Á - Thái Bình Dương của HCR, mục tiêu sắp tới là “ trong vòng hai tháng, đưa hết về nước những thuyền nhân ở các trại tiếp nhận ban đầu”, và “ chấm dứt mọi việc chăm sóc những người không được coi là tị nạn trước ngày 1.7”. Ông tỏ ý hy vọng rằng những thuyền nhân không được quy chế tị nạn sẽ chấp nhận chương trình hồi hương, nhưng không loại trừ việc các nước chủ nhà sử dụng các biện pháp cưỡng bách để đóng cửa các trại tị nạn khi không còn được HCR tài trợ nữa.

Mặt khác, một người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, ông Trần Quang Hoàn, đã tuyên bố với báo chí ngày 18.1 là Hà Nội không chấp thuận đề nghị của Hoa Kỳ mở một chương trình phỏng vấn riêng cho những người tự nguyện hồi hương (xem họ có đủ điều kiện được định cư ở Mỹ không - DD số 48). Theo ông Hoàn, đã có chương trình chung Mỹ - Việt “ Ra đi có trật tự” đáp ứng thoả đáng đề nghị trên. Ngoài ra, “ Đối với tất cả những người trở về, nếu họ có đủ các điều kiện để xuất cảnh hợp pháp và có nước nào nhận cho họ định cư thì Việt Nam sẽ tạo các điều kiện thuận tiện cho việc ra đi đó”. (AFP 14-19 và 22.1.1996)

## Chuẩn bị hội nghị Francophonie 1997

Nước Pháp thiết tha mong chờ rằng hội nghị thượng đỉnh “ cộng đồng pháp ngôn” (*francophonie*) lần thứ 7 tại Hà Nội năm 1997 sẽ “ thành công lớn”, và sẽ tham gia tài chính cho hội nghị ở mức độ “ ngang tầm những hội nghị vừa qua”. Bà Margie Sudre, thứ trưởng ngoại giao phụ trách *francophonie*, đã tuyên bố như trên ngày thứ sáu 12.1.1996, sau hai ngày làm việc với các quan chức Việt Nam. Pháp đã giúp Benin 70 triệu FF, tương đương với 70 % chi phí tổ chức hội nghị *francophonie* thứ 6 tại thủ đô Cotonou tháng 12 vừa qua.

Tối Hà Nội ngày 10.1, bà thứ trưởng đã gặp bà Nguyễn Thị Bình, phó chủ tịch nước, người phụ trách hồ sơ *francophonie* về phía Việt Nam, cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng, và tại thành phố HCM ngày 12 bà đã được phó thủ tướng Nguyễn Khánh cùng bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Đỗ Quốc Sam tiếp.

Trả lời các nhà báo trước khi rời Hà Nội, bà cho biết đã cảm thấy “ yên tâm hơn” về hạ tầng cơ sở của Việt Nam đối với việc tổ chức hội nghị, đặc biệt về chỗ ở của 47 nguyên thủ các nước sẽ tham gia hội nghị. Về việc xây dựng một hội trường, bà cho rằng hai dự án của Việt Nam còn khá mơ hồ, và “ cần phải gấp rút tiến hành thi công”, nếu có thể ngay từ tháng 3 tới. Một công tác khác cần được tiến hành khẩn trương, theo bà, là việc đào tạo ít nhất 1500 cán bộ Việt Nam đủ sức phục vụ hội nghị bằng tiếng Pháp. Paris sẽ giúp Việt Nam đẩy nhanh chương trình đào tạo này từ tháng 5 năm nay. Bà Margie Sudre, mẹ người Việt Nam, sinh đẻ tại Việt Nam, đã tích cực bảo vệ đơn đăng cai tổ chức hội nghị của Hà Nội ngay từ những ngày đầu bà được chỉ định phụ trách về *francophonie* trong chính phủ Juppé, tháng 5.1995.

Một ngày trước chuyến đi của bà Sudre, một đoàn đại biểu tiểu ban Sản xuất và Trao đổi của quốc hội Pháp, do ông F.M. Gonnot, chủ tịch tiểu ban, dẫn đầu cũng đã tới Việt Nam trong một chuyến đi một tuần lễ để “ đánh giá về tình hình hợp tác giữa hai nước” và “ suy nghĩ về việc cải thiện sự hợp tác kinh tế với Việt Nam”. Đoàn sẽ trình một báo cáo trước quốc hội Pháp khoảng một tháng sau chuyến đi.

Phản ánh các quan hệ tốt đẹp với Pháp và mong muốn đẩy mạnh các quan hệ đó, báo chí và nhà cầm quyền Việt Nam đã dùng những tình từ hết lòng ca ngợi tổng thống Mitterrand ngày ông từ trần. Các báo đều đưa tin trang trọng trên trang nhất ngày 9.1, nhắc lại chuyến đi thăm Việt Nam năm 1993 của cố tổng thống. Người phát ngôn bộ ngoại giao tuyên bố “ Việt Nam rất xúc động trước tin tổng thống



*Mitterrand qua đời. Ông là một nhà hoạt động chính trị ngoại hạng, đã có những đóng góp lớn cho nước Pháp, cho hoà bình trên thế giới, và cho việc phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa Pháp và Việt Nam*". (AFP 9 – 12.1.1996)

## **Việt Nam - Cam Bốt : những mối quan hệ còn mong manh**

Mặc dù những lời lẽ tốt đẹp đã được cả hai bên sử dụng trong chuyến thăm Việt Nam của Vua Norodom Sihanouk tháng trước (xem Diễn Đàn số 48), một sự cố nhỏ vừa chứng minh tính mong manh của những quan hệ còn mang nặng nhiều duyên nợ của quá khứ.

Nhận được báo cáo của những nông dân các tỉnh biên giới Svay Rieng, Prey Veng và Kampong Cham, rằng nhiều nông dân Việt Nam " *được quân đội hỗ trợ, đã lấn sâu 3, 4 trăm mét vào lãnh thổ Cam-Bốt* ", đồng thủ tướng Cam Bốt, hoàng thân Norodom Ranariddh đã lên tiếng ngày 17.1 kết án Việt Nam " *xâm lăng* " Cam Bốt. Theo ông, " *Chuyến không lớn lắm, nhưng 300 hay 400 mét cũng là xâm lăng* ", " *Ngay cả một xăng-ti-mét cũng là xâm lăng* ". Ông nói với báo chí rằng tuần trước đã có những cuộc đụng độ giữa các đội tuần tra biên giới của hai nước, có người bị thương.

Phía Việt Nam, toà đại sứ ở Phnom Penh đã ra tuyên bố bác bỏ những " *lời vu khống* " của hoàng thân Ranariddh, và khẳng định mình " *tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh những thoả thuận giữa các nhà lãnh đạo hai nước, đặc biệt trong vấn đề biên giới* ".

Sáng hôm sau, 18.1, ngoại trưởng Ung Huot và đại sứ Trần Huy Chương đã có dịp gặp nhau tại sân bay trong buổi đón tiếp ngoại trưởng Ấn Độ Pranab Mukherjee. Hai ông đã nói chuyện với nhau một lúc, " *rất thân tình* " như ông Ung Huot đã trả lời báo chí. Một quan chức cao cấp bộ ngoại giao Cam-Bốt sau đó cho biết là " *vấn đề sẽ được giải quyết một cách bình thản và ngoại giao* ". Tuy nhiên, mấy ngày sau cả hai phía đều đã có những tuyên bố hoặc thông báo nhằm tăng sức ép lên nhau. (AFP 17-19.1, Reuter 23.1.1996).

## **550 triệu đôla cho đồng bằng sông Cửu Long**

Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đệ trình thủ tướng Võ Văn Kiệt một kế hoạch 5 năm phát triển đồng bằng sông Cửu Long. Theo nhật báo Saigon Times Daily ngày 10.1, kế hoạch dự trù phát triển 215 tụ điểm dân cư trong 11 tỉnh của đồng bằng, đưa về đó những người dân sống riêng lẻ ở những khu thường bị lũ lụt, đồng thời xây đê điều để bảo vệ 900 điểm dân cư khác. Ngoài ra, kế hoạch cũng đề ra việc cải thiện đất đai ở những nơi nước quá mặn. Từ báo dẫn lời bộ trưởng Nguyễn Công Tạn cho biết Ngân hàng phát triển châu Á đã thoả thuận viện trợ 80 triệu đôla để xây dựng tám trạm tiêu nước, khử mặn cải thiện 200 ngàn héc-ta ruộng trong tỉnh Trà Vinh.

Toàn bộ kế hoạch được ước lượng là 550 triệu đôla. Năm đầu tiên (1966) cần 107 triệu đôla với 50 triệu lấy từ ngân sách nhà nước, 36 triệu từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế đầu tư vào, và 21 triệu vay nhẹ lãi trong quỹ viện trợ của các nước. (AFP 10.1.1996)

## **Thieu điện**

Với mức phát triển kinh tế hiện nay, nhu cầu điện lại trở nên căng thẳng, nạn thiếu điện đang có nguy cơ xảy ra trong mùa khô tới, khi mực nước ở các đập thủy điện xuống thấp. Ông Bùi Thục Khiết, quan chức cao cấp của Công ty điện lực Việt Nam, cho biết như thế trong một bài phỏng vấn của báo Vietnam Economic Times ngày 13.1. Theo ông Khiết, nếu các nhà máy thủy điện tiếp tục chạy hết năng suất như hiện nay thì tháng tư, tháng năm tới sẽ dùng hết nước dự trữ, và sản lượng điện sẽ xuống khoảng 100 triệu kilowatt-giờ (KWh) so với tổng sản lượng thủy điện của năm 1995 là 10,5 tỉ KWh. Tính tất cả các nguồn điện thì công ty chỉ sản xuất được 16,4 tỉ KWh/năm (14,6 tỉ trong năm 1995), ít hơn nhu cầu được dự tính khoảng 1 tỉ KWh.

Theo ông Khiết, biện pháp hữu hiệu duy nhất là tiết kiệm. " *Bớt (dùng điện) một phần trăm là tiết kiệm được 50 triệu KWh trong 6 tháng* ". Ông cho biết mỗi ngày riêng việc dùng bếp điện để nấu nướng ở Hà Nội tốn khoảng một triệu KWh, do đó cần có những biện pháp khuyến khích dân thành phố chuyển sang bếp dùng khí đốt. Mặt khác, công ty điện lực cũng đã thông qua bộ trưởng Công nghiệp kiến nghị với chính phủ tăng giá điện từ 550 đồng lên 620 đồng một KWh. Với giá mới này, công ty vẫn phải trông vào ngân sách nhà nước để bù vào chi phí sản xuất.

Nhà nước Việt Nam đang cho tiến hành nghiên cứu khả thi việc xây dựng một đập thủy điện lớn trong tỉnh Sơn La, dự trù hoàn thành vào năm 2007 (có nghĩa là phải bắt đầu trễ lắm là trong 1, 2 năm tới), với năng suất hàng năm 17 tỉ KWh (lớn hơn thủy điện Hoà Bình), với ngân sách toàn dự án 3,5 tỉ đôla trông chờ vào viện trợ phát triển của Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á. Bên cạnh những vấn đề kỹ thuật và môi trường rất lớn, dự án này còn đòi hỏi di chuyển từ 50 tới 70 ngàn dân Sơn La. Tất cả những vấn đề chưa hoặc không có lời giải thoả đáng đó hình như không ảnh hưởng gì tới những giấc mơ vĩ đại của một số bộ óc ở Hà Nội ? (AFP 10, 12 và 13.1.1996)

## **Dầu mỏ**

Việt Nam đã xuất cảng 7,4 triệu tấn dầu thô trong năm 1995, hơn năm trước nửa triệu tấn, không đạt chỉ tiêu 8 triệu tấn nhưng cũng mang lại cho ngân quỹ nhà nước khoảng một tỉ đôla. Theo ông Ngô Thượng San, tổng giám đốc công ty Vietsovpetro, công ty dự trù đầu tư 1,5 tỉ đôla trong năm năm tới để đẩy sản xuất lên đạt mức trung bình mỗi năm 10,8 triệu tấn từ nay đến năm 2000. Tuy nhiên, nhiều công ty nước ngoài đang gây sức ép để đòi thay đổi những hợp đồng đã ký. BHP Petroleum, công ty Úc đứng đầu một tổ hợp đang khai thác mỏ Đại Hùng doạ sẽ ngưng hoạt động ở mỏ vào tháng tư tới nếu PetroVietnam không chịu thương lượng lại hợp đồng chia sản phẩm do thực tế trữ lượng của mỏ thấp hơn tính toán ban đầu. Mặt khác, bốn tháng sau khi công ty Pháp Total rút khỏi dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất (xem Diễn Đàn số 45), cuộc thương lượng chưa ngã ngũ với các công ty khác. Các công ty Petronas (Malaysia) và Conoco (Mỹ) đã hạ đề nghị tham gia 30 và 20 % cổ phần dự án xuống còn

30 % cho cả hai. Hai công ty Đài Loan China Petroleum Corp. và China Investment Development Corp. có chân trong dự án ban đầu với 40 % cổ phần đã xin rút xuống còn 10 %. Như vậy, nếu công ty Hàn Quốc LG Group nhận tham gia ở mức 30 % (cùng với 1, 2 đối tác khác họ tự kiếm), dự án có thể hình thành như sau : PetroVietnam 30 % (như dự án ban đầu), nhóm LG Group 30 %, nhóm Petronas và Conoco 30 %, nhóm hai công ty Đài Loan 10 %. Tuy nhiên, ông Arthur King, trong ban điều hành China Petroleum Corp. vừa qua đã nhấn mạnh nhiều lần là theo ông, do cảng Dung Quất nằm ở một vùng hoàn toàn thiếu các hạ tầng cơ sở (lấy lại luận điểm của Total !), chính phủ Việt Nam cần bỏ vào các công tác xây dựng hạ tầng này 300 triệu đôla nếu trị giá dự án vẫn được giữ ở mức 1,2 tỷ đôla. (AFP 9, 11, 16, 17.1.1996)

## Quan hệ quốc phòng Việt Nam – ASEAN

Bộ trưởng quốc phòng kiêm phó thủ tướng Thái Lan, ông Chavalit Yongchaiyudh, dẫn đầu một đoàn đại biểu gồm 50 quan chức cao cấp, trong đó có đại tướng tổng tư lệnh quân đội Thái Viroj Seangsanit đã tới thăm Việt Nam hai ngày 11-12.1.1996. Đáp lại, bộ trưởng quốc phòng Việt Nam Đoàn Khuê sẽ sang Bangkok dự một cuộc gặp các trách nhiệm quân đội khối ASEAN, sau hội nghị ASEAN-Liên hiệp châu Âu vào tháng 3 tới. Hội nghị này, theo một nhà ngoại giao Thái, sẽ thảo luận ở cấp cao về những vấn đề an ninh trong khu vực. Đây sẽ là lần đầu tiên bộ trưởng quốc phòng Việt Nam tham gia một hội nghị quốc tế lớn, một dấu hiệu nói lên những mối liên hệ đang được phát triển giữa quân đội Việt Nam và các lực lượng vũ trang khác trong vùng.

Cùng đi với ông Chavalit còn có một đoàn do bộ trưởng nông nghiệp Thái dẫn đầu để thảo luận với Việt Nam về những vấn đề hợp tác song phương. Thái Lan tỏ ý hy vọng rằng sau các cuộc gặp gỡ của hai đoàn này, Việt Nam sẽ sớm trả tự do cho 93 ngư phủ Thái hiện bị bắt giữ vì đánh cá trong hải phận Việt Nam, và đang bị Việt Nam đòi phạt mỗi người 20 000 đôla. (AFP 11 và 12.1.1996)

## Kinh tế 1995 qua số liệu

**Tốc độ tăng trưởng.** Theo những số liệu công bố cuối năm 1995, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đã tăng 9,5 % so với năm 1994. Đây là mức tăng cao nhất trong những năm vừa qua (1992 : 8,6 %, 1993 : 8,1 %, 1994 : 8,5 %). Tốc độ tăng trưởng này đạt được nhờ công nghiệp tăng 14 % (1994 : 13,5 %), dịch vụ tăng 12,6 % (1994 : 12,5 %), nông nghiệp tăng 4,7 % (1994 : 4,5 %).

**Lương thực.** Sản lượng lương thực quy ra thóc lên đến 27,5 triệu tấn là mức cao hơn tất cả các năm trước đây (1994 : 26 triệu tấn). Gạo xuất khẩu, kể cả xuất lậu, vượt 2,3 triệu tấn.

**Ngoại thương.** Kim ngạch xuất khẩu đạt 5,2 tỷ đô la (1994 : 3,6 tỷ), trong khi nhập khẩu đạt 7,5 tỷ đô la (1994 : 5 tỷ). Cán cân ngoại thương hụt 2,3 tỷ đô la, (1994 : 1,4 tỷ). Cán cân thanh toán quốc tế được cân bằng nhờ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và viện trợ phát triển. Dự trữ ngoại tệ tăng lên 66,4 tỷ đô la (1994 : 53 tỷ).

**Đầu tư nước ngoài.** Tổng số vốn đăng ký của những dự

án đầu tư mới là 6,4 tỷ đô la. Ngoài ra, những dự án đầu tư đang hoạt động đã đăng ký tăng thêm vốn tổng cộng là 1,2 tỷ đô la. Đồng thời, tổng số vốn của những dự án đầu tư bị hủy giấy phép là 650 triệu đô la. Như vậy, tổng số vốn đăng ký năm 1995 đạt gần 7 tỷ đô la (1994 : 4 tỷ), tăng đến 75 % là nhịp độ tăng cao nhất từ khi có luật đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, tổng số vốn thực hiện đạt 2,1 tỷ đô la (1994 : 1,7 tỷ), tăng 22 % là nhịp độ tăng kém nhất từ trước tới nay (1989 : 66 %, 1990 : 105 %, 1991 : 30 %, 1992 : 105 %, 1993 : 87 %, 1994 : 70 %)

**Ngân sách.** Phần thu ngân sách không đạt kế hoạch 53 350 tỷ đồng, và số thiếu hụt là 7 đến 8 % (khoảng 4 000 tỷ đồng). Do không chủ trương phát hành tiền, nhà nước đã chọn cắt giảm phần chi ngân sách và không hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.

**Lạm phát.** Chỉ số tăng giá trong năm 1995 là 12,7 %, tuy vượt qua mức 10 % nhưng thấp hơn mức của năm 1994 (14,4 %). Sáu tháng đầu năm đã chứng kiến nhiều cơn sốt giá (gạo, xi măng ...) song từ tháng 7 trở đi lạm phát đã được kiềm chế. Suốt năm 1995, giá đô la đã ổn định trên dưới 11 000 đồng, trong khi giá vàng có xu hướng giảm (mất 3% so với đầu năm).

**Nguồn :** Tuổi Trẻ chủ nhật 31.12.95 ; Phụ Nữ TPHCM 3.1 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 4.1 ; Sài Gòn giải phóng 4.1 ; Asiaweek 5.1.96.

## Doanh nghiệp : chế độ kế toán mới

Từ đầu tháng giêng 1996, một chế độ kế toán mới áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam đang đi vào thực hiện trong cả nước. Theo vụ trưởng chế độ kế toán của bộ tài chính, ông Đặng Văn Thanh, chế độ kế toán cũ “ không cho thấy được thực trạng tài chính của doanh nghiệp ”. Hệ thống thông tin kế toán mới sẽ cho phép biết, tại một thời điểm, tổng số tài sản của doanh nghiệp có bao nhiêu, được hình thành từ nguồn nào và đang nằm ở trạng thái nào (tiền, hàng hóa, vật tư hay công nợ).

Tuy nhiên, chế độ kế toán mới này không áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn nước ngoài vì luật đầu tư đã cho phép họ được chọn bất kỳ hệ thống kế toán nào. Cho nên, tình trạng hiện nay là hơn một ngàn doanh nghiệp có vốn nước ngoài đang thực hiện chế độ kế toán đủ loại của Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, Trung Quốc... Ông Thanh cho biết chế độ kế toán mới của Việt Nam được xây dựng trên cơ sở “ tôn trọng và chọn lọc những chuẩn mực, nguyên tắc, thông lệ quốc tế ” để có thể hòa nhập với các nước, và cần có thời gian cải tiến mới có thể áp đặt nó cho các doanh nghiệp nước ngoài. (Lao Động 2.1.96)

## SEA Games 95 : thể thao và chủ nghĩa dân tộc

Tại Đông Nam Á vận hội SEA Games lần thứ 18 tổ chức tháng 12 vừa qua ở Chiang Mai (Thái Lan), thể thao Việt Nam đã tham gia thi 14 môn và giành được 52 huy chương, gồm 10 vàng, 18 bạc, 24 đồng, trong 10 bộ môn : điền kinh, judo, taekwondo, pencat silat, cử tạ, bắn súng, xe đạp, quần vợt, bóng bàn, bóng đá. Trên 10 nước tham dự, Việt Nam xếp hạng thứ 7, sau Thái Lan (346 huy chương), Indonesia (221),

Philippines (143), Malaysia (149), Singapore (95), Myanmar tức Miến Điện (62), và trước Brunei (8), Lào (7), Campuchia (2). Nếu xếp theo số lượng huy chương vàng thì Việt Nam đứng trước Myanmar.

Mười huy chương vàng do những vận động viên Việt Nam đoạt được thuộc các môn điền kinh, judo, taekwondo, bắn súng, bóng bàn :

- Vũ Bích Hương, ở cự ly 100 m rào nữ, đã mang về huy chương vàng đầu tiên trên đấu trường thể thao quốc tế của điền kinh Việt Nam.

- Vũ Mạnh Cường, đã đem trở lại chức vô địch đơn nam cho bóng bàn Việt Nam sau 28 năm, từ khi Lê Văn Inh đăng quang (1967).

- Trần Quang Hạ, huy chương vàng Taekwondo tại SEA Games, đồng thời huy chương vàng Á vận hội (Asiad 1994) và huy chương đồng thế giới (tháng 11.1995), khẳng định chỗ đứng võ sĩ có đẳng cấp quốc tế cao nhất của Việt Nam.

- Cao Ngọc Phương Trinh đã lập kỳ tích 3 lần đoạt huy chương vàng judo nữ liên tiếp tại những cuộc thi SEA Games.

- Đào Thị Minh Tâm, ở môn bắn súng nữ, là vận động viên Việt Nam mang về nhiều huy chương nhất với 3 vàng và 1 đồng.

Song, gây tác động mãnh liệt nhất trong quần chúng là bóng đá, với sự kiện đội Việt Nam sau 28 năm mới vào lại tới chung kết (năm 1967, đội tuyển miền Nam Việt Nam đã thua đội Myanmar 1-0 trong trận chung kết SEA Games). Ngày 14.12 vừa qua, khi những cầu thủ Việt Nam thắng Myanmar 1-0 ở vòng bán kết, các đô thị ở khắp nước đã chứng kiến hiện tượng người dân ò ạt xuống đường biểu tình với cờ xí, băng rôn và hô vang những khẩu hiệu (" Việt Nam chiến thắng ", " Việt Nam vô địch ", " Việt Nam - Hồ Chí Minh muôn năm "). Đến tối chung kết 16.12, khi đội Việt Nam bị Thái Lan hạ 4-0, phản ứng dân tộc chủ nghĩa và bài Thái đã biến việc ra đường biểu tình thành những cuộc đụng độ chưa từng thấy giữa giới thanh niên và các lực lượng cảnh sát. Suốt đêm, ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, cả ngàn xe gắn máy và xe cảnh sát đã đuổi nhau trên đường phố ... (Tuổi Trẻ 16 và 24.12 ; Lao Động 17 và 19.12.95)

↳ Lần đầu tiên để cho trật tự an ninh thành phố tuột tay, nhà cầm quyền Việt Nam hình như đã nghiệm ra rằng khai thác chủ nghĩa dân tộc trong thể thao hầu củng cố chế độ chuyên chính là ... chơi với lửa.

## Giải thưởng văn nghệ 1995

Hội điện ảnh đã trao giải thưởng năm 1995 cho ba phim truyện : **Thương nhớ đồng quê** của Đặng Nhật Minh, **Lưỡi dao** của Lê Hoàng, **12 A và 4 H** của Bùi Thạc Chuyên ; và năm phim tài liệu : **Một góc công viên** của Trần Văn Thủy, **Cuộc hội ngộ sau 30 năm** của Lê Mạnh Thích, **Niềm vinh quang lặng lẽ** của Văn Lê, **Thời gian vĩnh cửu** của Mỹ Hà, **Một khoảnh khắc mùa xuân** của Lê Thi.

Hội nghệ sĩ sân khấu đã trao giải thưởng hàng năm cho ba vở : kịch **Người không thể chết** của tác giả Thanh

Đạm, đạo diễn Lê Hùng (Đoàn kịch Quảng Ninh), cải lương **Dạ cổ hoài lang** của tác giả Thanh Hoàng, đạo diễn Công Ninh (Câu lạc bộ sân khấu thể nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh), và tuồng **Bùi Thị Xuân - hồi kết cuộc** của tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Văn sứ (Nhà hát tuồng Đào Tấn, Bình Định).

Hội nhạc sĩ Việt Nam đã quyết định trao giải thưởng cho các tác phẩm : **Thăng Long** , hòa tấu cho vĩ cầm và dàn nhạc giao hưởng của Đàm Linh, **Tráy hội đèn Hùng**, thanh xướng kịch của Doãn Nho, **Fantasia số 1** và **Tiếng rừng** của Quang Hải và của Đỗ Hồng Quân trong thể loại hòa tấu dàn nhạc nhỏ.

Sau hai mươi năm chờ đợi, Thành phố Hồ Chí Minh vừa khánh thành tại Nhạc viện thành phố một phòng hòa nhạc gần 400 chỗ, có sân khấu cách âm, không sử dụng micro để tạo điều kiện cho nghệ thuật giao hưởng - thính phòng phát triển (Tuổi Trẻ 14.12 ; Phụ Nữ TPHCM 30.12.95 ; Người Lao Động 2.1 ; Sài Gòn giải phóng 7.1.96)

## TIN NGẮN

• Công ty Nhật Mitsubishi vừa thông báo đã **khoan thủng đầu** lần thứ hai ở lô 15-2 vùng mỏ Bạch Hổ, với lưu lượng 7 159 thùng/ngày. Năm ngoái, công ty đã khoan được một mũi có dầu vọt lên với lưu lượng 14 389 thùng/ngày. Theo công ty, nếu một mũi khoan thứ ba có dầu nữa thì việc khai thác lô mỏ có thể bắt đầu.

• Theo AFP-Asia ngày 18.1.1996, một quan chức cao cấp phụ trách dầu khí ở Hà Nội đã nói với nhà báo là chính phủ sẽ không thông qua việc xây dựng **nhà máy lọc dầu thứ hai** (sau Dung Quất) ở khu vực Thành phố HCM - Vũng Tàu.

• Tính theo phương pháp sức mua PPP (*purchasing power parity*), **tổng sản phẩm quốc nội** (GDP) của Việt Nam lên đến 93 tỷ đô la trong năm 1995. Theo cách tính này, khoảng cách GDP/đầu người giữa Việt Nam (1 263 đô la) và Thái Lan (6 816 đô la) giảm đi hơn phân nửa so với cách tính cổ điển chỉ căn cứ trên hối suất.

• **Bộ trưởng tài chính Israel** Abraham Shohat là nhân vật đầu tiên trong chính phủ Israel đã tới thăm Hà Nội ngày 22-24.1.1996. Hai nước đã thiết lập ngoại giao năm 1993. Cùng đi với ông có một đoàn doanh nhân Israel. Kết thúc chuyến đi, hai bên đã ký các hiệp định về quan thuế, du lịch và hợp tác kinh tế, khoa học, nông nghiệp và thương mại.

• Trung tướng Phạm Văn Trà, 60 tuổi, tư lệnh quân khu 3 (đồng bằng sông Hồng), vừa được phong làm **tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam** thay tướng Đào Đình Luyện. Phải chăng, ông Trà sẽ là người thay thế bộ trưởng quốc phòng Đoàn Khuê sau đại hội 8 sắp tới, ông Đoàn Khuê là một trong những " ứng cử viên " làm tổng bí thư đảng ?

• Ngân hàng Thế giới sẽ cho Việt Nam vay **150 triệu đôla** cho các chương trình **phát triển y tế** ở những tỉnh nghèo nhất nước, chương trình phòng chống bệnh sốt rét và bệnh lao phổi, và kế hoạch hoá gia đình.

• Sanyo Vietnam Co. Ltd, một công ty với 100 % vốn Nhật, sẽ đầu tư 37 triệu đôla để xây một **nhà máy sản xuất**

**máy giặt** với công suất ban đầu 20 000 đơn vị trong năm 1997, có thể tăng lên tới 500 000 đơn vị mỗi năm trong tương lai. Nhà máy sẽ được dựng tại Biên Hoà.

- Nhà máy chế biến nông sản lớn nhất do nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, cũng được xây dựng trong khu công nghiệp Biên Hoà, sẽ là **nhà máy làm thức ăn gia súc** với công suất 10 tấn/ngày, do công ty Mỹ Cargill Asia-Pacific Ltd đầu tư 100 %, trị giá 18 triệu đôla. Cho tới nay, vẫn rất ít công ty ngoại quốc đầu tư vào lãnh vực nông nghiệp ở Việt Nam.

- Các công trình **tái thiết quốc lộ số 1** được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, quyết định từ hè 1993 (ĐD số 22), nay mới bắt đầu đi vào thực hiện. Đoạn đường Sài Gòn - Nha Trang, dài 435 km do ADB tài trợ, đã được khởi công từ cuối tháng 12.1995. Hai đoạn khác, Hà Nội - Vinh và Sài Gòn - Cần Thơ, do WB giúp, sẽ bắt đầu trong năm nay.

- Công ty Lucky Cement của Đài Loan sẽ đầu tư 65 % trong một dự án trị giá 265 triệu đôla để xây dựng một nhà máy sản xuất **ximăng** trong huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng. Cho tới nay, các công ty nước ngoài đã tham gia 5 dự án xây dựng nhà máy ximăng trên cả nước, với công suất tổng cộng 7,7 triệu tấn/năm, và tổng giá đầu tư 1, 165 tỉ đôla.

- Công ty Nhật Mino Group đã được phép đầu tư 105 triệu đôla để xây dựng một **nhà máy nhôm** ở Gò Dầu, tỉnh Đồng Nai. Nhà máy chuyên sản xuất các thanh, thỏi và khung nhôm sẽ được xây dựng xong trong ba năm tới, một nửa sản lượng của nhà máy sẽ được tiêu thụ trong nước, một nửa xuất khẩu.

- Nhóm **làm bạc giả** đầu tiên bị bắt trong năm 1995 đã bị đưa ra toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai tháng 1 vừa qua. Người cầm đầu nhóm đã **bị kết án tử hình**, trong khi 5 đồng phạm khác bị án 20 năm tù giam, 13 người khác bị từ 1 tới 8 năm tù giam.

- Hơn một nửa **các mặt hàng** trong danh sách hàng của các nước ASEAN **được hưởng thuế ưu đãi dưới 5 %** khi nhập vào Việt Nam, kể từ 1.1.1996, là máy móc và trang thiết bị. Danh sách đầu tiên này rút cục chỉ gồm 857 mặt hàng, tức khoảng non 40 % của số 2 265 mặt hàng mà các nước ASEAN đề nghị Việt Nam giảm thuế, thay vì 60 % như được báo trước (xem Diễn Đàn số trước).

- Từ ngày 1.1 1996, người trong nước cũng như người nước ngoài xuất hay nhập cảnh Việt Nam có thể mang đến **7 000 đô la** mà **không phải khai báo** hải quan của khẩu. Mức trước đây là 5 000 đô la.

- Trong năm 1995, hải quan Tân Sơn Nhất đã phát hiện hơn 3,2 triệu đô la **chuyển ngân lậu**; và hơn 7 tỷ đồng hàng hóa không khai báo, trong đó có ... 50 con cù lằn.

- Ngày 30.12 1995, chủ tịch nước Lê Đức Anh đã ký quyết định tha tù đợt thứ ba cho 681 phạm nhân. Tổng cộng cả năm đã có 3 302 người được hưởng **đặc xá**.

- Trong tháng chạp 1995, bộ trưởng văn hóa thông tin Trần Hoàn đã ra quyết định tạm thời **đình bản báo** Thương Mại (của bộ thương mại) vì thông tin "không có sự thật" rằng: một lãnh đạo cấp cao nhà nước đã được một lãnh đạo

quận Phú Nhuận ở Thành phố Hồ Chí Minh biếu một pho tượng bằng vàng ròng ... (một tháng sau, báo đã được ra lại).

- Cũng trong tháng chạp vừa qua, bộ văn hóa và thông tin đã chính thức **cảnh cáo báo** Doanh Nghiệp (của Liên Minh các hợp tác xã Việt Nam) vì đã vi phạm chỉ thị cấm đốt pháo của chính phủ khi đưa tin: Nha Trang rền vang tiếng pháo mừng thắng lợi của đội tuyển bóng đá Việt Nam ở SEA Games!

- Tỉnh Bắc Thái đã lên tiếng báo động về tình trạng "tự xử": khi bắt được kẻ trộm, thay vì dẫn độ đến nhà chức trách, người dân thường xúm vào đánh cho đến chết rồi vứt xác ra đường. Năm 1995 đã có 8 **kẻ trộm bị hành hạ đến chết**.

- Tại Sóc Trăng, một nhà doanh nghiệp tư nhân, ông Hứa Hóc Lũy, đã "ấm" **53 tỷ đồng** vay của ngân hàng tính với sự bảo lãnh của một số cán bộ tỉnh. Trước khi chạy trốn, ông Lũy còn kịp làm đơn ly dị nhằm hợp pháp hóa một số tài sản do vợ đứng tên.

- Theo những số liệu chưa đầy đủ, năm 1995, đã xảy ra **55 cuộc đình công** trong cả nước. Đứng đầu là Thành phố Hồ Chí Minh với 25 cuộc đình công, trong đó có 4 vụ xảy ra ở doanh nghiệp quốc doanh; tiếp theo là Sông Bé (10 vụ), Hải Phòng (9), Đồng Nai (5), Quảng Nam - Đà Nẵng (4).

- Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có hơn **1 000 taxi** mà những hoạt động cạnh tranh đang làm cho giá chuyên chở giảm liên tục. Từ đầu năm nay, thành phố Nha Trang cũng đã có đội taxi gồm 50 chiếc xe được điều hành bằng hệ thống vô tuyến.

- Bộ trưởng giáo dục và đào tạo Trần Hồng Quân dự kiến trình cho chính phủ **13 đề án thành lập trường đại học dân lập**. Nếu định hướng này được thực hiện, sau năm 1996, cả nước sẽ có 21 trường đại học dân lập, trong đó 9 trường ở Hà Nội, 8 ở Thành phố Hồ Chí Minh, một ở Đà Nẵng, một ở Sông Bé, một ở Đồng Nai.

- Ngày 25.12 vừa qua, ủy ban nhân dân thành phố Huế đã tổ chức lễ tưởng niệm **50 năm ngày mất của vua Duy Tân**. Từ Pháp về dự lễ, có trưởng công chúa Rita Vĩnh San và hoàng tử Roger Vĩnh San, con gái và con trai út của cựu hoàng Duy Tân.

- Tại "Giải vô địch cờ vua đấu nhanh thiếu niên thế giới lần thứ nhất" tổ chức tháng 12 vừa qua tại Paris với sự tham dự của 51 nước trong đó có Việt Nam, **Châu Thị Ngọc Giao** đã đoạt chức **vô địch nữ tuổi 14**. Em đã được đại diện cho châu Á đấu hữu nghị với cựu vô địch cờ vua thế giới Karpov.

- Vừa qua tổng thống Bill Clinton đã **bổ nhiệm một người gốc Việt Nam** làm phó tổng giám đốc về giáo dục song ngữ và ngôn ngữ thiểu số ở bộ giáo dục Hoa Kỳ. Đó là ông Phạm Thu Đăng, 40 tuổi, giám đốc về giáo dục cho người di dân ở tiểu bang Massachusetts.

- Trợ lý bộ trưởng ngoại giao Mỹ Winston Lord và các bộ trưởng thương mại và kế hoạch **Việt Nam** Lê Văn Triết và Đỗ Quốc Sam đã bắt đầu một vòng **thương lượng** tại Hà Nội từ ngày 19.1 về **quan hệ kinh tế** giữa hai nước. Tới nay, Mỹ đã đầu tư 830 triệu đôla trong 25 dự án ở Việt Nam.



## Chuẩn bị Đại hội VIII :

# tiếp tục đàn áp chính trị

Mấy tháng trước Đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt Nam, không khí chính trị càng trở nên căng thẳng, nặng nề. Song song và gắn liền với cuộc đấu tranh quyền lực trong nội bộ (xem *Diễn Đàn* số trước), là cuộc đàn áp chính trị nhằm bịt kín mọi cuộc thảo luận dân chủ có thể diễn ra trong quá trình chuẩn bị đại hội.

Hơn một tháng sau khi công an bắt giam các ông **Nguyễn Xuân Tụ (Hà Sĩ Phu)**, **Lê Hồng Hà** và **Phạm Quế Dương** (như chúng tôi đã đưa tin trong số trước), ngày 17.1.96 vừa qua, trong cuộc họp báo hàng tuần, người phát ngôn Bộ ngoại giao mới thừa nhận việc “ tạm giam ” hai ông Tụ và Hồng Hà, còn báo chí trong nước vẫn giữ im lặng. Các tờ báo, mặc dầu là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng, các đoàn thể và cơ quan chính quyền đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ban văn hoá tư tưởng ĐCSVN và sự kiểm soát thường trực của công an (dưới danh nghĩa Cục, phòng Bảo vệ văn hoá), đã được chỉ thị nghiêm ngặt : tất cả những tin liên quan đến đàn áp chính trị, phải đặng và chỉ được đặng nguyên si bản tin chính thức của Việt Nam thông tấn xã. Thí dụ gần đây nhất : tờ *Sài Gòn giải phóng* vừa bị khiển trách vì đăng tin phiên toà xử hai ông **Hoàng Minh Chính** và **Đỗ Trung Hiếu** mà dám viết lại bản tin của Thông tấn xã, chứ không đặng nguyên văn, mặc dầu bản viết lại không có gì sai lệch, thêm thắt cả ! Thí dụ thứ hai : báo đài tuyệt đối không được nói gì tới vụ tịch thu và cấm lưu hành cuốn sách *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội* của ông **Nguyễn Văn Trấn** (xem bài trang sau).

Bà **Đặng Thị Thanh Biên**, vợ ông Hà Sĩ Phu, đã ra Hà Nội từ trung tuần tháng 12.95, nhưng cho đến trung tuần tháng 1.96 vẫn chưa được thăm chồng. Trả lời điện thoại của báo *Thiên Chí* (Đức), bà Thanh Biên cho biết “ bà sẽ không về Đà Lạt nữa, bà phải đi tìm việc gì đó để kiếm sống ở Hà Nội, chẳng hạn như rửa bát đĩa ở khách sạn, hoặc lau chùi nhà cửa. Bà sẽ ở lại Hà Nội cho đến khi bà được gặp ông Hà Sĩ Phu và đến khi ông được trả tự do. Bà không bận tâm lắm đến căn nhà của ông bà ở Đà Lạt, vì trong đó chẳng có gì đáng giá, ngoài chiếc máy vi tính và cái tủ đựng hoá chất đã bị công an niêm phong. Còn quán hàng của bà thì chẳng ai dám đến mua hàng, sau khi ông Hà Sĩ Phu bị bắt. Hai ông bà Hà Sĩ Phu không có con, nên đối với bà lúc này cũng đỡ bận bịu ”.

Nhà văn **Tiêu Dao Bảo Cự**, bạn thân của Hà Sĩ Phu, trong bài *Hà Sĩ Phu, biểu tượng của trí tuệ và tự do tư tưởng* gửi cho bạn bè cuối tháng 12.95, đã bình luận như sau về việc bạn anh bị bắt vì “ hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật của nhà nước ”:

“ Thật là khôi hài ! Hà Sĩ Phu tức Nguyễn Xuân Tụ, một cán bộ khoa học 55 tuổi đã về hưu, sức khoẻ ốm yếu, đủ thứ

bệnh tật, lại có khả năng chiếm đoạt cái gì bí mật của nhà nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh đang cai trị trên đất nước Việt Nam. Rõ ràng là ngược lại, nhà nước đang chiếm đoạt tự do của công dân Hà Sĩ Phu (...) Làm thế nào có thể im lặng khi Hà Sĩ Phu, một người trí thức chân chính, chỉ vì phát biểu tư tưởng của mình về những vấn đề quan trọng của đất nước và thời đại một cách ôn hoà, đầy tâm huyết lại phải chịu tù đầy ? ”.

Trung tuần tháng 1.96, thành phố Hồ Chí Minh xôn xao tin đồn nhà cầm quyền chuẩn bị bắt giam ông **Nguyễn Hộ** (tháng 6.95, khi chính quyền tổng giam hai ông Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu, thì tướng Trần Văn Danh đã đến nhà ông Hộ và dọa bắt). Theo giới thạo tin, thì tin đồn này được tung ra từ chính Sở Công an. Ngay khi được bản tin, ông Nguyễn Hộ đã nhắn lại cho Thành uỷ, Sở Công an thành phố, và cả Bộ nội vụ và Bộ chính trị ĐCSVN là ông quyết tâm tử thủ tại ngôi nhà 11, Trần Quốc Thảo của ông, nếu họ dùng bạo lực đến nhà bắt ông, thì ông sẽ biến ngôi nhà ở thành “ nhà mồ ”.

## Nhà thơ Bùi Minh Quốc

“ chia tay Hội văn nghệ Lâm Đồng ”

Sáng ngày 9.9, nhà thơ Bùi Minh Quốc đã công khai “ tuyên bố ra khỏi Hội Văn nghệ Lâm Đồng ” và “ hẹn gặp lại nhau trên các trang viết và trong sinh hoạt các nhóm, các trường phái tự do, thú vị hơn, thoải mái hơn ”. Bùi Minh Quốc đã tuyên bố như vậy tại đại hội 2 của Hội văn nghệ Lâm Đồng. Ông là chủ tịch HVNLĐ từ đầu năm 1988, do đại hội 1 bầu ra. Nhưng đến tháng 7.89, ông bị cách chức (đồng thời bị khai trừ khỏi ĐCS) do một quyết định của... bí thư tỉnh uỷ Lâm Đồng.

“ Tội trạng ” của Bùi Minh Quốc (và của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự) là “ hoạt động có tính chất bè phái ” : tháng 11.1988, hai nhà văn này đã thực hiện một chuyến đi dọc miền Trung, ra Hà Nội, gặp các đồng nghiệp, soạn và ký chung với 116 văn nghệ sĩ một bản kiến nghị gửi Trung ương ĐCS, yêu cầu cụ thể hoá bản Nghị quyết 05 của Bộ chính trị về quyền tự do sáng tác (nghị quyết này, do ông Trần Độ đề xuất, đã đánh dấu sự cõi trời của ĐCS trong thời kỳ 87-88, sau đó đã bị chìm trong im lặng).

Điều đáng chú ý là ngoài lời buộc tội của tỉnh uỷ Lâm Đồng, cho đến nay không có một văn kiện nào của ĐCS hay nhà nước kết án hai nhà văn này cả. Không những thế, sau 5 năm điều tra, Ban kiểm tra Hội nhà văn Việt Nam đã kết luận trong báo cáo (báo cáo này không được đọc, nhưng đã được thông báo văn bản cho Đại hội 5 Hội nhà văn họp tháng 2.1995) : “ nhận thấy các văn bản tuyên bố, kiến nghị làm ở

(xem tiếp trang 11)

Lãnh đạo ĐCSVN lúng túng trước  
cuốn sách “ xuất bản tại gia ” của

## Ông già Chợ Đệm NGUYỄN VĂN TRẦN

Cuốn sách mang cái tên là lạ : *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội*. Mẹ nghĩa bóng có khi được gắn với Tổ quốc, với Đất nước. Chưa thấy ai liên hệ Mẹ mình với Quốc hội, nhất là một quốc hội mà *chăm-phần-chăm* đại biểu đã được giới thiệu, đề cử trước khi được bỏ phiếu bầu một cách hình thức. Tác giả cũng không làm vậy, nhưng cuốn sách này, ông viết vừa *cho Mẹ* vừa *cho Quốc hội*. Một người 81 tuổi, gần đất xa trời, viết cho người mẹ đã từ trần trước ngày ông trở về quê cũ sau một phần tư thế kỷ, hẳn để *làm tròn chữ hiếu* bằng những tâm huyết của một đời người, điều này dễ hiểu. Còn tại sao ông lại viết cho mấy trăm đại biểu Quốc hội ? Cũng dễ hiểu lắm, chỉ cần nêu ra hai lý do. Trước tiên, ông là đại biểu dân cử đầu tiên (và duy nhất) của thành phố Sài Gòn tại Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam, cách đây đúng 50 năm. Thứ nữa, ông viết cho *cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam* để hỏi một câu : *bao giờ tôi được tự do ra báo, tự do không hơn thì ít nhất cũng bằng thời thực dân những năm 1930, trong khuôn khổ đạo luật 29.7.1881 áp dụng ở Nam Kỳ ?*

Người đặt ra câu hỏi *phạm huý* ấy không xa lạ gì với bạn đọc Diễn Đàn : ông Nguyễn Văn Trần, tác giả cuốn *Chợ Đệm quê tôi*, mà số Tết Ất Hợi năm ngoài, chúng tôi đã trích đăng chương *Thịt heo luộc Chợ Đệm* (ĐĐ số 38, 2.95).

Sinh năm 1914 tại Chợ Đệm, Nguyễn Văn Trần hoạt động cách mạng từ giữa thập niên 1930 (đặc biệt, báo *Dân chúng*). Cách mạng tháng Tám : “ *Người tổ chức cướp chính quyền ngày 25.8.1945 ở Sài Gòn là chính tôi đây, chỗ tôi không có ai trên đầu để tôi làm phó cả* ”. Kháng chiến : bí thư khu uỷ Khu 9 kiêm chính uỷ Quân khu, xú uỷ viên Nam Bộ. 1951 : đại biểu Đại hội II (hợp ở Việt Bắc) của Đảng cộng sản, sau đó sang Bắc Kinh học khoá chính trị đầu tiên. 1954 : phụ trách Trường Đại học nhân dân Hà Nội. Sau đó, làm việc ở Ban khoa giáo trung ương dưới quyền Tố Hữu. Năm 1976, về lại miền Nam. 1988 : lúc đầu không tham gia Câu lạc bộ Kháng chiến cũ của ông Nguyễn Hộ, sau đó nhận phụ trách tờ báo *Truyền thống kháng chiến* (ra được 3 số thì bị cấm hẳn).

*Viết cho Mẹ và cho Quốc hội* dài 544 trang là câu chuyện kể với giọng văn khẩu thuật đọc đáo Nam Bộ. Nó là một hồi ký, chứng từ (trực tiếp hoặc gián tiếp) về hoạt động của Đảng cộng sản và không khí báo chí, chính trị ở Nam Kỳ trong thời gian 1935-45, về những năm đầu kháng chiến ở Nam Bộ (46-49), những năm chủ nghĩa Mao xâm nhập và chế ngự Việt Bắc và miền Bắc (1950-67), về hoạt động của nhóm Câu lạc bộ Kháng chiến cũ từ 1987 đến nay. Tác giả kể lại những sự việc mà chính ông đã tham gia hay chứng kiến, hoặc ghi lại

lời kể của những nhân chứng trực tiếp (như các ông Bùi Công Trùng và Ung Văn Khiêm trong những trang trích đoạn mà chúng tôi đăng dưới đây). Hoặc ông chép lại toàn văn những bài viết của nhiều người (từ thời Nhân văn Giai Phẩm đến nay : Nguyễn Mạnh Tường, Hữu Loan, Phùng Quán, Phạm Thị Tề, Đỗ Trung Hiếu, Chân Tín, Bùi Minh Quốc...), là những tài liệu đã từng được phổ biến trong nước, lần đầu tiên được tập hợp trong một cuốn sách.

Nhưng ý nghĩa của *Viết cho Mẹ và cho Tổ quốc* có lẽ vượt xa hẳn nội dung — phong phú mà đa tạp — của nó : đây là một cái mốc trong lịch sử cuộc đấu tranh cho tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản ở nước ta từ một thế kỷ nay. Lần đầu tiên, một cuốn sách dày hơn 500 trang được chế bản bằng máy vi tính, in chụp từng tờ khổ A4, gấp làm đôi, khâu chỉ từng tập nhỏ, đóng dán lại thành sách, tất cả bằng phương tiện thủ công, không qua một nhà in nào, rồi phát hành ra hàng trăm bản, dưới hai dạng thức cũng hết sức độc đáo : mấy chục bản có đánh số, do tác giả ký tặng bạn bè, số còn lại ông và các bạn bán cho cán bộ với giá 500 000 đồng một cuốn sau khi “ thuyết giảng ” cho từng người, đặc biệt là công an, quân đội. Cứ như thế, từ tháng 9.95 trở đi (cuốn sách được đề ngày xuất bản : 2.9.1995), nó lan truyền trong thành phố, xuống miền Tây, ra Bắc... và ra nước ngoài (trung tuần tháng 1.96, nhà xuất bản Văn Nghệ ở California đã tái bản).

Phản ứng của bộ máy Đảng cộng sản Việt Nam là một sự lúng túng xen lẫn lo ngại, tức tối.

Sự lúng túng thể hiện qua trang tài liệu phía trên mang chữ “ MẬT ” phía dưới đóng khung mấy chữ “ **không phổ biến trên Báo, Đài** ” : đó là Quyết định số 58/QĐ-UB-NCVX, ngày 22-11-1995 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc « *cấm lưu hành, tịch thu cuốn sách “ Gởi Mẹ và Quốc hội ” của ông Nguyễn Văn Trần* » [vì lúng túng, vội vã, hay cầu thả, người ta đã viết sai cả đề tựa cuốn sách].

Thay mặt chính quyền thành phố, ông Trương Tấn Sang, chủ tịch uỷ ban, đã quyết định “ *cấm lưu hành* ”, ra lệnh công an phải “ *tìm ra nơi in ẩn, sao chụp, đường dây phát hành, tịch thu và quản lý chặt chẽ toàn bộ số sách đã in và phát hành trái phép* ”. Quyết định này được “ *phổ biến miệng đến cán bộ, công nhân viên Nhà nước* ” để “ *mọi người có trách nhiệm phát hiện, vận động những người có quyền sách này nộp cho thủ trưởng đơn vị để chuyển giao cho Công an thành phố* ”.

Lịch sử chính trị Việt Nam sẽ ghi trang tài liệu này như một điển hình về những bí ẩn nghịch lý vượt xa óc tưởng tượng của nhà văn Franz Kafka : một quyết định *mật*, chỉ được *phổ biến miệng trong nội bộ giới cán bộ đảng và chính quyền*, song « (...) *những người có quyền sách “ Gởi Mẹ và Quốc hội ” chịu trách nhiệm thi hành quyết định này* ». Mọi người phải tuân thủ pháp luật. Không ai được quyền không biết pháp luật, điều ấy ai cũng biết. Nhưng *không phải mọi người đều được quyền biết pháp luật, và mọi người có trách nhiệm thi hành, thì quả là hiếm có*.

Của đáng tội, Uỷ ban nhân dân chỉ thi hành một quyết định của Ban bí thư Trung ương ĐCSVN do ông Đào Duy Tùng truyền đạt. Một tháng trước đó, ông Tùng đã chỉ thị cho một *nhóm công tác* đọc, tóm tắt nội dung cuốn sách và kiến nghị đối sách.

Trong một báo cáo MẬT gửi ngày 30.10.95 cho các ông Đỗ Mười, Đào Duy Tùng và Lê Khả Phiêu, nhóm công tác này nhận định :

« Đây là một cuốn sách có nội dung rất phản động, rất độc hại vì nó vu khống, bêu xấu, chửi bới, lên án gay gắt sự lãnh đạo của Đảng ta một cách "toàn diện" (...). Nó lại được viết theo một thể văn khẩu thuật vừa dân dã, vừa có học vấn và gom lại được tiếng nói, lời văn của nhiều người khác có tên tuổi như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Xiển, Nguyễn Khắc Viện, Napoléon và những bài thơ có chọn lọc của những người có tư tưởng sai trái, chống đối như Phùng Quán, Hữu Loan, Bùi Minh Quốc, lối viết và cách nêu vấn đề cũng có tính kích động và gây áp lực nên nó sẽ có tác động mạnh đến người đọc (từ dân thường đến thanh niên trí thức). Điều đặc biệt đáng lưu ý là tác giả lại là một người có tuổi, đã có một quá trình hoạt động cách mạng lâu năm ở miền Nam, miền Bắc, một trí thức có tên tuổi ở miền Nam, có bề dày hoạt động thực tiễn, đã từng giữ những chức vụ trong Đảng và Nhà nước như : Phó bí thư Xứ uỷ, Bí thư kiêm chính uỷ quân khu, phụ trách Trường Đại học nhân dân, Vụ trưởng Ban khoa giáo Trung ương, lại đã từng là đại biểu đại hội II của Đảng và có quan hệ gần gũi với nhiều cán bộ cao cấp, tỏ ra mình là một nhân chứng lịch sử sáng suốt. Vì thế, sách của tác giả này chắc chắn sẽ và có ảnh hưởng rộng hơn so với các bài viết của những người khác như Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang, thậm chí cả Phan Đình Diệu, nhất là ảnh hưởng đối với một số trí thức, một số cán bộ miền Nam, nhất là đối với lớp trẻ ít hiểu biết về lịch sử Đảng và từ đó dễ khuấy lên sự hoài nghi và chia rẽ Nam Bắc trong một số đối tượng.

« Việc để cho cuốn sách độc hại này được in và bán là một sơ hở, thiếu sót của cơ quan tuyên huấn và cơ quan quản lý xuất bản, quản lý ấn loát ở TP. Hồ Chí Minh.» [bình luận của người đánh máy : không rõ các tác giả bản báo cáo này không biết thật hay giả bộ, chứ nói như vậy thì oan cho cơ quan tuyên huấn và quản lý xuất bản quá, cuốn sách được thực hiện hoàn toàn ở ngoài vòng quản lý của các cơ quan này, chớ những gì ở trong vòng quản lý của họ, họ làm chặt nhất nước đậy chử, Trung ương cũng đã phải học tập kia mà. Thí dụ như Hội đồng tư vấn về văn hoá và tư tưởng. Thí dụ như những bài giữ công tư tưởng của các chiến sĩ Mai Quốc Liên, Trần Mạnh Hảo, Diệp Minh Tuyên, Trần Thanh Đạm..., và gần đây hơn, một số bài viết trong báo Công an Thành phố].

Sau khi đề nghị nhắc nhở công an và tuyên huấn thành phố, nhóm công tác này kiến nghị :

« Xem xét tư cách đảng viên của Nguyễn Văn Trấn. Với cuốn sách này, Nguyễn Văn Trấn không còn đủ tư cách đảng viên.

« Để không gây dư luận xôn xao trước Đại hội VIII nên chưa thi hành kỷ luật khai trừ vội, nhưng phải có thái độ dứt khoát ».

Việc cấm sách mới chỉ là bước đầu biểu thị thái độ dứt khoát ấy. Để bạn đọc tham khảo, dưới đây là một trích đoạn từ hồi ký của ông Nguyễn Văn Trấn, nói về Hội nghị Trung ương lần thứ 9 của ĐCSVN, họp cuối năm 1963, là thời điểm mà ĐCSVN theo đường lối mao-ít về mặt quốc tế, từ đó để ra vụ án xét lại, mà chúng tôi đã nhiều lần nói tới. Đó không phải chỉ là chuyện quá khứ : ông Hoàng Minh Chính hiện vẫn bị giam tù ; cùng với ông là Đỗ Trung Hiếu, rồi Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu...

## Đàn áp chính trị

(tiếp theo trang 9)

các tỉnh miền Trung tháng 11.1988 do nhà văn Bùi Minh Quốc, Báo Cự chuyển ra Trung ương, nội dung và lời lẽ là lành mạnh thẳng thắn, thiết tha vì sự nghiệp đổi mới. Việc lấy chữ ký của 118 văn nghệ sĩ miền Trung, trong đó có nhiều đảng viên cộng sản là một việc làm bình thường trong đời sống dân chủ hoá. Các văn bản và việc làm trên không có dấu hiệu bè phái chia rẽ”.

Sau kết luận trên và sự can thiệp của tổng bí thư Đỗ Mười, đến mùa hè 95, Bùi Minh Quốc mới được hoàn trả những tháng lương bị cắt. Nhưng kèm theo, là quyết định trả thêm 3 tháng lương để “ đi liên hệ công tác, quá hạn nếu không có nơi nào nhận sẽ cho nghỉ việc theo chế độ hiện hành”. Và sáng ngày 8.9.95, trước khi khai mạc đại hội văn nghệ Lâm Đồng, ông Nguyễn Văn Trí, trưởng ban tuyên giáo tỉnh uỷ, đã gặp riêng nhà thơ : “ Anh Quốc ạ, trong đại hội này, anh đừng nên phát biểu gì nữa, và nếu anh em có đề cử anh, anh nên rút”.

Chuyện xảy ra tháng 9 ở Đà Lạt có chiều hướng tái diễn ở thành phố Hồ Chí Minh cuối năm : một loạt nhà báo tên tuổi đã ra khỏi biên chế báo Tuổi Trẻ. Còn báo Phụ nữ Thành phố, dường như nhà cầm quyền đợi sau tết, để “ tránh xôn xao dư luận”.

## Tình trạng sức khoẻ Gs. Đoàn Viết Hoạt

Theo một thông báo đề ngày 18.1.1996 của bà Đoàn Viết Hoạt (gửi từ Mỹ, nơi bà đang cư trú với ba con trai), thì ngày 15.1.1996 vừa qua, ông Đoàn Huy, em trai út giáo sư Đoàn Viết Hoạt, đã được gặp anh trong 10 phút, tại trại giam Thanh Cầm (gần biên giới Việt-Lào, Thanh Hoá), sau hai ngày xe lửa, xe đò trên một lộ trình 1 400 km. Nhà cầm quyền để cho ông Huy thăm anh sau khi có tin đồn giáo sư Hoạt từ trần, và sau khi Bộ ngoại giao Mỹ gửi công hàm chất vấn.

Ông Huy cho biết giáo sư Hoạt sức khoẻ rất kém, sụt cân, đi tiểu ra máu, cơ thể suy nhược vì thiếu dinh dưỡng. Trong 10 phút gặp mặt (có hai công an ngồi kèm), ông Hoạt cho biết đã gửi cho em 5 lá thư : ông Huy không nhận được một lá thư nào. Ông Hoạt cũng không hề nhận được những lá thư mà vợ ông, bà Trần Thị Thức, hàng tháng vẫn gửi đều.

Lữ Phương

### CHỦ NGHĨA MÁC & CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở VIỆT NAM

Nhìn lại thực tiễn cách mạng cộng sản Việt Nam trong 75 qua — Phê phán chủ nghĩa Mác của Marx, của Engels, của Lenin...

Diễn Đàn xuất bản mùa xuân 1996

100 trang khổ A4. Giá đặt mua trước : 50 FF + cước phí : 10 FF (châu Âu) hay 20 FF (ngoài châu Âu). Ngân phiếu đề Journal DIENDAN (ghi chú : Lữ Phương) gửi về địa chỉ DIENDAN, BP 50, F-92340 BOURG-LA-REINE, FRANCE

## Trích Hồi ký NGUYỄN VĂN TRẦN

Khi này tôi có nói ở “hội nghị đảng” [tức là Hội nghị 81 đảng cộng sản và công nhân ở Mạc Tư Khoa, tháng 11.1960 chú thích của Diễm Đan], sáu mươi đảng đứng về Liên Xô, còn dư ra là ngã theo Trung Quốc. Và tôi có hỏi Đảng Lao động Việt Nam theo ai.

Ông Hồ chung thủy với Liên Xô mà đồng thuận với chiến lược hoà bình. Nhưng ông không đồng thuận được với Đảng (đảng mà ông tổ chức và giáo dục). Nó đem ông ra mà làm tình làm tội. Cái đó, ít ai biết. Tôi biết và sẽ nói đây (...)

Bây giờ tôi nói chuyện Tàu. Họ nói thời xưa tướng võ ra quân phải chém một người vô duyên nào đó để tế thần.

Hoàng Sào không nỡ chém người nên cầm gươm phạt một thân cây có bông. Ai dè sự phụ của Hoàng Sào đang ngồi trong bông cây ấy, phải rụng đầu.

Minh Tranh là người bất hạnh, trước giờ phút Trung ương Đảng ra quân chinh phạt “xét lại chống đảng”.

Việc làm tội Minh Tranh là một việc bất cần dân chủ. Ai cũng biết, một tổ chức như đảng cộng sản, đảng viên đứng trước một tình hình thế giới như vào thập niên 60, một đảng viên mà không suy nghĩ gì là một đảng viên ụ ọ, không phẩm hạnh. Ý kiến có khác nhau là thường. Vấn đề là cho thảo luận dân chủ, rồi phổ biến sâu rộng nghị quyết của Đảng và ai nấy làm theo nghị quyết, bất kể ý kiến riêng của ai đó là như thế nào.

Trong buổi kiểm thảo Minh Tranh, chị Hà Quế thay mặt trung ương đến dự. Khi tổng kết, chị tuyên bố, Minh Tranh không có lỗi gì cả. Anh có một số ý kiến khác với trung ương, anh có quyền bảo lưu. Vậy mà Minh Tranh bị cởi cái chức giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật và về Nam Định sống bị bắt “ở không” suốt 12 năm rồi lại được về Hà Nội “về hưu”.

Việc xử lý ấy là vô nhân đạo.

Đến cuối 1963, Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị ban chấp hành trung ương khoá III, của Đảng cộng sản Việt Nam họp lần thứ IX.

Nói là Bộ Chính trị triệu tập là nói cho đúng *grammaire* của Phạm Ngọc Thạch mà chơi.

Chớ Bộ Chánh trị là ai nào ?

– Đoàn đại biểu tột đỉnh của Đảng ở Hội nghị 81 đảng là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh. Trường Chinh là người của Đảng ta cử tham gia trừ bị hội nghị ấy.

– Võ Nguyên Giáp đang bị nghi là *soviétique*. Hoàng Văn Hoan là “phằng đậu” (1) dút đuôi.

A ha ! Còn lại một ông. Lê Đức Thọ.

Chuyện họp lần thứ 9 này, làm sao tôi biết được vài điều muốn khóc ?

Ồi ! người rất thân với tôi là Bùi Công Trùng và Ung Văn Khiêm (chưa nói tới Lê Liêm và Xuân Thủy, nhà ở cách bút khó gặp).

(1) Phằng đậu là cách phát âm Quảng Đông của chữ *bằng hữu* (mà phiên âm quan thoại là *péngyou*) ý nói thân Trung Quốc.

Với cái giọng “mẹ đời” Bùi Công Trùng nói với tôi :

– Cái thằng Lê Đức Thọ trước giờ họp, nó đi đi, lại lại trong phòng, như thể đội trưởng một tổ pháo đi kiểm tra đốc thúc pháo binh chuẩn bị.

Nó không hút thuốc. Nhưng hôm nay nó cầm lon thuốc Đại Tiền Môn ở tay này, tay kia nó cầm bật lửa thứ như chày giã gạo. Nó đi lựa mặt mà chia lon. Nguyễn Khánh Toàn tay ăn hút thấy thuốc lá Trung Quốc như lần thấy pháo. Nó mở hộp lấy một điếu, ngậm rồi chia mồm ra. Thằng Thọ đánh bật lửa một cái “beng”. Đứng xa thấy thằng Toàn gật đầu. Thọ đi đến chỗ thằng Huy. *Ce petit* — thằng nhỏ này bọ hộp thuốc. Lê Đức Thọ cũng đánh bật lửa một cái beng. Thằng Huy khoát môi lửa, chưa đốt thuốc có lẽ nó đang còn tìm lời văn “Mao nhiều”.

Ở một góc phòng thằng Hà Huy Giáp đứng, Lê Đức Thọ tới, nói cái gì, thằng Giáp nghiêm sắc mặt, gật gật đầu.

Ba vị ấy được Lê Đức Thọ coi là ba tay có lý luận và mòi — biểu — lên tiếng.

Mà trời ơi, dưới thời đại Hồ Chí Minh, ai được Lê Đức Thọ để ý có cảm tình là má thằng đó để nó đêm rằm tháng Bảy.

– Tao nói cho mày nghe nha, Bùi Công Trùng nói tiếp, về chuyện lão Hồ Chí Minh. Tao nghe, thằng Thọ âm mưu lật đổ ông già, và lấy Nguyễn Chí Thanh thay. Ông lão chỉ còn làm người chuyên nghiên cứu lý luận Mác – Lênin. Chuyện nước giao Nguyễn Chí Thanh. Việc đảng, *statu quo* : Lê Duẩn. Cái thằng tự nhiên lại muốn làm Khổng Tử này, khó lật đổ nó lắm. Vì nó có công trạng ở Nam Bộ, và mấy bà má ôm nó chum chắm trong lòng.

Mày coi, coi có tội nghiệp không. Đồng chí Hồ Chí Minh muốn vắn kính mền của chúng ta bận đồ lụa màu gụ, chủ trì hội nghị mà day mặt ra sân. Có lỗi tai tự nhiên nó phải hứng những lời công kích mạt sát Liên Xô. Khi chướng tai quá quay vô, đưa tay, để nói, thì thằng Thọ lễ phép *Bác Hà* “Bác để cho anh em người ta nói đã, mà”.

Tao đếm lão Hồ đưa tay mấy lần, lần nào thằng Thọ cũng kíp ngăn. Cuối cùng ông cũng cho hội nghị nghe, ông nói ca dao bằng tiếng khóc :

*Khi thương trái ấu cũng tròn  
Khi ghét bờ hòn cũng méo.*

và ông nói xui lơ : thấy lợi người ta cho tên lửa vô ; thấy bất lợi người ta rút ra. Có chi mà !

Bùi Công Trùng nói với tôi như vậy.

Còn Ung Văn Khiêm :

– Trước khi vào hội nghị, tao có tranh thủ nói riêng với ông Cự là tao sẽ không đưa ra cái nháp bản tuyên bố chung của tao và Novotny, cho ông cụ yên tâm. Vì trong bản thảo ấy, ông cụ có thêm mấy chỗ, còn mang tuồng chữ của *Monsieur* Hồ Chí Minh rành rành. Tao nghĩ bản thảo ấy đưa ra không phân bua gì cho tao, mà chỉ làm thót cho Sáu Thọ bám ông Cự.

Và mày coi thằng thủ trưởng Khoa giáo của mày. Khi tao đứng tại chỗ phát biểu ý kiến, thằng Huy đi ngang qua, nó phun nước miếng vào đoạn tao nói chủ trương hoà bình là trung thành với Lénine. Tao mỉm cười trong bụng : *a thằng nhỏ này dám dái đầu ông Xá.*

Hội nghị 9 này có thông qua cái *ng nghị quyết 9* và mấy anh ấy nói là cũng có trên 10 uỷ viên trung ương không bỏ thăm.

Anh Khiêm lộ bí mật :

– Tao có hỏi mí ông Cự có bỏ thăm không. Ông Cự làm thinh.

*Ng nghị quyết 9* tạo một cao trào trấn áp, khủng bố đảng viên. Nó cho lập ra *Ban xét tội và kết án* trực thuộc Bộ chính trị của Trung ương Đảng. Ban này có mấy ban viên, tôi không nói. Chỉ nói người đứng thót là Lê Đức Thọ, người làm heo là Trần Quốc Hoàn (tôi nói giọng thịt luộc Chợ Đệm).

Hai vị này toàn quyền qui kết tội : xét lại chống đảng, âm mưu lật đổ, phản cách mạng, tay sai đế quốc.

Nếu đứng về mặt đảng mà anh ra nghị quyết khai trừ bốn tên : Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Vinh, Bùi Công Trường và Lê Liêm thì quyền của anh trong nội bộ đảng anh. Đảng này, hiến pháp, luật pháp anh coi như giẻ rách. Ôi ! nói làm chi đến nhân quyền cho xa xôi.

Lê Đức Thọ đã hạ lệnh bắt rất nhiều người.

[ *Từ trang 370 đến trang 375, tác giả nêu tên những người đã bị bắt, và đăng toàn văn lá thư của Bà Phạm Thị Tề, quả phụ Vũ Đình Huỳnh — Diễn Đàn đã công bố* ].

Lê Đức Thọ đã thủ tiêu đảng cộng sản bằng cái chủ trương “ của tổ chức ” ai có ý kiến bất đồng với khoá trung ương sắp mãn nhiệm kỳ, hoặc có ý kiến bất đồng với điểm quan trọng, điểm chiến lược trong dự thảo cương lĩnh cho đại hội sắp tiến hành thì người ấy không được giới thiệu ứng cử vào cấp uỷ mới. Chủ trương ấy mặc nhiên được chấp hành khắp các cấp (ninh bộ).

Dưới sự lãnh đạo của đảng kết hợp tro trên mua chuộc và chà đạp, mà người trí thức thì đâu chịu bị mua chuộc cho nên hàng ngũ trí thức bị huỷ hoại “ ba xôi nhồi một chả ” — Nhân văn — Giai phẩm, cải cách ruộng đất, xét lại — chống đảng. Đất nước không còn có trí thức chân chính nữa (Dạ xin lỗi, cũng còn có nhưng họ không cho người ta thấy).

Tôi mở ngoặc nói điều này — điều phụ :

(Nếu ai hỏi tôi có sợ Lê Đức Thọ không, thì tôi nói rằng ra miền Bắc, tôi gặp lại Sáu Thọ ở nhà khách của đảng (biệt thự ngó ra hồ Thuyền Quang). Ông theo chuyến tập kết sau cùng, ra Hà Nội nhận cái trưởng ban tổ chức dành sẵn. Hôm đó ông làm cuộc họp thăm dò về chánh sách cán bộ. Tôi có nói : trong đảng ta đồng chí coi nhau còn hơn anh em ruột, nhưng hiện nay cán bộ sợ “ anh ” lắm, họ kêu anh là “ Sáu Búa ”.

Hoàng Tùng khi gặp tôi đã nói : “ Thôi đời anh khó gỡ lắm rồi ”. Tôi nói lảng đi bằng chuyện Lê Duẩn, ngồi chơi đã nói với tôi trên Kinh Trà Cú : “ Tôi đang ở Vinh Lộc, nghe anh em kêu nhau có Tây đi ruộng. Tôi thích chuyện này hết sức. Thằng nhỏ đang ăn cơm. Nó bỏ dĩa, rút roi cày chạy ra ngoài ngõ mà la : *Tây đâu, tau đây !* thì rõ. Xin đóng ngoặc).

Cái nói thêm mới là điều chính :

Trước hết phải nhận thấy “ người năm bảy dấng, trong cán bộ cũng năm bảy loài ”. Có những người rất trung thực. Họ có thể hiểu lầm. Thấy lầm, họ chon thành vì lợi ích chung mà nghiêm túc sửa. Họ đã đứng thì đầu “ dao đâm lửa đốt ” cũng không đổi thay. Có người thông hiểu chủ nghĩa Mác – Lê. Lại có người ít học hay không học. Có người chỉ biết phục tùng đến mức nhường cả cái quyền suy nghĩ, bàn luận cho “ tập thể ”, cho cấp trên. Có người lại chỉ vì mình, tùy theo chiều gió, lựa thế phát cò...

Trong đội ngũ đa dạng ấy, lúc thường ta chỉ thấy họ hoạt động gần như giống nhau, nhờ có tổ chức kỷ luật (của đảng và nhà nước). Những lúc khó khăn, trắng đen chưa rõ, tổ chức và kỷ luật chừng nào có lời lỏng, cái khác nhau kia mới bung ra, đối chọi nhau, gây thành một tình trạng đối chọi, thù địch.

Chính điều đó đã xảy ra vào thập kỷ 60.

Trong khi đó, nhân dân ta (miền Bắc) khác xa trước. Báo cáo quan phương (thường hay thổi phồng) cho ta biết 4, 5 ngàn tiến sĩ và phó tiến sĩ, 400 000 tốt nghiệp đại học, 700 000 tốt nghiệp trung cấp, hàng mấy triệu tốt nghiệp phổ thông. Nhân dân ta đã thành một nhân dân trí thức. “ Lập trường giai cấp ” thì nhiều người chưa có, nhưng khả năng nhận xét và phê phán sắc bén. Họ đều đã chứng kiến đội ngũ cán bộ tranh cãi nhau như thế nào hồi những năm 60. Họ còn nhớ các lãnh tụ, các đảng của giai cấp công nhân các nước đã bị bôi nhọ, xỉ vả như thế nào. Người nói buông miệng là quên, nhưng thiếu nhi, thanh niên nghe các chú các anh chỉ trích, phê phán, lên án..., tự nhiên họ thấy ở trên đời này, *cái đáng cho họ kính trọng không nhiều*, phải không chú Phan Văn Khải ?

Phải hôn, vào những năm 60 (Phan Đình Diêu, cũng tuổi mới 23) các chú coi đời ở miền Bắc có ra cái đếch gì ?

Vậy bây giờ, chú đã là Bộ chính trị, là Phó thủ tướng hạng nhất, chú có nghĩ gì về điều đáng kính trọng đối với người dân, đối với loại các chú của chú đã già rồi đấy ?

Này chú Khải ơi ! Nếu Đảng và Nhà nước nhận lấy từ trong nia trong mẹt những lời đội ơn của nhân dân, thì chú hãy nhận nơi đây bằng mực tím học trò lời trách móc, chú của chú gỏi, trách móc đảng và nhà nước của chú đã đối đãi tệ bạc quá với người đã sanh ra mình và diu đất giáo dục mình.

Chú hãy đọc :

“ *Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động góp phần đắc lực khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em, trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình* ”.

Chú nói đó là gì ? Giỏi lắm là chú nói được đó là một lời di chúc của đồng chí Hồ Chí Minh.

Chú thấy ra sao nổi rằng Bác Hồ đã ôm chặt câu nói ấy vào lòng, từ 1963 (Hội nghị 9) cho tới 1969 ngót bảy năm sau, khi thấy mình chết, không ai làm gì được mình nên mới dám thả ra trong di chúc.

Chú Khải ơi, tôi ỉ là chú của chú nên mới dám hỏi : có đêm nào chú trần trọc nghĩ mà thương cụ Hồ không ?

Nguyễn Văn Trán



# PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÂN HOÁ XÃ HỘI

*Giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, nên xử lý như thế nào? Phải chăng, trong giai đoạn đầu phát triển kinh tế, sự phát triển không đồng đều có thể dẫn đến phân hoá giàu nghèo là không tránh khỏi? Phải chăng vấn đề cốt lõi của công bằng xã hội không phải ở quan hệ giàu nghèo trong xã hội, mà là ở sự công bằng, bình đẳng?*

Câu hỏi trên không phải không có trong suy nghĩ của nhiều người ở Việt Nam hiện nay.

## Giả thiết ngầm trong cách đặt vấn đề như trên

Đây là những câu hỏi liên quan đến chiến lược phát triển dài lâu, đặt ra cho nhà nước một vài chọn lựa:

1. Phát triển kinh tế nhanh nhưng phải chấp nhận phân hoá giàu nghèo trong xã hội lớn hơn, tiêu cực nhiều hơn.
2. Xã hội bình đẳng hơn, phân hoá thấp hơn nhưng tốc độ phát triển chậm.
3. Kết hợp ở một mức độ nào đó giữa (1) và (2).

Những lựa chọn trên dĩ nhiên đưa đến những hệ quả về vai trò của nhà nước. Với lựa chọn (1), nhà nước chỉ làm nhiệm vụ bảo vệ luật pháp, và nguyên tắc công bằng để mạnh ai nấy sống. Với lựa chọn (2), nhà nước tích cực làm thêm nhiệm vụ phân phối lại để giảm phân hoá. Với (3), nhà nước làm có mức độ.

Phải chăng vấn đề là như vậy? Tôi phải nói cách đặt vấn đề trên không đúng vì nó đã ngầm dựa trên một định luật về kinh tế tưởng như là đúng nhưng thật ra là sai, đó là:

*Phát triển nhanh nhất thiết đòi hỏi phân hoá xã hội cao, có giai cấp tư bản (nhà nước hoặc cá nhân) làm tiền và giai cấp này sẽ làm nhiệm vụ đầu tư. Nhà nước không nên tham gia phân phối lại lợi tức xã hội bằng cách đánh thuế cao vì như vậy sẽ chuyển lợi tức có thể trở thành vốn tư bản vào tiêu dùng và do đó làm thui chột khả năng tích lũy của nền kinh tế. Làm như vậy dĩ nhiên là phải chấp nhận giảm thiểu tối đa vai trò của nhà nước trong tài trợ giáo dục và y tế.*

## Làm gì có liên hệ giữa phát triển và phân hoá xã hội

Cho đến nay chưa có lý thuyết kinh tế nào chứng minh là có sự liên hệ giữa phát triển nhanh và phân hoá xã hội. Ngược lại, từ thực tiễn phát triển và các phân tích thống kê đều cho thấy rằng tốc độ phát triển có lẽ đi liền với các chính sách làm giảm mức phân hoá trong xã hội và làm tăng vai trò tích cực của nhà nước trong việc dùng quyền phân phối lại lợi tức

của mình để phát triển giáo dục, y tế và nâng cao mức sống của dân chúng nói chung.

Kinh nghiệm của các nước trên thế giới như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Malaysia và mới đây Chilê cho thấy họ có tốc độ phát triển cao và phân hoá xã hội thấp. Ngược lại, nhiều nước khác có phân hoá xã hội cao nhưng tốc độ phát triển kinh tế lại rất thấp như Phi Luật Tân, Pakistan, Peru, Venezuela và hầu hết các nước ở khu vực A rập và châu Phi. Tài liệu của Ngân hàng Thế giới đã tổng kết về vấn đề này, tôi chỉ nhắc sơ lược ở đây.

Như vậy, ngay trong giai đoạn đầu của phát triển, không những không cần mà không nên trải qua thời kỳ tư bản bóc lột nguyên thủy như trước đây, dù là tư bản nhà nước "bóc lột" để có vốn phát triển. Các nước châu Á đã chứng tỏ rằng họ không cần phải trải qua thời kỳ tư bản bóc lột nguyên thủy mà lại phát triển đất nước họ ở một tốc độ nhanh hơn nhiều so với các nước châu Âu và châu Mỹ trước đây. Làm được như vậy là vì họ đã biết lợi dụng được những tiến bộ khoa học và nhu cầu của thị trường thế giới. Phân tích thống kê ở các nước phát triển cao cho thấy rằng phát triển kỹ thuật (thông qua giáo dục, phát minh, sáng kiến) giải thích 70% mức tăng trưởng GDP trên đầu người, chỉ có 30% là do tích lũy đầu tư vào máy móc thiết bị. Tuy vậy cũng cần phải nói là một số phân tích mới đây về tình hình phát triển ở các nước con rồng Á châu như Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia cho thấy là mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người những nước này chủ yếu là do tăng thiết bị đầu tư và cường độ lao động (do bằng giờ làm việc), tới mức 95% ở Singapore, 70% ở Hàn Quốc, 60% ở Đài Loan, 52% ở Hồng Kông<sup>1</sup>. Điều này nói lên nguy cơ là những nước này, đặc biệt là Singapore và Hàn Quốc, có thể nhanh chóng đi vào khủng hoảng và trì trệ khi thị trường tiêu thụ hàng xuất khẩu bão hoà hoặc dân chúng muốn giảm giờ làm việc, tăng lương so với các nước cạnh tranh với mình, tiêu thụ nhiều hơn và do đó để dành ít hơn. Cho đến nay, dù chưa tạo dựng được nền khoa học kỹ thuật của riêng họ để phát triển đủ theo chiều sâu nhằm tăng năng suất lao động, họ đã lợi dụng được khoa học kỹ thuật của nước khác và nhân công tương đối rẻ hơn các nước phát triển cao. Chính giáo dục cơ bản đại trà cho phép người lao động tiếp thu cái mới.

Tác giả là chuyên viên kinh tế & thống kê của Liên Hiệp Quốc.

<sup>1</sup> Những con số này là do tác giả tính từ bài viết của Alwyn YOUNG, *The Tyranny of Numbers: Confronting the Statistical Realities of the East Asian Growth Experience*, đăng trong *The Quarterly Journal of Economics*, Vol. CX, issue 3, August 1995.

## Vai trò của nhà nước

Như vậy để phát triển nhanh và bền vững đòi hỏi nhà nước xây dựng chính sách và biện pháp kinh tế xã hội phù hợp, bảo đảm các chính sách và biện pháp trên được thực hiện hữu hiệu nhằm tạo ra môi trường ổn định cho sản xuất. Trong chính sách cơ bản của mình, nhà nước cần tích cực sử dụng quyền phân phối lại lợi tức trong xã hội nhằm khuyến khích và nâng cao năng lực sản xuất chung của nền kinh tế, cũng như năng suất và mức sống chung của người lao động. Thuế là công cụ chính để bảo đảm chi tiêu của nhà nước nhằm thực hiện chính sách của mình. Để giảm phân biệt đối xử với sản xuất, thuế gián thu cần được thay dần bằng thuế lợi tức cá nhân và xí nghiệp. Chính sách phân phối lại lợi tức không nhất thiết làm giảm động lực phát triển của người giàu mà ngược lại ở mức hợp lý nó có thể tạo thêm động lực cho phát triển. Đó là :

- ◆ Nâng cao sức khoẻ và trình độ giáo dục của dân chúng sẽ nâng cao được năng suất lao động, có lợi cho mọi tầng lớp trong xã hội. Nâng cao trình độ giáo dục và khả năng hiểu biết và khoa học kỹ thuật sẽ tạo ra cơ sở bền vững cho phát triển kinh tế (như đã được nhắc đến ở trên, yếu tố con người trong sản xuất quan trọng hơn yếu tố vật chất). Vấn đề giáo dục, y tế đã được các nhà kinh tế tổng kết coi là yêu cầu cơ bản nhất cho qua trình phát triển.
- ◆ Chuyển nhượng thu nhập từ người giàu sang người nghèo sẽ giúp nâng cao khả năng lao động và sức mua của họ trên thị trường, qua đó nâng cao sản xuất của nền kinh tế. (Yếu tố này trở nên rất quan trọng khi nền kinh tế gặp khủng hoảng thừa, như đã xảy ra những năm 30).
- ◆ Tăng thuế để đầu tư vào hệ thống giao thông, thuỷ lợi sẽ có lợi ích chung cho mọi người vì nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế.
- ◆ Không nên quên là người giàu không nhất thiết chi tiêu ít, để dành nhiều và do đó có khả năng tích lũy để trở thành tư bản bản xứ. Cần phải thấy rằng để có vốn phát triển nhanh chóng, tích lũy tư bản nhất thiết phải thông qua hệ thống tín dụng và thị trường tài chính (cổ phiếu, trái phiếu), qua đó vận động để dành của mọi người chứ không chỉ còn dựa vào tiền để dành của một số ít người giàu.
- ◆ Giảm thiểu phân hoá xã hội bằng cách tăng khả năng điều hoà quyền lợi của nhà nước sẽ làm giảm đối kháng xã hội, tạo một chế độ ổn định, gây niềm tin dài lâu vào khả năng đi lên của đất nước.

Cách suy nghĩ đó là lý do nhà nước tư bản sẵn lòng đánh thuế cao người giàu để có nền giáo dục miễn phí, có học bổng cho học sinh nghèo và ở hầu hết các nước có ý tế miễn phí cho mọi người cũng như các chương trình trợ cấp xã hội khác cho người nghèo và thất nghiệp. Các nước tư bản phát triển cao đã đánh thuế từ 40 đến 60 % GDP, dành đến 40 % ngân

sách và 20-30 % GDP vào các chương trình chỉ nhằm mục đích phân phối lại lợi tức. Đây chính là lý do làm các xã hội đó phát triển và ổn định. Chính sách xét lại hiện nay ở các nước tư bản phát triển chỉ có thể là một cuộc điều chỉnh chính sách, giảm thiểu lạm dụng, tăng tính hiệu quả nhưng khó lòng đảo ngược được hiện trạng nếu như họ vẫn muốn có ổn định xã hội về dài lâu. Cuộc cách mạng bảo thủ của tổng thống Reagan ở Mỹ đã không thành công, thuế không những không giảm mà còn tăng. Dĩ nhiên chúng ta không nên chỉ dựa vào nhà nước mà cần phát triển vai trò của cá nhân, gia đình và các chương trình xã hội của các tổ chức từ thiện.

Vai trò của nhà nước không phải là triệt tiêu sự phân hoá mà là chủ động sử dụng quyền phân phối lại của mình để tạo thêm động lực phát triển và như vậy sẽ làm giảm mức phân hoá trong xã hội.

## Công bằng xã hội

Phải chăng nhà nước chỉ có nhiệm vụ bảo đảm công bằng, bình đẳng, đòi hỏi mọi người làm việc trong khuôn khổ luật pháp ? (Bình đẳng ở đây được hiểu theo nghĩa là có cùng mọi điều kiện giống nhau. Công bằng là bình đẳng trước công quyền). Điều này đúng nhưng chưa đủ. Nếu theo đúng nguyên tắc công bằng tuyệt đối thì nhà nước không thể có vai trò gì trong việc phân phối lại lợi tức, không thể có việc người giàu đóng thuế nhiều, người nghèo đóng thuế ít. Trong hiện thực xã hội, không thể có nguyên tắc công bằng tuyệt đối. Bảo vệ nguyên tắc công bằng không chưa đủ mà có khi nhà nước phải thực hiện cả những hành động “ bất công ” nhất thời để định hướng, điều hoà quyền lợi vì lợi ích chung và dài lâu của xã hội.

Chính quyền Mỹ có luật để bảo vệ người da đen Mỹ đạt được chỉ tiêu nhất định về việc làm trong cơ quan chính quyền và trong các cuộc đấu thầu hợp đồng nhằm sửa lại những “ thất thế ” do chính sách nô lệ, kỳ thị chủng tộc của quá khứ tạo ra. Nhiều trường đại học cũng có chính sách dành chỉ tiêu nhất định cho sinh viên da đen vì vậy họ phải nhận những sinh viên da đen có điểm thấp hơn sinh viên da trắng hoặc da vàng. Ngày nay một thành phần không nhỏ người Mỹ muốn chấm dứt chính sách ưu đãi trên và được sự đồng tình nhất định không phải vì chính sách trên đã tỏ ra là sai lầm nhưng vì chính sách nhất thời trên đến lúc nào đó cũng phải chấm dứt. Chính sách về bình bằng có ngoại lệ này không phải chỉ được áp dụng trong các hoạt động nhà nước mà còn được luật pháp hoá để áp dụng ngay trong các hoạt động của tư nhân. Chẳng hạn công ty tư nhân, hoạt động xã hội tư nhân không được phân biệt đối xử về tôn giáo, chính trị, màu da và giới tính khi thuê người làm. Đi xa hơn cả Mỹ nhiều, ở Malaysia chính sách ưu đãi dân gốc Mã Lai, chủ yếu là nông dân nghèo, về mọi mặt từ giáo dục đến làm chủ cơ sở sản xuất công nghiệp, tài chính đã đóng góp vào việc nâng cao khả năng hoạt động kinh tế và đời sống của họ so với người Hoa, và đặc biệt xoá đi ngòi nổ tranh chấp dân tộc bạo động giữa người gốc Mã Lai và người gốc Trung Quốc. Người gốc Mã Lai hiện nay cũng đã được thị dân hoá, nắm nhiều các hoạt động kinh tế chủ chốt, tham gia mọi hoạt động kinh tế,

chuyên môn trong khi nền kinh tế phát triển vững chắc. Chính sách này hiện nay cũng đang được đặt lại vì hiệu quả của nó đã hết.

Chính sách ưu tiên có tính bất công về nguyên tắc trên cũng không lạ lẫm gì với xã hội ta. Ưu đãi cho con cái liệt sĩ, cho người miền núi là điều mà tôi nghĩ là cần thiết và có đông người ủng hộ. Nói tóm lại chính quyền không thể chỉ làm nhiệm vụ bảo vệ nguyên tắc công bình mà phải làm việc điều hoà quyền lợi giai cấp trong xã hội trong bất cứ lúc nào vì lợi ích dài lâu của cộng đồng và nếu nó không làm ảnh hưởng xấu đến tình hình phát triển kinh tế và xã hội về dài lâu. Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng những ngoại lệ phải được luật pháp hoá hoặc qui định hoá để tránh lạm quyền tức là tránh việc giao cho nhà nước quyền sử dụng “ ngoại lệ ” một cách chủ quan.

### Làm sao giảm phân hoá xã hội

Ý tưởng giảm phân hoá xã hội ở mức độ nhất định mà không ảnh hưởng đến phát triển dài lâu của xã hội có thể dễ được chấp nhận nhưng không dễ thực hiện. Nguyên tắc nào có thể áp dụng để hướng dẫn các chính sách nhà nước ? Trả lời câu hỏi này thật không đơn giản, nhưng theo tôi nghĩ ta có thể đặt nó trên hai cơ sở :

- ◆ Cưu mang con người để họ có thể chịu đựng được tình cảnh khó khăn nhất do rủi ro chính bản thân họ hay hoàn cảnh chung quanh gây ra : tình cảnh có thể là mất mùa, thất nghiệp, bệnh hoạn... Đây là vấn đề liên quan nhiều đến tính vị tha, không những nhà nước mà cả con người cũng có trách nhiệm.
- ◆ Tạo thêm cơ hội, giúp đỡ để người dân có thể tự lực tham gia mọi hoạt động kinh tế, xã hội.
- ◆ Phát triển cơ sở hạ tầng con người và sản xuất nhằm sửa soạn tiền đề cho tương lai : hạ tầng cơ sở bao gồm giáo dục cơ bản, y tế cơ bản, đường sá cầu cống...

Trong cả ba trường hợp, những biện pháp làm được cũng phải phù hợp với khả năng của giai đoạn hiện tại. Trường hợp thứ nhất và thứ nhì, nhà nước nên đặc biệt phát huy vai trò của cộng đồng, những tổ chức hoạt động không vì lợi. Trường hợp thứ ba, trách nhiệm chính thuộc về nhà nước. Rút kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và các nước tư bản hiện nay, nhà nước nên tránh tự trao cho mình trách nhiệm về mọi mặt đời sống cá nhân của người dân, tạo nên tâm lý trong dân là họ “ có quyền thụ hưởng ” an ninh xã hội và ưu đãi, một tâm lý làm thui chột trách nhiệm cá nhân.

Nhà nước có thể giảm phân hoá xã hội bằng chính sách như đã bàn ở trên, chủ yếu bằng biện pháp phân phối lại lợi tức xã hội thông qua công cụ thuế, đặc biệt là thuế lợi tức công ty và lợi tức cá nhân. Công cụ thuế nếu sử dụng quá tay sẽ đưa đến đình đốn kinh tế. Như vậy cần xem xét *cái gì* là hạ tầng cơ sở mà nhà nước có nhiệm vụ xây dựng và *ưu tiên* thực hiện để phù hợp với khả năng tài chính của giai đoạn phát triển hiện nay và yêu cầu trong tương lai theo đường lối do chính mình vạch ra. Nếu đòi hỏi của hiện tại và tương lai là mọi người phải được học hết phổ thông cơ sở lớp 6, và việc này hoàn toàn phù hợp với khả năng tài chính của mình thì

nhà nước phải có trách nhiệm thực hiện giáo dục cơ sở hoàn toàn miễn phí. Nếu giáo dục phổ thông cấp 2, cấp 3 được coi là một phần của hạ tầng cơ sở, nhưng chưa cấp thiết bằng giáo dục phổ thông cơ sở thì nhà nước áp dụng các biện pháp khác, chẳng hạn tài trợ một phần và thiết lập các trường hoàn toàn miễn phí để học sinh giỏi nhưng nghèo có thể thi vào. Ở đây tôi chỉ nêu ra vấn đề giáo dục để làm thí dụ. Xây dựng và bảo dưỡng đường sá, cầu cống đều được các nhà kinh tế coi là hạ tầng cơ sở vật chất rõ ràng thuộc nhiệm vụ nhà nước. Nhưng ngay ở đây nhà nước cũng phải quyết định ưu tiên từng giai đoạn. Và hơn nữa, với ngân sách giới hạn, việc chọn mức độ ưu tiên giữa các hạ tầng cơ sở, nơi đặt hạ tầng cơ sở cũng phải được đặt ra. Ưu tiên giáo dục hơn hay ưu tiên sản xuất hơn ? và ở mức độ nào ? Khi ưu tiên đặt ra, thì lựa chọn ưu tiên cho ai, cho khu vực nào, vùng nào cũng sẽ phải được đặt ra. Vấn đề lựa chọn dĩ nhiên không thể không dựa trên các yếu tố xã hội, chính trị, nhưng cũng phải dựa trên đánh giá lợi ích kinh tế so sánh.

Theo tôi nghĩ hoạt động giảm phân hoá xã hội của nhà nước nên nằm trong phạm vi của hai điểm cơ sở được nêu lên ở trên. Nhà nước không thể làm các hành động phân phối lại một cách tùy tiện, kiểu tước hữu.

### Vấn đề Việt Nam : phát triển và giảm phân hoá

Người dân Việt Nam đã hy sinh quá nhiều, tôi không thấy có lý do gì họ phải tiếp tục hy sinh để tạo vốn cho tư bản nhà nước, tư bản tư nhân hay tư bản nước ngoài. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, đòi hỏi hy sinh này hoàn toàn không cần thiết, dù trong giai đoạn đầu của phát triển. Như sẽ được trình bày đầy đủ hơn dưới đây, vấn đề cơ bản của xã hội Việt Nam hiện nay là cách biệt lợi tức giữa nông thôn và thành thị ngày càng lớn ra. Tình hình phân hoá xã hội và cơ sở hạ tầng về con người và sản xuất hiện nay ở ta không mấy sáng sủa, đòi hỏi nhà nước phải đặt vấn đề nông thôn / thành thị là một điểm cơ sở trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia và như vậy một số chính sách hiện nay cần được điều chỉnh.

Theo nghiên cứu của chúng tôi<sup>2</sup>, từ sau đổi mới, nền kinh tế phát triển đáng phấn khởi. Trong thời gian 1990-1994, GDP tăng bình quân năm 7,9 %, GDP bình quân đầu người năm tăng 5,4 %. Nhưng phát triển chỉ tập trung ở vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng. Đáng lo ngại hơn là hố ngăn cách giữa nông thôn, nơi 80 % dân chúng đang sinh sống, với thành thị ngày càng lớn. GDP bình quân đầu người của nông dân tăng 3,2 % năm, nhưng vì tốc độ tăng ở thành thị là 8,7 %, nên GDP bình quân đầu người ở nông thôn trước kia (năm 1990) bằng 31 % thành thị, hiện nay chỉ còn bằng 19 %. Vùng Khu bốn cũ và Duyên hải miền Trung, GDP bình quân đầu người ở nông thôn bị giảm (coi bảng 1, 2 và 3). Mặc dù không phải là thu nhập đầu người, GDP bình quân đầu người cũng phản ảnh gần với thực tế đặc biệt ở những vùng không phải đóng thuế nhiều cho trung ương. (Để

<sup>2</sup> Nghiên cứu này là hợp tác giữa chúng tôi và các anh Đặng Thọ Xương (Ban kinh tế trung ương), Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Sinh Cúc (Tổng cục thống kê) và các anh chị khác trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu sẽ được công bố trong một ngày gần đây.

có được thu nhập, ta cần trừ khỏi GDP phần chuyển nhượng đi và cộng vào phần chuyển nhượng tới).

**Bảng 1**

GDP bình quân đầu người,  
nông thôn so với thành thị \* (phần trăm)

	1990	1991	1992	1993	1994
Cả nước	31	29	21	20	19
Miền núi Bắc Bộ	33	28	18	16	15
ĐB Sông Hồng	26	21	17	17	16
Khu 4 cũ	30	24	18	17	15
Duyên hải Trung Bộ	54	59	35	33	32
Tây Nguyên **	112	71	49	43	53
Đông Nam Bộ	25	25	19	18	17
Tây Nam Bộ	75	64	40	40	45

\* Tỷ lệ này đối chiếu GDP đầu người ở nông thôn với GDP đầu người ở các thành thị trong cùng một vùng.

\*\* Trong thời gian 90-91, GDP ở thành thị Tây Nguyên (244 %) tăng nhanh hơn hẳn nông thôn (47 %)

**Bảng 2**

Tốc độ tăng GDP  
bình quân đầu người ở nông thôn (phần trăm)

	1991	1992	1993	1994	Trung bình
Cả nước	1,0	2,4	4,2	5,0	3,2
Miền núi Bắc Bộ	-0,6	3,3	2,6	2,4	2,1
ĐB Sông Hồng	-4,2	13,6	7,9	1,3	5,7
Khu 4 cũ	-3,2	-1,6	-0,2	1,7	-0,8
Duyên hải Trung Bộ	-0,2	-3,3	-2,5	8,3	-0,2
Tây Nguyên	2,2	8,2	3,6	-2,9	3,3
Đông Nam Bộ	4,5	-3,8	6,6	6,7	3,0
Tây Nam Bộ	4,8	1,2	5,6	8,1	4,6

**Bảng 3**

Tốc độ tăng GDP  
bình quân đầu người ở thành thị (phần trăm)

	1991	1992	1993	1994	Trung bình
Cả nước	6,8	12,6	6,2	7,0	8,7
Miền núi Bắc Bộ	-2,1	19,4	1,4	4,7	9,7
ĐB Sông Hồng	2,0	4,4	2,4	4,8	3,4
Khu 4 cũ	7,5	12,2	11,8	8,5	10,4
Duyên hải Trung Bộ	0,7	15,0	7,9	1,0	7,1
Tây Nguyên	0,3	23,0	-4,5	8,1	6,7
Đông Nam Bộ	13,1	13,4	10,0	10,6	11,8
Tây Nam Bộ	7,9	14,1	-3,8	1,6	4,7

Hiện nay, hơn 70 % thu nhập của nông thôn là từ nông nghiệp và gần 75 % thu nhập này là từ cây trồng, đặc biệt là lương thực. Tình hình sản xuất dư thừa lương thực đã đang xảy ra trong vài năm qua, giúp cho vị trí xuất khẩu gạo của Việt Nam đứng hàng thứ ba, thứ tư thế giới. Theo tính toán của chúng tôi, dư thừa lương thực sẽ lớn hơn nữa, có thể tới gần 4 triệu tấn gạo nếu tình hình sử dụng đất đai như hiện nay từ giờ cho đến năm 2000 vì năng suất đất tăng và vì

mức tiêu thụ lương thực bình quân đầu người giảm khi người dân giàu có hơn. Với khả năng sản xuất cao hơn, dư thừa lương thực nhiều hơn, thu nhập của nông dân so với thành thị sẽ không vì thế mà cao hơn, ngược lại là khác vì giá lương thực so sánh với hàng hoá sẽ giảm xuống và như vậy mức sống của nông dân tiếp tục cách xa ra so với thành thị. Một vấn đề xã hội lớn. Theo tôi, quyết định của chính phủ không cho chuyển đất trồng cây lương thực sang các sử dụng khác, không cho chuyển nơi cư trú từ nông thôn ra thành thị cần phải xem lại trên cơ sở nghiên cứu khoa học, không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm của Trung Quốc. Chính sách trên chỉ làm cho nông dân nghèo khổ đi so với thành phố. Chỉ làm một bài toán đơn giản thôi là nếu nông dân có tăng năng suất lương thực từ 3,6 tấn/ha hiện nay lên 10 tấn/ha thì thu nhập của họ cao nhất cũng chỉ tới 10 triệu đồng/năm sau khi trừ chi phí, tức là khoảng 3 triệu đồng một đầu người, một con số không đáng kể. Tự do tham gia vào quá trình phát triển kinh tế đòi hỏi nông dân được quyền chuyển sản xuất vào những hoạt động gì tạo lợi tức cao nhất, di chuyển tới nơi nào họ có thể kiếm được lợi tức cao nhất cho sức lao động của họ. Cũng như tất cả các nước trên thế giới, phát triển kinh tế là quá trình công nghiệp hoá, dịch vụ hoá đi liền với thành thị hoá. Quá trình giảm lực lượng lao động nông thôn sẽ là yếu tố chính nhằm tăng thu nhập đầu người ở nông thôn. Cũng như các nước khác, lực lượng nông dân sẽ giảm từ con số 80 % dân xuống dưới 10 % khi kinh tế đạt mức phát triển cao. Như vậy, một chính sách đúng đắn sẽ phải là sửa soạn cho quá trình thành thị hoá này tiến tới, tạo cơ sở vật chất (xây dựng hạ tầng cơ sở) cho nó phát triển, không để phát triển kinh tế tập trung vào một hai thành phố. Chúng ta không thể thành thị hoá nông thôn, chúng ta cũng không thể công nghiệp hoá nông thôn. Chỉ có thể đưa khoa học kỹ thuật vào nông thôn<sup>3</sup>. Công nghiệp hoá đòi hỏi tập trung ở mức nhất định, có cơ sở hạ tầng phục vụ từ đường sá, điện nước, thị trường lao động có tay nghề, thị trường vốn. Địa điểm để phát huy sẽ là thị xã, thị trấn, tỉnh lỵ và thành phố hiện nay hoặc một vài nơi nào đó có thuận lợi về địa lý cho những hoạt động mới phát triển.

Nói như thế không phải là xem nhẹ an ninh lương thực. An ninh lương thực đòi hỏi giải pháp khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất lao động, cơ bản là dựa vào giống có năng suất cao, thuỷ lợi và phân bón. An ninh lương thực không phải là giữ dân, giữ ruộng. Phát triển giống có năng suất cao và thuỷ lợi cần có đầu tư lớn của nhà nước. Tuy nhiên, đầu tư của nhà nước vào nông nghiệp lại giảm. Năm 1990, vốn đầu tư của nhà nước vào nông nghiệp chiếm 19,5 % vốn đầu tư bằng ngân sách, năm 1994, tỷ lệ này chỉ còn 8,6 %. Về dài lâu, khi nền kinh tế phát triển, dù đất trồng cây lương thực không thu nhỏ lại, và dù số dân nông thôn giảm hẳn như các nước phát triển khác hoặc ngay như cả Thái Lan hiện nay, để có an ninh lương thực theo kiểu không muốn nhập lương thực, các nước đã phải nâng giá thu mua, trợ cấp sản xuất đủ kiểu để bảo đảm thu nhập của nông dân chứ không phải cấm

<sup>3</sup> Có thể xem thêm *Vấn đề phát triển nông thôn qua kinh nghiệm thế giới*, cùng tác giả, trong tạp chí *Nghiên cứu kinh tế* số cuối năm 1995.

nông dân thay đổi mục đích sử dụng đất, hoặc chuyển nơi cư trú. Trong một bài ngắn mà tôi lại viết hơi dài về nông dân vì đây chính là vấn đề xã hội lớn của đất nước, vấn đề phát triển cho ai và phân phối lợi tức có lợi cho ai.

Về giáo dục, hiện nay rất nhiều nông dân và người nghèo ở thành phố không có khả năng tài chính cho con cái đi học phổ thông cơ sở để có kiến thức cơ bản. Từ năm 1987 đến năm 1993, số học sinh phổ thông cấp 2 giảm 9 %, số học sinh cấp 3 giảm 34 %, số học sinh trung học chuyên nghiệp giảm 24 %, số học sinh học công nhân kỹ thuật giảm 54 %. Mặc dù thất nghiệp cao, tình trạng thiếu công nhân có tay nghề đang là vấn đề ở thành phố Hồ Chí Minh. Ngân sách cho giáo dục mặc dù có tăng nhưng chỉ chiếm 10 % ngân sách, so với các nước khác trên 15 %. Thế nhưng, năm 1994, ngân sách tổng quát dành cho công nghiệp, kể cả đầu tư cơ bản và chi phí thường xuyên, hơn 20 % tổng chi phí ngân sách, một con số lớn hơn giáo dục rất nhiều.

Ngân sách trên cho thấy nhà nước vẫn làm thay người sản xuất, những việc đáng lẽ họ phải tự làm, từ việc cấp đất, cấp vốn, gánh nợ khi xí nghiệp nhà nước phá sản, bù lỗ điện nước, v.v... Ngân sách nhà nước chỉ nên chi tiêu vào những nhiệm vụ cơ bản của mình, không chi tiêu quá thường xuyên vào kinh doanh như hiện nay. Bỏ vốn phát triển cơ sở sản xuất mới phải được coi là những hành động đặc biệt, cần quốc hội thông qua như các nước khác đang làm vì theo nguyên tắc kinh doanh nhà nước có bốn phận bù lỗ nếu các công ty kinh doanh do nhà nước lập ra lỗ vốn. Chừng nào nhà nước còn nghĩ rằng mình cần kiểm soát tình hình kinh tế bằng cách kiểm soát và tham gia trực tiếp vào sản xuất thì chừng ấy nhà nước còn bị hạn chế trong việc điều hành chính sách, đặc biệt là chính sách xã hội vì ngân sách có hạn.

Đặt chỉ tiêu tốc độ phát triển cao hay thấp nằm ngoài phạm vi của bài góp ý này. Nó thuộc phạm vi phân tích tiềm năng, khả năng của nền kinh tế. Nhà nước có nhiệm vụ đánh giá tiềm năng đó để có chính sách vĩ mô phù hợp lèo lái nền kinh tế phát triển đúng tiềm năng, không quá nóng thường tạo ra phân phối lại lợi tức chỉ có lợi cho một nhóm nhỏ người. Trong vấn đề phát huy tiềm năng có vấn đề chuyển đổi cơ cấu sản xuất. Ai cũng biết là công nghiệp chế biến và dịch vụ tạo ra GDP bình quân lao động cao hơn sản xuất nông nghiệp và tốc độ phát triển nông nghiệp luôn luôn thấp hơn nhiều so với công nghiệp và dịch vụ. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất có tác dụng nâng cao tốc độ kinh tế. Vấn đề chuyển đổi cơ cấu này sẽ nhanh chóng nếu như nhà nước đầu tư vào hạ tầng cơ sở đúng mức. Nhưng vấn đề chuyển đổi phải phát xuất từ người sản xuất khi họ thấy lợi. Tuy vậy nên thấy nguy cơ là nhà nước chủ quan phiêu lưu, muốn đẩy nhanh tốc độ phát triển nên đi vào con đường xây dựng tư bản nhà nước bằng các nhà máy quốc doanh để rồi cuối cùng rơi vào bù lỗ làm đình đốn nền kinh tế trong khi đó lại mất khả năng xử lý các vấn đề xã hội. Xu hướng xây dựng các tổng công ty nhà nước, hoạt động tổng hợp đang đi ngược với xu thế chung của thời đại là cạnh tranh, linh động và chuyên môn hoá.

New York, 5.1.1996  
Vũ Quang Việt

## những ý nghĩ vụn ở Vũng Tàu

nhúng xuống nước  
cả đầu tóc mình mấy tay chân  
nhúng cả những tiếng sóng đem từ California  
nhúng hết  
20 năm mới đầu thai lại một lần.

nhúng ngay khi còn nóng rực  
ôm chằm lấy mình trong nước  
nước trong tôi  
ung dung như tẩy rửa lần đầu  
trong chậu mẹ.

nhúng lên cao  
cả những hồ nghi nửa tin nửa thật  
đất nước đang tràn tràn tới trước  
tôi bỗng rất trẻ thơ  
quay ngược.

nhúng cả màu xanh  
vẫn theo tôi 10 ngàn dặm  
cả giấy tờ, thông hành, chứng minh cư trú  
nhúng con trắng rất cũ  
thay hình tôi trong căn cước tâm hồn.

nhúng vào đất  
cả nổi bâng khuâng thú nhất  
môi mình  
may mà còn đôi giọt nước mắt  
để bù ngùi rớt xuống những lần ranh.

nhúng cả ngôn ngữ  
cả những con đường đổi tên là lạ  
nhúng cả âm thanh gai ngái quen quen  
nhúng tất  
nửa vòng quay chưa kịp hoàn hồn.

nước không phải của mình  
vậy mà tắm  
nhẹ như vừa sinh nở  
trời không phải của mình  
vậy mà thở  
dễ như người bản xứ  
đất không phải của mình  
vậy mà bước  
tai lại nghe nhịp tim ngực mẹ.

nhúng vào quê hương đang là bức tranh siêu thực  
cả chỗ đứng tầm nhìn  
rời trời lên ngò ngò  
giữa thời đổi mới  
vẫn còn nửa mê nửa thật.

Lê Bi  
5/95



# Hữu hạn và vô cùng

Hàn Thủy

« Năm bắt tư tưởng khoa học hiện đại trong  
biện chứng của nó... »

(Gaston Bachelard,  
*Le nouvel esprit scientifique*)

## 1. Biện chứng và khoa học

Biện chứng ? khái niệm sơ đẳng này của người học triết hay làm khoa học nhân văn là cái gì vô cùng bí hiểm với phần đông người làm khoa học chính xác (trong đó có tác giả), vậy xin cứ mạn phép múa rìu qua mắt thợ mà tự hỏi « biện chứng là cái gì vậy ? ». Suy theo từ nguyên thì *biện chứng* dịch chữ *dialectique*, phiên âm chữ Hy Lạp *dialektikè* ; chữ này gồm ba gốc : *dia* là có hai bên, *lexis* là ngôn từ và *technè* là cái cách, cái thuật. Tóm lại trong văn hoá Hy Lạp cổ đại *dialectique* có nghĩa là nghệ thuật biện luận, tranh luận giữa hai bên, *technique de dialogue* ; rõ ràng một nguồn gốc rất ư *nhân văn*. Bước thứ hai cũng rất nhân văn là quan niệm của Platon, theo đó biện chứng là sự trao đổi những ý kiến đối chọi để đi đến đồng ý trên một cái nhìn cao hơn, bao quát hơn dung hoà được cả hai bên (theo *Dictionnaire de la philosophie*, Jacqueline Russ chủ biên, nxb Armand Colin). Từ đó đẻ ra ba ngôi : chính đề, phản đề, tổng hợp ; phương pháp làm luận văn được giảng dạy trong trường trung học ; đến bước thứ ba này thì cái *hai bên* được trừ tượng hoá, nó lẫn vào trong tư tưởng của một người để trở thành một phương pháp suy luận. Bước thứ tư : tại sao phương pháp suy luận biện chứng tỏ ra có hiệu quả, hay ít ra là có một sức hấp dẫn mãnh liệt ? phải chăng vì nó thể hiện được cuộc đời ? bản thân cuộc đời biến chuyển theo dòng biện chứng, nó chứa đầy các khía cạnh mâu thuẫn đồng hiện hữu nhưng đối chọi nhau, theo thời gian có thể phủ định lẫn nhau và có thể làm nảy sinh các hiện tượng khác. Các nhà tư tưởng biện chứng nhìn đâu cũng thấy mâu thuẫn, phủ định, phủ định của phủ định, v.v.. dù anh theo triết thuyết duy tâm « tư tưởng có trước » hay anh theo triết thuyết duy vật « vật chất có trước » ! Đến đây thì thế giới tư tưởng và thế giới vật chất khách quan được hoà vào trong một quan hệ khó tách rời, đó là quan hệ . . . biện chứng giữa cái trừ tượng và cái cụ thể .

Đối với người làm khoa học chính xác hình như đây là một trò chơi chữ vô bổ, nếu không là ấu trĩ như kiểu biện chứng giữa hạt lúa và cây lúa. Phương pháp luận trong khoa học chính xác là định đề, định luật và diễn dịch thành định lý, hệ luận, công thức v.v.. cả nền khoa học cổ điển nhằm tiến đến một khối đồng nhất trong đó có A thì không có « không A », chỉ cần đến luận lý hình thức, không có chỗ cho luận lý biện chứng. Ông tổ của khoa học tây phương không phải là Héraclide mà là Parménide d'Elée, người chủ trương rằng vũ trụ là một, bất biến, mọi thay đổi chỉ là ảo tưởng. Ở đây cần hiểu theo nghĩa rộng, theo câu Parménide đã nói « không có gì bỗng từ hư vô trở thành hiện hữu », để thấy ảnh hưởng của quan điểm này trong thuyết tất định tuyệt đối ; không có gì thay đổi (theo nghĩa xảy ra một cách bất ngờ)

với người nào nắm rõ mọi khía cạnh của thực tại, biết rõ tuyệt đối hiện tại tức là biết rõ tuyệt đối tương lai. Trong nghĩa đó thì Einstein là người Eléate cuối cùng, vì vũ trụ *không-thời-gian* trong thuyết tương đối rộng của ông là một cấu trúc toán học duy nhất, độc lập với thời gian vì bao gồm cả thời gian, bản thân thời gian cũng là một chiều của vũ trụ.

Mặc dù người viết bài này không thể hiểu nổi tại sao trong tư tưởng biện chứng lại chỉ có nói đến số hai, có sao luôn luôn dùng mô hình « A và không A », mà không « A và B và C và vân vân » ? nhưng phải công nhận rõ ràng cuộc đời thường hay chia hai : trừu tượng và cụ thể, điện tử âm và điện tử dương, năng lượng và vật chất, quá khứ và tương lai, chủ thể và khách thể (còn quên... đàn ông và đàn bà, *người đánh máy*). Cũng như vậy có thể nói những khủng hoảng và cách mạng trong tư tưởng khoa học từ Copernic (nửa đầu thế kỷ 16) đến nay chủ yếu nằm trong cái biện chứng giữa gián đoạn/hữu hạn và liên tục/vô cùng. « Biện chứng » trong nghĩa sự vận động của một cặp phạm trù trái ngược, không thể hiểu cái này nếu không có cái kia, và khủng hoảng rồi cách mạng xảy ra trong tư tưởng khoa học lúc mà một khía cạnh từ lu mờ trở nên thảng thốt, « phủ định » cái bóng của nó. Phương pháp khoa học không biện chứng, nhưng sự vận động của phương pháp ấy thì lại hình như rất biện chứng !

## 2. Trí tuệ con người giữa hữu hạn và vô cùng

Câu nói của nhà toán học Đức Jacobi (1804-1851) : « Mục đích của khoa học là vì danh dự của trí tuệ con người » nay đã thành nổi tiếng sau khi được nhà toán học lớn người Pháp Dieudonné lấy làm tựa đề cho cuốn hồi ký của mình xuất bản cách đây vài năm. Danh dự của trí tuệ con người là điều ám ảnh các nhà toán học, vì cũng một đại toán học gia khác, Hilbert (1862-1943), người được coi là đã vạch phương hướng cho nghiên cứu toán của thế kỷ 20, đã nói : « *làm sáng rõ bản chất của vô tận là điều tối cần thiết cho danh dự của trí tuệ con người* ». Đủ thấy hiểu cho đến rốt ráo thế nào là hữu hạn và thế nào là vô cùng thật không dễ.

Biện chứng giữa hữu hạn và vô cùng đã bắt đầu vận động trong tư tưởng con người từ thời cổ đại, có Parménide và Zénon d'Elée một bên, với những nghịch lý nhằm chứng minh những gián đoạn trong không gian chỉ là ảo tưởng, chân lý là một thể duy nhất, bất biến, vĩnh hằng ; và Leucippe cùng Démocrite một bên cho rằng vũ trụ là một khoảng không vô tận trong đó vật chất chuyển động không ngừng, và vật chất thì gồm vô số các nguyên tử hữu hạn rất nhỏ... Một vài câu trong kinh Phật cho thấy đây là cũng là một vấn đề siêu hình ám ảnh trong tư tưởng Ấn Độ cổ đại : « Bạch thế tôn, . . . vũ trụ thường còn hay không thường còn, vũ trụ vô hạn hay hữu hạn... » (kinh Cula-Malunkya, trích theo *L'enseignement du Bouddha*, Walpola Rahula). Trong thời gian từ Trung Cổ qua Phục Hưng cho tới thế kỷ ánh sáng, như đã có dịp trình bày, biện chứng này vẫn biến chuyển, nhiều khi trong găm thét thịnh nộ. Để phủ định Aristote và Ptolémée giá phải trả đã là giàn hoả thiêu Bruno.

Một hình thể mắt con người nhìn ra được, trí tuệ nhận thấy được, là vì sao ? Vì nó hiện ra như một sự gián đoạn giữa nó và những cái không phải nó. Trí tuệ nhận biết và phân biệt được các vật thể trong thế giới tự nhiên tức là nhận ra những gián đoạn, đếm được một, hai, ba. Vậy ở giữa hai gián đoạn là gì ? phải nói là một vùng không gián đoạn, tức là một vùng liên tục. Cho nên trực giác về sự liên tục cũng là

trực giác về sự gián đoạn, như hình với bóng, thế nhưng để xây dựng được khái niệm toán học về sự liên tục thì thật cả một công trình trầy da tróc vẩy trong nhiều thế kỷ (nghe vậy cũng đỡ mặc cảm, *người đánh máy*), và công trình này, rút cục lại vẫn phải, và chỉ, yêu cầu trực giác của mọi người về cái gián đoạn, tức là cái hữu hạn, là giống nhau : nếu hiện nay chúng ta đồng ý đây là chữ « A » thì lát nữa chúng ta vẫn sẽ cùng nhận ra một chữ « A », nếu không có cái đồng ý tối thiểu đó thì dù dỏ hơi tới đâu cũng không thể làm toán được. Đó là khuynh hướng « tiên đề hoá » (*axiomatique*) trong toán hiện đại. Nhưng hãy khoan đi quá xa, xin trở lại những ám ảnh về gián đoạn và liên tục của Zénon d'Élée và Aristote, nhiều điều lý thú bỏ qua rất ửng, và chúng ta sẽ thấy, đó cũng là những ám ảnh về hữu hạn và vô cùng.

### 3. Mũi tên bay mà không bay

Nghịch lý của Zénon nếu kể lại đầy đủ (nhưng xin phóng tác cho gọn) mới là hai gọng kim bằng thép nguội. Một : nếu thời gian được cấu tạo bởi từng lúc (*instant*) rời rạc nhận ra được, thì trong mỗi lúc đó không thể có gì chuyển động và mũi tên không bay. Hai : nếu không thì có thể chia khoảng cách làm hai đến vô tận và như thế nếu mũi tên có bay cũng chẳng bao giờ tới đích. Chính ở đây có một khám phá vĩ đại về mối liên hệ giữa liên tục và vô cùng tận, cho nên mặc dù ngang ngược không ai bằng, những nghịch lý của Zénon vẫn phải được nghiên cứu nghiêm chỉnh. Phê phán Zénon là phải đưa ra cái nhìn thống nhất về tự nhiên bao gồm được cả hai điểm : không gian và thời gian là liên tục tức là chia được tới vô cùng, nhưng mũi tên vẫn bay tới đích. Để giải quyết nghịch lý này Aristote để ra hai khái niệm : cái vô cùng tận tiềm thể (*infini en potentiel*) và cái vô cùng tận khả chứng (*infini en acte*) ; và ông cho rằng có nghịch lý là vì lẫn lộn hai thứ vô cùng tận này. Cái vô cùng tận tiềm thể là có thực vì thế có chuyển động, nhưng con người chỉ có thể chứng thực được cái hữu hạn vì thế cái vô cùng tận khả chứng là không thể có, cho nên lý luận như Zénon chia đôi mãi mãi là sai lầm. Tới thời Trung cổ luận điểm này trở thành : « Chỉ có Thượng Đế mới là vô hạn, thế giới do Thượng Đế sáng tạo là hữu hạn và trí tuệ con người chỉ biết được cái hữu hạn », kể nào dám nói rằng vũ trụ là vô cùng tức là đã ngược lại giáo điều, dốt ! Ngoài ra Aristote cũng truyền lại, theo Platon, hai thứ vô cùng tận mà ông gọi một cách rất cụ thể là vô cùng tận theo tính chia (*infini selon la division*) và vô cùng tận theo tính cộng (*infini selon l'addition*), và xin đọc giả bỏ một phút xem tại sao đó là nguồn gốc của hai chữ vô cùng nhỏ và vô cùng lớn sẽ ám ảnh Pascal sau này. Cả hai đều hiện hữu dưới dạng tiềm thể và đều không hiện hữu dưới dạng chứng thực được.

Thực ra trong luận điểm của Aristote không chỗ nào có thể phản bác, ngay cả hiện nay và mãi mãi không có gì ghi lại được vô hạn các điểm trong một quỹ đạo. Chỉ có một điều rằng, như vậy không có nghĩa là con người không có quyền lý luận về vô tận, vì nói về vô tận tiềm thể là bước đầu lý luận về vô tận rồi còn gì nữa. Tuy nhiên, lý luận và tính toán với vô tận một cách hiệu quả thì phải đợi thêm hai thiên niên kỷ tới Newton và Leibniz, như chúng ta đã biết. Còn như giải quyết dứt điểm cái khái niệm về vô tận cho không còn thắc mắc gì nữa về cái danh dự của trí tuệ con người thì đó là công trình của lôgic toán hiện đại, chủ yếu chung quanh lý thuyết tập hợp (*théorie des ensembles*) phát triển mạnh từ

đầu thế kỷ hai mươi tới nay, và vấn đề lớn cuối cùng có tên là « giả thiết về cái liên tục » (*hypothèse du continu*) chỉ mới được giải quyết bởi P.J.Cohen (hiện nay còn dạy đại học) năm 1966. Cho nên một số người bị chết thiêu vì lãnh đạo thời Trung Cổ ngu dốt cũng là chuyện không tránh khỏi, có ai tính xem thời nay bao nhiêu người chết khốn khổ vì lãnh đạo ngu dốt ở châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ ?

### 4. Toán vi tích phân và cơ học thuần lý

Cơ học cổ điển phát sinh từ Newton cho đến trước thuyết tương đối ngày xưa còn được gọi là cơ học thuần lý (*mécanique rationnelle*), trong đó khái niệm về vô cùng lớn được cụ thể hoá bởi không gian Euclide ba chiều quy chiếu theo hệ thống toạ độ Descartes. Đến lúc đó thì người ta đã chấp nhận dễ dàng cái vô tận cộng tiềm năng, cái vô cùng lớn của vũ trụ, nhà thờ đã từ lâu chiếm hữu lý luận của chính kẻ đã bị đốt là Bruno : Thế giới tự nhiên do Thượng Đế sáng tạo cho nên phải vô tận chứ, nói thế giới hữu hạn tức là đã hạn chế khả năng sáng tạo của Thượng Đế ! Để ra nhiều vấn đề chính vì cái vô cùng nhỏ. Và tiến bộ thời Newton và Leibniz chính là việc sử dụng trong tính toán cái khái niệm vi phân, « dx ». Hiểu rõ cái « dx » này thì đã là nắm được một nửa chương trình toán năm đầu đại học, cho nên ở đây không thể dài dòng, nói rất vắn tắt thì có hai điểm : một là, cái dx không đại diện một trị số nào cả, mà nó là một ký hiệu toán học cho phép viết một mệnh đề đúng « dx nhỏ hơn epsilon », với bất cứ trị số nào mà người ta có thể gán cho epsilon (tương tự như vậy, người ta định nghĩa cái vô cực như một ký hiệu toán học cho phép viết « vô cực lớn hơn A », với bất cứ trị số nào mà người ta có thể gán cho A). Hai là, trong những điều kiện xác định được, người ta có thể cộng tới vô tận một chuỗi số ngày càng nhỏ để đưa tới một kết quả hữu hạn, chẳng hạn cộng một nửa (1/2) với một nửa của một nửa (1/4), với một nửa của 1/4, mãi mãi, sẽ ra con số « 1 », cho Zénon yên nghỉ ngàn thu. Phải nói rằng quá trình « thuần hoá » cái dx tuy bắt đầu với Newton và Leibniz nhưng còn kéo dài tới giữa thế kỷ 19 với nhiều nhà toán học, như những kỹ sư lỗi lạc đã vào sân cát để bắt con ngựa chướng này chịu thẳng yên cương ; như Taylor (1688-1731) ở Anh, d'Alembert (1717-1783), Lagrange (1736-1813), Cauchy (1789-1857) ở Pháp, rồi Bolzano (1781-1848) ở Tiệp, Euler (1707-1783), Weierstrass (1816-1897) ở Đức... đó là chỉ kể những tên lớn nhất mà bất cứ sinh viên toán nào cũng thuộc nằm lòng. Những bài bản chính là : cộng nhiều vô tận một chuỗi số ngày càng nhỏ như thí dụ ở trên, tức là khái niệm giới hạn ; chia cái vô cùng nhỏ cho cái vô cùng nhỏ (dx/dy) tức là khái niệm đạo hàm ; cộng nhiều tới vô tận những cái vô cùng nhỏ, tức là khái niệm tích phân (*intégration*). Trong một thời gian dài người ta đã làm toán với những khái niệm này bằng trực giác, chứ không phải lúc nào cũng hoàn toàn chặt chẽ, và ngay cả những nhà toán học lớn nhất cũng có lúc « chứng minh » sai, bị con ngựa chướng vô cùng nhỏ hất xuống bãi cát. Cho tới khi con ngựa này thuần tính thì các nhà toán học sẽ lại bày ra những trò chơi khác.

Nhưng phải chăng toán học chỉ là trò chơi của trí tuệ ? Những khái niệm toán học và những bài toán từ đâu ra ? Toán học, một sản phẩm của trí tuệ con người, là một biểu hiện của cái biện chứng giữa trừu tượng và cụ thể nên nó cũng mang cái nhập nhằng của biện chứng ấy. Sự hình thành của những khái niệm toán là rõ ràng có nguồn gốc lịch sử và

thực tế, nhưng nó lại bay ra khỏi thực tế để đi vào một thế giới ý tưởng như thế giới của Platon, hình như nhà toán học nào cũng chấp nhận cái thế giới « Platonique » ấy. Tại sao vậy ? phải chăng chính vì họ đã bỏ bao nhiêu công sức để gây dựng nên cái lâu đài lý tưởng đó, làm cho nó trở nên chặt chẽ, trong sáng rõ ràng, đến nỗi (đối với người làm toán) không có gì trong sáng rõ ràng hơn, vì thế không thể bảo rằng các khái niệm toán học không có thực, chúng có thực vì chúng bền vững hơn bất cứ vật thể nào của đời thường. Chỉ có thể nói rằng chúng có thực trong một thế giới khác thế giới đời thường.

Cơ học thuần lý, khởi đi từ lý thuyết vật lý của Newton, rõ ràng được thúc đẩy bởi những yêu cầu cụ thể về kỹ thuật của thời đại : tính toán quỹ đạo, tính toán diện tích, thể tích của các vật thể tự nhiên hay nhân tạo... các nhà làm sử khoa học hiện nay cho rằng trước Newton, khái niệm vi phân và tích phân đã được sử dụng một cách « thủ công nghiệp » bởi Archimède để tính toán. Chẳng qua là muốn tính thể tích của một vật nào đó chỉ việc cắt ra thành từng lát nhỏ, tính riêng mỗi lát rồi cộng cả lại. Nếu làm thế với những lát ngày càng mỏng thì hiển nhiên kết quả ngày càng chính xác. Vì vậy, nếu nói theo kiểu Aristote thì chẳng qua cái dx chỉ là tượng trưng cho sự tính toán ngày càng đúng, nhưng chỉ luôn luôn gần đúng đó, vì quá trình tính toán cụ thể là hữu hạn, không có cái vô tận chúng thực được nên không có sự tính toán tuyệt đối chính xác, điều này hiện nay trở thành hiển nhiên với phương pháp tính toán tự động bằng máy tính điện tử. Có thể tưởng tượng Aristote sống lại sẽ vuốt râu gật gù mà nói rằng : « thì ra hậu sinh khả ỷ, ta đã ngừng ở đó không dám đi xa hơn, còn chúng nó dám sáng tạo ra cái dx để làm gạch nối giữa vô tận thực chúng và vô tận tiềm năng, rồi dấn chơi với nó, hoá ra là vô cùng tiện ích ! ».

## 5. Khủng hoảng và cách mạng nền tảng

Đối với các nhà vật lý học, phần đông đệ tử Aristote, có thể đến thế là đủ. Nhưng các toán học gia, như ở trên đã nói, phần đông là đệ tử Platon (ít ra là trong khi làm toán), cái liên tục và cái vô tận lớn hay nhỏ mới là thế giới của họ. Công việc của họ là vừa xây dựng vừa chiêm ngưỡng thế giới đó để phát hiện những điều kỳ diệu. Cái vô tận và cái liên tục là trực giác đầu tiên, không có vấn đề chia đôi cái vô tận tiềm thể và cái vô tận chúng thực được. Việc ấy chỉ là sự áp dụng toán học trong tính toán của đời thường, xây dựng thế giới duy lý của toán học mới là công việc chủ yếu của họ, hay nói cách khác, họ phải đồng ý được với nhau một cách chắc như đinh đóng cột về vấn đề thế nào là cái vô tận, cái vô tận duy nhất đáng nói đến là cái mà Aristote gọi là cái vô tận tiềm thể. Điều ấy, ngay cả vào lúc cuối thế kỷ 19, vẫn còn mập mờ, vì thế có câu của Hilbert đã dẫn trên. Vì thế có sự khủng hoảng gọi là khủng hoảng nền tảng trong toán học, đưa đến cách mạng « toán hiện đại ». Khủng hoảng này lại đi trước một chút, hay có thể nói song song, với khủng hoảng trong vật lý lý thuyết. Những nhân vật chủ yếu của màn kịch này là Georg Cantor (1845-1918), David Hilbert (1862-1943), Giuseppe Peano (1858-1932), Friedrich L.G.Frege (1848-1925), Bertrand Russell (1872-1970)... và nhất là Kurt Gödel (1906-1978). Phương pháp luận của trường phái tiên đề hoá này là gì ? Phải định nghĩa được các vật thể toán học, kể cả cái vô tận, một cách duy nhất bằng một số chữ hữu hạn. Như thế phương pháp luận là chia làm hai bước : bước

đầu xây dựng ngành luận lý học hình thức trong đó không chấp nhận khái niệm liên tục cũng như khái niệm vô tận, chỉ cần biết đếm từ một, hai, ba, cho tới một con số hữu hạn nhưng không cần biết lớn bao nhiêu. Lý do là vì luận lý học hình thức chỉ xác định những quy luật biến đổi các dòng ký hiệu viết ra được lên trang giấy, tất cả những gì con người viết ra từ cổ xưa đến nay và về sau mãi mãi sẽ là hữu hạn, cho nên theo đúng như Aristote, không có cái vô tận thực chúng. Sau nhiều khó khăn vì phải tránh mâu thuẫn, nghịch lý, người ta cũng hoàn chỉnh được công cụ luận lý chủ yếu hiện nay, đó là thuyết tập hợp. Sang bước thứ hai dùng những quy tắc luận lý học, đặc biệt là lý thuyết tập hợp, để xây dựng các vật thể toán học, đây là lúc có thể chơi chữ nói rằng : đi từ số không. Vì đúng là bước đầu (về mặt luận lý), người ta phải định nghĩa số không, rồi đến các con số 1,2,3 ... rồi đến đường thẳng, không gian v.v..

Vậy một tập hợp có vô tận thành phần là gì ? chính là khi nó « bằng » một bộ phận của nó, thí dụ 1,2,3,4,5 rõ ràng là « bằng » 2, 4, 6, 8, 10... Từ những kết quả của thuyết tập hợp người ta định nghĩa được một đường kẻ liên tục là một tập hợp vô tận những điểm, khác với luận cứ cổ điển từ Aristote cho rằng điểm và đường kẻ là hai loại vật thể khác nhau, vì theo như Aristote, nếu lấy một điểm ra khỏi một đường kẻ sẽ chẳng có thay đổi gì cả. Thế rồi người ta lại phát hiện ra là có nhiều thứ vô tận khác nhau, thứ vô tận tạm gọi là « đếm » được như một hai ba bốn đến vô cùng là... vô cùng ít hơn thứ vô tận của các điểm trong một đường kẻ liên tục (được định nghĩa trong toán). Chính ở đây đặt ra « giả thiết liên tục » đã nói ở trên ; câu hỏi là : vậy giữa các vô tận đếm được và liên tục có còn cái thế loại vô tận nào ở giữa hay không ? gọi là giả thiết vì các nhà toán học nghĩ là không, nhưng không chứng minh được. Cho tới Cohen cách đây mới gần 20 năm, chứng minh được rằng đó là một mệnh đề « bất khả định » (*indécidable*) ; khái niệm ấy trong luận lý học có nghĩa là chấp nhận mệnh đề ấy thì sẽ có một vũ trụ toán A mà không chấp nhận thì sẽ có một vũ trụ toán B ; nếu vũ trụ A không chứa mâu thuẫn thì vũ trụ B cũng không chứa mâu thuẫn. Tưởng cũng nên nhắc lại một hệ thống chứa mâu thuẫn là một hệ thống tự nó sụp đổ, vì từ một mâu thuẫn người ta có thể chứng minh bất cứ gì.

Đã đến lúc bật mí một điều đau khổ của họ hàng nhà toán. Nếu hỏi : thế cái vũ trụ ý tưởng của các bạn, có chứng minh được là nó không hàm chứa mâu thuẫn không ? thì các nhà toán học sẽ nhún vai quay mặt : ra mà hỏi Gödel ! Vì Gödel đã chứng minh rằng : điều ấy bất khả định. Bất cứ một hệ thống định đề nào xác lập một vũ trụ toán trong đó có vô tận vật thể cũng là một hệ thống định đề không thể tự nó chứng minh tính không mâu thuẫn của nó.

## 6. Vũ trụ là hữu hạn hay vô cùng ?

Còn cái vô cực, cái vô cùng lớn, số phận của nó ra sao ? theo nguồn tin cuối cùng với tất cả những sự dè dặt thường lệ, cái vô cực đã chết với thuyết tương đối mở rộng của Einstein, vũ trụ rất lớn, lớn đã man, lớn kinh khủng... nói thế nào cũng được, nhưng không thể nói vũ trụ vô cùng lớn, vì theo cái lý thuyết thích hợp nhất hiện nay với mọi quan sát thực nghiệm này, thì sau khi nổ vĩ đại chào đời cách đây 15 tỷ năm, vũ trụ tiếp tục dãn nở, và như thế nó hữu hạn.

**Hàn Thuý**

## Nhà chùa trước một vấn đề thời đại :

# “ Khổng giáo và phát triển ”

Cao Huy Thuần

**LTS : D.Đ.** đã và sẽ còn tiếp tục đăng những bài nêu các vấn đề văn hoá trong giai đoạn phát triển của Việt Nam ngày nay.

Nói tới văn hoá Việt Nam mà không bàn tới Phật giáo là một thiếu sót không tha thứ được.

Phật giáo là một yếu tố gốc rễ của văn hoá dân tộc ta. Từ xa xưa. Ta còn thấy vương vấn cái gốc cổ đó khi ta nói câu “ lạnh như bụt ” trong đó từ phạm “ bụt-đà ” (mà Âu châu phiên âm ra bouddha) được phiên thẳng qua âm nôm na của ta. Và có lẽ cách gọi đó có trước khi từ ngữ “ Phật ” gốc Trung quốc thành phổ biến trong tiếng nói của ta ngày nay. Gốc rễ ăn sâu vào lòng văn hoá ta đến nỗi không mấy ai còn lưu ý đến nguồn gốc Phật giáo của *hằng hà sa số* – nghĩa là nhiều như cát sông Hằng – từ ngữ thông dụng ngày nay. *Hằng hà* khái niệm nhà Phật đã trở thành khái niệm dân gian, như khái niệm “ *nghiệp* ”, hoặc dùng đúng như nghĩa gốc hay cũng có thể trịch di để ra “ *tội nghiệp* ” chẳng hạn...

**D.Đ.** đăng trong số này hai bài tham luận đã được các tác giả trình bày trong hội thảo “ **Phật giáo và thời đại** ” tổ chức ngày 10.9.95 tại Trúc Lâm thiền viện, vùng Paris. Chúng tôi tin rằng độc giả sẽ vượt qua dễ dàng vài chi tiết lặt vặt liên quan đến ngôn ngữ dùng trong một hội thảo của giới Phật tử, để đi thẳng vào các vấn đề được nêu lên. Những vấn đề cho Phật giáo Việt Nam, đã đành, nhưng cũng là những vấn đề cho văn hoá dân tộc ta, cho văn hoá Á châu...

**Ở** đây tôi không có ý định viết một bài thuần tuý nghiên cứu. Tôi muốn đặt vấn đề và xác nhận lập trường về một bàn cãi có tính cách thời đại : xét lại mối tương quan giữa Khổng giáo và phát triển. Vấn đề này đã và đang gây sôi nổi trên thế giới cũng như trong giới nghiên cứu Hoa kiều và Việt kiều.

“ Khổng giáo và phát triển ” : đối với một người Phật tử, cũng như đối với mọi người Việt Nam, vấn đề đặt ra như vậy đương nhiên sẽ... đặt ra vấn đề. Ít nhất là trong trường hợp Việt Nam, tại sao chỉ nói Khổng giáo ? Văn hoá Việt Nam có phải chỉ là văn hoá Khổng giáo hay không ? Và như vậy, thay vì nói “ Khổng giáo và phát triển ”, tại sao không nói đúng hơn là “ văn hoá và phát triển ” ?

Tất nhiên, nhiều người đã thấy vấn đề như vậy và đã đặt vấn đề như vậy. Nhưng dù đặt vấn đề dưới hình thức đó đi nữa, nội dung vẫn là Khổng giáo. Tại Trung quốc và tại bốn con rồng con, tình trạng là như vậy. Tại sao ? Đó là mục đích của bài này. Và do đó, bài này sẽ gồm hai phần :

– Phần thứ nhất sẽ giải thích tại sao tầm nhìn vấn đề phát triển trên lĩnh vực văn hoá lại cứ quy vào Khổng giáo ;

– Phần thứ hai là thái độ của nhà chùa.

## I. Khổng giáo và phát triển

Tôi không cần phải dài dòng về ảnh hưởng của Weber trên phong trào nhìn lại Khổng giáo. Trong tác phẩm danh tiếng **Đạo đức Tin lành và bản chất của chủ nghĩa tư bản** xuất bản từ 1920, Max Weber đã cố làm sáng tỏ tương quan giữa những niềm tin của đạo Tin lành và sự nảy nở của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Theo Weber, ân sủng của thượng đế mà kinh thánh rao giảng mang lại một “ nỗi lo âu cứu rỗi ” cho tín đồ, và biện pháp cụ thể duy nhất để tự trấn an rằng mình không bị giáng hoạ là chăm lo nuôi dưỡng suốt đời một hoạt động trên trần thế mà nếu thành công thì điều đó chứng tỏ rằng mình đã được thượng đế ân sủng. Niềm tin đó đã đem lại nền tảng đạo đức cho hoạt động kinh tế, và chính đó, chính niềm tin đó, chứ không phải sự săn đuổi lợi nhuận, là đặc điểm của chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, đạo Tin lành, phái Calvin, khuyến khích một đời sống kỷ luật, chuyên cần, tinh tấn, cho nên làm dễ dàng tính tiết kiệm và việc dựng vốn để đầu tư, bí quyết của sự phát triển tư bản. Luận thuyết của Weber là dùng một yếu tố, yếu tố văn hoá, để giải thích một hiện tượng lịch sử. Cái độc đáo của Weber là ở đó, mà chỗ yếu của Weber cũng là ở đó : ở chỗ dồn tất cả giải thích vào **một** yếu tố ! Dồn tất cả quả vào một nhân, nói theo giọng nhà chùa.

Tôi tưởng cũng không cần phải nói nhiều về lập luận của ông Lý Quang Diệu vì ai cũng biết, họ Lý cho rằng Á châu đã vỗ cánh bay lên nhờ những giá trị truyền thống của mình : tình cảm gia đình, tính trọng kỷ luật, trật tự, dám hy sinh cho lý tưởng, không ngại gian khổ, quên mình vì người... Về luận thuyết của Lý Quang Diệu, tôi chỉ muốn nói một điều mà hình như ai cũng biết : họ Lý muốn dùng Khổng giáo để biện minh cho chế độ chính trị cứng rắn của nước ông, nghĩa là, nói chung, các nước Á châu đang phát triển vượt mức. Á châu và Âu châu đang xung khắc với nhau trên lĩnh vực ý thức hệ : Âu thì muốn dùng hai chữ “ dân chủ ” và “ nhân quyền ” như ngọn đuốc soi sáng nhân loại ; Á thì nhấn mạnh khả năng thành công, tính chất hiệu quả của một thể chế đưa dân tộc tiến cho kịp thế giới. Một bên nêu cao sứ mạng hoàn vũ ; một bên bảo vệ tính cách đặc thù. Một bên tôn vinh con người như một cá nhân chủ thể ; một bên đặt con người như một phần tử trong một cộng đồng hài hoà. Trong mặt trận ý thức hệ đó, văn minh Khổng giáo không những cung cấp đầy đủ yếu tố lý thuyết mà còn có khả năng trả thù lịch sử. Á châu đã thua Âu châu ở thế kỷ trước, nhưng Á châu đang trên đà đi lên và Âu châu có triệu chứng đi xuống. Kẻ thua về súng đạn kỹ thuật của ngày hôm qua không còn nằm dưới gót giày của kẻ thắng mà nhìn lên văn hoá của họ lồng lộng

trên cao. Tôi bằng anh, cho nên tôi chẳng có gì ngần ngại nói rằng tôi khác anh. Cái khác đó, tôi đã có từ mấy ngàn năm, và đó là văn minh Khổng giáo. Trong cái trào lưu tìm về bản thể trên khắp thế giới ở cuối thế kỷ 20 này, các nhà chính trị Á châu vô được ông Khổng như tưng tiền trúng được vé số. Một chuồng ném ra, vừa tấn vừa thủ, vừa chọi bên ngoài, vừa trị bên trong.

Những điều vừa nói, ai cũng biết, cho nên tôi để dành thì giờ nói qua chuyện khác, về một bối cảnh : bối cảnh Trung quốc – con rồng lớn, không phải bốn chú rồng con.

Trước khi “ sự cố ” Thiên An Môn xảy ra, nhà nước có chính sách khuyến khích việc nghiên cứu lại Khổng giáo, tổ chức nhiều cuộc hội thảo lớn với sự tham gia của nhiều học giả Hoa kiều trên thế giới, phục hồi chất chịu hậu duệ của Khổng tử, đẩy lên một phong trào khai quật đồ cổ đáng chú ý. Học giả, trí thức, nhà nghiên cứu, giới đại học... tích cực làm bùng lên một hiện tượng mà người phương Tây gọi là “ con số văn hoá ”. Với tất cả nhiệt tình, trí thức Bắc Kinh thọc mũi dao vào một vết thương vẫn còn rướm máu từ năm 1919. Giống như thời Ngũ tứ<sup>(1)</sup>, họ tự hỏi : Trung quốc là gì ? Tây phương là gì ? Tại sao Trung quốc cứ mãi là anh chàng A Q. ngớ ngẩn ? Phải chăng chỉ có tiến bộ về tư tưởng mới giúp Trung quốc nắm được bí quyết thành công ? Nói một cách khác, trí thức Bắc Kinh thời 1989 tự xem mình như người nối dõi phong trào Ngũ tứ, với tham vọng đưa phong trào 1919 đến cái chỗ nó muốn đến nhưng chưa đến được. Tôi xin nói ngay rằng tôi đồng ý với trí thức Bắc Kinh về nhiều chỗ, nhưng chỗ đó thì tôi không đồng ý. Và tôi xin mượn lời một trí thức Bắc Kinh, một sử gia, để nhắc lại rằng văn hoá vốn có hai chiều sâu mà ai cũng phải thấy và phải nhận : chiều sâu dân tộc và chiều sâu lịch sử. Do đó “ canh tân ” không thể nào trùng nghĩa một cách đơn giản với “ Tây phương hoá ”. Ngũ tứ và Bắc Kinh giống nhau ở một chỗ : cả hai đều đặt vấn đề “ Trung quốc và Tây phương ” bằng trái tim và giải quyết vấn đề cũng bằng trái tim. Bằng sự thôi thúc của nhục nhã. Của uất ức. Trung quốc chưa chắc đã đỡ lụt cổ. Tây phương chưa chắc đã hay tràn hồng. Văn hoá Trung quốc, cũng giống như bất cứ văn hoá nào khác, đồng thời vừa là kho tàng vừa là gánh nặng. Kho tàng, phải khai thác. Gánh nặng, phải vút đi. Đưa cái hay của Tây phương vào xã hội Trung quốc, ai dám bảo là dở ? Nhưng đưa Tự Do vào xã hội Á châu với hình tượng một nữ thần quen thuộc Âu châu thì quyết chắc là nghèo nàn về tưởng tượng.

Nói cho đúng, đòi hỏi Tây phương hoá chỉ là một khuynh hướng trong con số văn hoá Bắc Kinh, tuy rằng đó là khuynh hướng chủ động. Có hai khuynh hướng khác nữa. Một là khuynh hướng tuyên dương cái hiện có : hiện trạng Trung Quốc từ 1949 là một thành công lớn trong việc dung hoà ước vọng của Ngũ tứ với những đòi hỏi riêng biệt của xã hội Trung quốc. Hai là khuynh hướng phục hồi vốn cổ mà các nhà nghiên cứu đã tạm gọi là “ hậu Khổng giáo ”. Trong cuộc khủng hoảng ý thức hệ mà Trung quốc đã trải qua lúc đó, đây là khuynh hướng tìm lại những giá trị đặc thù của

Trung quốc được xem như có nguồn gốc Khổng giáo. Khuynh hướng này đã có từ thời Ngũ tứ và trong những năm 1930, nhưng phong trào “ tân Khổng giáo ” thời đó khác với khuynh hướng “ hậu Khổng giáo ” bây giờ ở một điểm chính : trước đây, đó là công trình của các triết gia, gắn bó với nếp sống hiện triết ngày xưa ; bây giờ đó là khám phá của các “ ý thức hệ gia ” thực tiễn với mục đích lục lợi trong truyền thống Trung quốc tìm những giá trị, những lý tưởng nào có thể phát huy để đẩy mạnh kinh tế. Trong “ cơn sốt văn hoá ” chung của thời 1989, chính khuynh hướng này bị lây thêm “ cơn sốt Weber ”, nghĩa là cơn sốt làm đầu đầu số mũi giới trí thức tại bốn con rồng con. Điều đáng nói thêm là khuynh hướng này nhảy từ lĩnh vực xã hội qua lĩnh vực chính trị một cách nhẹ nhàng với chủ trương “ tân chuyên chế chủ nghĩa ”, không phải trong mục đích bảo thủ như các nhóm thủ cựu từng đề xuất, mà trái lại, trong mục đích cải tổ kinh tế. Rút kinh nghiệm Đài Loan và Nam Triều Tiên, các trí thức trẻ chủ trương khuynh hướng này lập luận rằng trong những điều kiện nào đó, sự phát triển của một nền kinh tế tân tiến đòi hỏi phải tạm dờ lại những cải tổ dân chủ. Để giải phóng kinh tế, một chính quyền mạnh là điều kiện cần thiết trong giai đoạn đầu. Cho nên phải phân biệt lĩnh vực kinh tế với lĩnh vực chính trị : phạm sự của chính quyền là đập tan mọi hành vi chống lại canh tân nhưng đồng thời cũng bảo vệ sự tự do của thị trường và những quyền căn bản của công dân. Với mức sống và mức giáo dục dần dần tăng lên, những điều kiện để cải tổ chính trị sẽ dần dần ứng chín, tính cách chuyên chế sẽ dần dần nhường chỗ cho một chế độ dân chủ. Với cái nhìn như vậy, họ phân biệt bốn hệ thống chính trị : chính quyền cứng, kinh tế cứng (mô hình Saline) ; chính quyền mềm, kinh tế cứng (Ấn Độ) ; chính quyền cứng, kinh tế mềm (bốn con rồng) ; chính quyền mềm, kinh tế mềm (Tây phương).

Biết thế nào là cứng, biết thế nào là mềm ! Cho nên khuynh hướng “ hậu Khổng giáo ” này gặp sự chống đối mãnh liệt của khuynh hướng theo Tây phương. Đối với khuynh hướng này, chuyên chế là chuyên chế, chẳng có tân hay cựu, và không phải ngày hôm nay mà đã mấy ngàn năm rồi, Trung quốc đã thuộc lòng chủ thuyết “ độc tài sáng suốt ”. Nhưng khuynh hướng “ hậu Khổng giáo ” lại được sự yểm trợ của một số trí thức Hoa kiều ở khắp thế giới, nhất là ở Mỹ. Quen thuộc và hiểu biết tình trạng xã hội, triết lý, chính trị của Tây phương, những người này thổi vào “ cơn sốt văn hoá ” thời 1989 một khao khát mà nhiều trí thức ở các nước đều biết : khao khát đi đường tắt. Sự tân tiến của Tây phương (la modernité occidentale) đang gặp khủng hoảng và chủ nghĩa “ hậu tân tiến ” (post-modernisme) là biểu trưng cho sự hốt hoảng của người Tây phương. Vậy thì tại sao phải đi theo vết chân của người Tây phương, tại sao không biết khai thác những giá trị nhân bản mà Khổng giáo có thừa và Tây phương đang thiếu ? Tại sao không lấy con đường tắt dẫn thẳng từ tình trạng tiền tân tiến đến tình trạng hậu tân tiến, khỏi phải kinh qua kinh nghiệm Tây phương ? Đối với số trí thức Hoa kiều vừa nói, phong trào phục hồi những giá trị cũ là làn sóng thứ ba trong lịch sử canh tân văn hoá Trung quốc. Làn sóng thứ nhất là làn sóng Ngũ tứ chống Khổng giáo, làn sóng thứ hai là cơn sốt văn hoá chống những gì kế thừa Khổng giáo nghĩa là chống mác xít ; làn sóng thứ ba là

(1) Phong trào trí thức Trung Quốc, nổ ra ngày 4.5 năm 1919, đánh dấu bước ngoặt hiện đại hoá của lịch sử Trung Quốc. (ĐD chú thích)



chủ trương hậu Khổng giáo. Hoa kiều trên thế giới có nhiệm vụ thúc đẩy làn sóng này ; họ không phải là ngoại vi nữa, họ là trung tâm trên mặt trận văn hoá. “ Ngoại vi biến thành trung tâm ” (the periphery as the center) là khẩu hiệu của họ. Và, trong định nghĩa “ Trung quốc là gì ? ” đặt ra từ thời Ngũ tứ, họ trở về với quan niệm, với lý tưởng đã có từ thời Xuân Thu : Trung quốc không phải là một khái niệm chính trị hoặc địa lý mà là một khái niệm văn hoá. “ Người Trung Hoa mà không biết lễ nghĩa là giống man di ; người man di mà biết lễ nghĩa là người Trung Hoa ”.

Tình trạng của vấn đề là như vậy, thái độ của nhà chùa là thế nào ? Dưới đây là đề nghị.

## II. Thái độ của nhà chùa

1. Khởi đi từ luận thuyết của Weber, một thứ Weber rất giản lược, toát yếu, cuộc bàn cãi về Khổng giáo và phát triển thiếu tính cách khoa học và nghiêm hãn về ý thức hệ. Cùng chống mác xít cả, mà có phe thì đả Khổng, có phe thì hưng Khổng : đả Khổng vì Khổng là gốc là rễ của một chế độ tân trang, hao hao giống Tần Thủy Hoàng ; hưng Khổng vì nơi Khổng có những giá trị nhân bản mà họ thấy thiếu trong nhiều chế độ hiện tại. Dù chống hay bênh, ai cũng phải nhận rằng xã hội hậu Khổng giáo ở Trung quốc có những đặc điểm khiến người có ý thức canh tân nhất cũng phải dẹp bớt lửa lòng. Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Đông không phải là toàn Trung quốc. Cả một tỷ người hầu như không mấy quan tâm đến những biến chuyển bên ngoài, nói gì những triết thuyết xa xôi từ phương Tây. Tôn Dật Tiên đã từng ném vị đắng trong hoài bão canh tân của ông : dân số, địa lý, lịch sử, xã hội Trung quốc đặt ra những vấn đề khó nuốt dù thực đơn của Lu Thoa với Mạnh Đức Tư Cưu hấp dẫn đến thế nào. Ngày xưa Quốc Dân Đảng, ngày nay đảng Cộng Sản, đảng nào cũng phải đối phó với đe dọa nổ bùng, nổ từ trong lòng xã hội và nổ từ xu hướng ly tâm giữa các hảo hán địa phương. Nói như vậy, tôi không có ý bênh vực chính sách hiện tại ở Trung quốc. Ngược lại, tôi nghĩ rằng chính những hiểm nguy đó đòi hỏi một ý muốn canh tân thực sự nếu Trung quốc muốn phát triển theo đúng nghĩa chữ phát triển. Dù sao đi nữa, xã hội hậu Khổng giáo – dù ở rộng lớn hay rộng con – có ba đặc điểm như thế này :

Một, trong mối tương quan giữa cá nhân và xã hội, tính cách xã hội còn đặt nặng. Ai cũng biết trong cách viết chữ nhân ( 仁 ) đã hiện hữu hai người : có ta và người khác ( 人 và 二 ). Chúng ta sống bằng cách nhìn người khác chung quanh, từ gia đình đến đoàn thể, “ ăn xem nời, ngồi xem hướng ”. Dở hay hay ? Xã hội đè nặng quá trên cá nhân là dở. Nhưng cá nhân bất chấp xã hội có phải là hay ?

Hai, cấu trúc xã hội còn dựa trên cấp bậc trên dưới với lễ nghĩa ràng buộc, chứ không phải trên những cá nhân bình đẳng và cùng đặt như nhau dưới một luật pháp vô tư. Người Âu châu đến kinh doanh ở Trung quốc hoặc Hồng Kông thường nói với nhau : người đối thoại với quý vị không phải là cá nhân mà là đoàn thể, dù cho sự kiện đó rất tinh tế, khó thấy. Xã hội rộng chưa phải là xã hội đồng nhất trong đó mọi cá nhân đều có quyền và có bổn phận ngang nhau, dù cho điều đó nằm sờ sờ trong hiến pháp.

Ba, trong mối tương quan giữa chính quyền và công dân, bộ máy quan liêu, trong nghĩa tốt và nghĩa xấu, là điểm nổi bật trước mắt các nhà nghiên cứu từ thế kỷ trước, và bộ máy đó nằm chình ình trên xã hội từ mấy ngàn năm. Từ mấy ngàn năm người dân chỉ mong muốn một điều thôi, là bộ máy đó ít can thiệp vào đời sống chừng nào tốt chừng đó ; xã hội chẳng quan tâm mấy đến việc chiếm chính quyền hay kiểm soát chính quyền. Một chính quyền tốt, theo quan niệm truyền thống, là một chính quyền nhẹ phon phớt, để xã hội thoải mái tằm gỏi trong sinh hoạt kinh tế và gia đình : đó là mô hình Hồng Kông. Chính quyền mà can thiệp nhiều thì chỉ tổ gây nên phản ứng chống bộ máy quan liêu tiềm tàng trong xã hội : đó là kinh nghiệm xương máu trong lịch sử. Chỉ cần mất mùa, thuế nặng và một tay anh chị giơ nắm tay lên là xã hội ùa theo. Ngược lại, trước mắt xã hội, chính trị là việc của các ông quan có học, có hạnh, có thi cử, có đỗ đạt, nghĩa là có đào tạo về tri thức và đạo đức để trở thành quan, và dân đen chẳng dại gì dính dáng đến việc quan mà làm mất trật tự. Dở hay hay, đáng bàn lắm. Nhưng du nhập mô hình Tây phương là làm thay đổi cả xã hội và cả văn hoá. Nói vậy, chứ từ 1898, và từ Tôn Dật Tiên, luôn luôn có một luồng tu tưởng đi theo hướng đó, và điều đó không hẳn là dở. Cái khó của Trung quốc là hiện tượng một tỷ người với 20 trên 30 tỉnh lớn như một nước lớn. Chúng ta có cái khó đó không ?

“ Khổng giáo và phát triển ” : nếu cuộc bàn cãi thiên nặng về tranh chấp ý thức hệ, tưởng chẳng nên bắt nhà chùa dính vào làm gì cho mệt. Tôi có đọc nhiều bài của các trí thức Phật tử ở Mỹ viết về “ Phật giáo và phát triển ”. Các trí thức đó quá yêu đạo nên cứ loay hoay biện minh rằng Phật giáo là không yếm thế, Phật giáo là thuận lợi cho phát triển. Biện minh làm gì cho mệt, hãy để cho ông Weber yên giấc ngàn năm. Việt Nam may mắn có một tôn giáo không giống một số tôn giáo lớn đã hoặc đang gây vấn đề cho xã hội. Nếu nói về bản chất thì Phật giáo không chống ai, nói gì chống phát triển. Người ta chống nó chứ nó không chống ai, nhất thiết là như vậy. Nhưng nó không phải là tiêu cực như có vị lãnh đạo tôn giáo đã phán. Bàn tới bàn lui về mấy chuyện yếm thế với tiêu cực này là rời cái gót chân của Phật giáo : Phật giáo cao hơn thế nhiều lắm, cao vợi vợi.

2. Khó mà không dính tới hậu ý chính trị khi bàn về vấn đề Khổng giáo và phát triển. Nhưng ví thử – tôi nói : ví thử – cuộc bàn cãi chỉ có tính cách thuần túy văn hoá và khoa học, thì ta phải nghĩ sao ? Ta phải phân biệt hai lĩnh vực trong vấn đề bàn cãi, và nói chung là trong vấn đề văn hoá : lĩnh vực xã hội và lĩnh vực chính trị. Nói : “ xã hội hậu Khổng giáo ” là nói cho gọn, cho tiện, chứ ai mà chẳng biết rằng văn minh Trung quốc và nhất là Việt Nam là có Khổng và có Phật ! Quý vị con trời ở thiên triều vốn rất tự tôn, nên khi có người viết về sự “ chinh phục Trung quốc của Phật giáo ” thì họ đốp chát lại ngay bằng cách nhấn mạnh hiện tượng “ Trung Hoa hoá Phật giáo ”. Nhưng dù nói Phật giáo chinh phục Trung quốc hay nói Trung quốc Trung Hoa hoá Phật giáo thì hiện trạng vẫn là Phật giáo đã thấm nhuần mưa móc trên đất của họ Khổng. Còn ở Việt Nam thì khỏi nói : Khổng với Phật dung hoà trong nếp sống của dân gian như ai cũng biết, và mới đây, như ông Nguyễn Huệ Chi đã cất nghĩa rõ ràng. Phật giáo đã thấm nhuần xã hội thì đương

nhiên Phật giáo có trách nhiệm làm cho xã hội đó ngày mỗi tốt đẹp hơn. Ngày xưa, ngay trong những giai đoạn mà Phật giáo bị bức hại tàn nhẫn nhất tại Trung quốc, các chính quyền Khổng giáo cực đoan cũng phải công nhận vai trò làm đẹp phong hoá, làm tốt xã hội của nhà chùa. Ngày nay, ai chẳng biết : phát triển, không phải chỉ là phát triển kinh tế, mà còn xã hội, văn hoá, giáo dục, đạo đức. Ai chẳng biết và chẳng thấy phát triển kinh tế có thể đưa đến những hậu quả khốc hại về mặt văn hoá, đạo đức, xã hội. Đó là chỗ mà Phật giáo đương nhiên có trách nhiệm tiêu cực – mô Phật – tích cực. Phật giáo làm tốt xã hội bằng cách nào ? Bằng cách tu. Tu như Phật dạy. Trong sạch, thanh thoát như sen. Giải thoát. Tây phương đi tìm ân huệ ở tận đâu đâu mà không biết rằng nó nằm nơi sự giải thoát. Ta biết. Vậy thì :

*Như thế mà tu hành  
Việc gì cũng thành tựu  
Ở đâu cũng an lành  
Ấy là chân hạnh phúc*  
(Kinh Mahamangalasutta)

Hạnh phúc cho mình và hạnh phúc cho cả xã hội. Để cho giới trí thức thoát khỏi luận bàn hai chữ phát triển. Nhà chùa chỉ tu. Tu được, là có tất cả. Tu lếu, thì Phật giáo cũng chẳng còn, nói gì phát triển.

Vậy thì, câu hỏi : nhà chùa nghĩ gì về ảnh hưởng của Tây phương trong lĩnh vực xã hội, nghĩ gì về chỗ hay chỗ dở, cũng trên lĩnh vực xã hội, trong xã hội tạm gọi là “ hậu Khổng giáo ”, nghĩ gì về cá nhân, nghĩ gì về gia đình, đoàn thể – nghĩa là, nói tóm lại, nghĩ gì về những chuyện của thế nhân xảy ra ngoài cổng tam quan ? Phải nhận rằng đạo Phật không phải là triết lý xã hội, và bởi vậy, từ lâu rồi, nhà chùa nghiêng mình, ngả mũ ni, nhường việc luận bàn thế sự cho giới nho sĩ. Cũng nên tiếp tục như vậy. Nhưng cái lẽ không mà có, có mà không, buộc nhà chùa phải biết vấn đề, thấy vấn đề, hiểu vấn đề. Do đó, một viện nghiên cứu là vô cùng cần thiết. Nghiên cứu để làm gì ? Tôi rất khó chịu, và khổ sở khi thấy một nhà sư đưa tay “ bông rua ” một khách ngoại quốc. Nghiên cứu là vậy : là để biết cung cách của người khác là bắt tay, ôm hôn, và cung cách của nhà chùa là chấp tay vái. Là để biết nét đẹp của ta, biết ta. Biết chung quanh ta sống thế nào để ta sống đẹp và làm đẹp chung quanh. Nghiên cứu chỉ có mục đích như vậy, xin đừng ai gán cho mưu đồ gì khác.

Đó là lĩnh vực xã hội. Còn về lĩnh vực chính trị, tôi chỉ xin nói một câu là đủ : tuyệt đối nhà chùa không dính vào chính trị. Đặc điểm của Phật giáo là ở đó. Hãy mãi mãi là như thế. Hãy mãi mãi là khác với các tôn giáo khác. Trong lĩnh vực này, hãy để ông Khổng chịu đòn.

•  
•

**T**ôi đi tới kết luận.

**Một :** về vấn đề phát triển, *nhieu* yếu tố khác nhau đã thúc đẩy phát triển nhanh trong một số nước Á châu, trong đó có yếu tố văn hoá, và trong yếu tố văn hoá đó, nhiều động cơ khác nhau đã góp gió thành bão trong đó động cơ quan trọng là lòng tự hào dân tộc. Không thể hiểu Trung quốc nếu không

hiểu nỗi nhục nhã bị Tây phương đè đầu hồi thế kỷ 19. Tất cả đã bắt đầu từ đó. Dù đúng hay sai, Á châu vẫn luôn luôn nghĩ rằng mình đã thua Âu châu vì súng đạn và kỹ thuật, không hề thua về văn hoá. Không thể hiểu được Việt Nam nếu không hiểu được thách thức vượt “ tự hào ”. Chính điều này sẽ quyết định tất cả. Lòng tự hào về dân tộc, đó là động cơ phát triển. Tự hào đó do đâu mà có ? Do lịch sử. Và cái gì làm nên lịch sử nếu không phải là thời gian và một ý muốn chung ? Và cái gì làm nên ý muốn chung nếu không phải là văn hoá ? Gọi đó là những “ giá trị hậu Khổng giáo ” là lúng chũ mà nói. Đúng hơn, phải nói rằng đó là tự hào về cái *khác* của ta. Dù đúng hay sai, trong đầu Á châu luôn luôn có ý nghĩ rằng Đông là Đông, Tây là Tây. Chính cái đó làm Á châu là Á châu. Làm Á châu không phải là Âu châu. Không phải là Phi châu. Không phải Mỹ châu. Bao giờ lòng tự hào về cái *khác* đó không còn nữa, thì Trung quốc sẽ hết là Trung quốc, Việt Nam sẽ hết là Việt Nam, rỗng rấn công nhau bay về chân mây cuối trời.

**Hai :** thế nhưng, nghịch lý thay, văn hoá Tây phương đang tràn ngập Á châu, không phải thứ văn hoá tinh hoa của Âu châu, mà là văn hoá dỏm, văn hoá rởm, lắm khi biểu hiện cơn khủng hoảng mà Âu châu đang trải qua. Báo chí, phim ảnh, quảng cáo, cách ăn, cách mặc, cách nói năng, cách ứng xử : ào ào không sợ bằng nước ngầm, và nước Âu châu đang ngầm khắp Á châu. Phát triển kinh tế để đi đến đâu ? Đến chỗ khủng hoảng xã hội mà Tây phương đang ném mùi chẳng ? Đến chỗ đổ vỡ những giá trị tinh thần chẳng ? Đến chỗ mất luôn cả linh hồn ?

Cho nên phát triển kinh tế luôn luôn đi đôi với những suy nghĩ, tìm tòi, thực hiện, phát huy những gì đã làm ta là ta, đã tiếp nối ta với ngàn xưa, và sẽ làm ta vững chắc, tự tin, đi mãi trên con đường bất tận. Việt Nam còn tồn tại đến nay là vì đã dám nói “ *ta* ” với Trung quốc trong suốt lịch sử. Đảng Cộng sản dám nói “ *ta* ” với thực dân. Hãy tìm tòi, suy nghĩ, để nói “ *ta* ” trước tất cả những khuynh hướng đang làm tha hoá Việt Nam trên con đường phát triển. Một cái “ *ta* ” biết dung hoá, nhưng đích thực. Suy nghĩ, tìm tòi đó đòi hỏi sự góp sức của mọi trí óc.

**Ba :** Dương Không Lộ thời Lý một mình leo lên núi, đứng chót vót trên đỉnh mây xanh mà “ *trường khiếu nhất thanh hàn thái hư* ”. Gióng lên một tiếng làm lạnh xương sống trời đất. Đó cũng là tiếng “ *ta* ” mà Phật giáo đã gióng lên suốt lịch sử. Hãy tiếp tục như vậy.

**Bốn :** cho nên, đối với người Phật tử, vấn đề nên đặt ngược lại. Nói làm gì “ Phật giáo và phát triển ” ! Hãy nói : “ Phát triển và Phật giáo ”. Muốn phát triển, cần Phật giáo. Phật giáo mang đất, mang màu mỡ, mang dưỡng khí, mang ánh sáng, mang nắng mưa, mang quá khứ, mang hiện tại, mang tương lai, mang tất cả gia tài trần trọng trao cho người nào biết gieo giống và biết nghĩ đến mùa màng của ngày mai, không phải ngày mai trong chớp mắt, mà ngày mai dài hơn bốn ngàn năm của ngày hôm qua.

Cao Huy Thuần

# Sống thời đại và tinh thần đức Phật

bùi mông hùng

*Nam nhi tự hữu xung thiên khí,  
Hưu hướng Như Lai hành xứ hành.  
(Làm trai chí khí xông trời thăm  
Thời đi, bỏ lối học đòi Như Lai)*

Thiền sư Việt Nam Quảng Nghiêm (1121-1190)

Bài này có một bản viết vào tháng 9.95 cho hội thảo “Phật giáo và thời đại”. Khi đưa bản ấy cho anh bạn PHD xem, anh ta suy nghĩ khá lâu rồi phê rằng cái ý chính là tính “động” mà cách nói lại bó rọ trong ngôn từ xưa nay vẫn dùng để biểu đạt cái “tĩnh” tiềm tàng trong các khái niệm thông tục. Xác đáng quá! Chỉ còn biết chấp tay cúi đầu gõ máy viết lại. Tuy nhiên từ ý thức tới thể hiện là cả cái khoảng cách từ năng lực đến kẻ môi vào rượu... Rượu có nhấp được hay chẳng xin bạn đọc lượng xét. (bmh)

C hính vào những giai đoạn xáo trộn biến động như hiện nay, con người phân vân trước cuộc sống bao nhiêu thì nhu cầu xét lại gốc rễ nguồn căn làm cơ sở cho hành vi ứng xử của mình, của xã hội lại càng bức thiết bấy nhiêu. Phật giáo là một trong số không nhiều lắm truyền thống đã làm gốc làm rễ văn hoá cho nảy nở nhiều nền văn minh của một bộ phận rộng lớn nhân loại. Trong chính lúc dân tộc Việt Nam ta bước vào một giai đoạn quyết định cho vận mạng của mình, xét lại một yếu tố căn bản của truyền thống dân tộc như Phật giáo trước thách thức của thời đại là một việc không tránh né được.

Bài này (I) phác hoạ nét trội của cuộc khủng hoảng văn hoá thời đại, (II) xét vài điểm đặc trưng của giáo lý nhà Phật đặc biệt thích nghi với xu hướng đòi hỏi của thời đại. Và cuối cùng (III) nêu lên vài điều căn bản để cho Phật giáo khai triển trí tuệ và tri thức tích lũy suốt hai nghìn năm, góp phần vào công cuộc xây dựng một nền văn hoá cho hiện đại.

## I. Thời đại con người trở về thân phận làm người

Các hệ tri thức, xưa nay vững tin rằng mình nắm chân lý, truyền bá niềm tin của mình tự bao đời. Và cũng tự bao đời đã là những ngọn đuốc soi đường cho con người hết thế hệ này đến thế hệ khác trông theo mà an tâm sống với mình, với người, với thiên nhiên. Những niềm tin ấy bấy lâu nay tưởng đâu là chân lý vĩnh hằng, đến khi vấp vào hiện đại bỗng nhiên lung lay đến tận gốc rễ, nếu không là hoàn toàn sụp đổ.

Khởi điểm không phải mới gần đây. Những dấu hiệu đầu tiên xuất hiện từ thời Phục hưng, thế kỷ thứ XV, XVI, đưa dần tới sự hình thành của khoa học, của tư duy ngày nay.

Có người cho rằng là phát minh này hay phát minh nọ làm cho khoa học mâu thuẫn với các hệ tôn giáo, với tư tưởng cổ truyền. Không hẳn như vậy. Vì lẽ rằng không một phát minh khoa học nào có khả năng giải đáp các câu hỏi căn bản của tôn giáo nêu lên, mà ngược lại tín ngưỡng có thể tiếp thu chẳng mấy gì khó khăn bất cứ phát minh khoa học nào vào trong hệ tư tưởng của mình.

Sự xung khắc cơ bản thật ra nằm trong tinh thần nghi ngờ có hệ thống, không tin theo một thuyết nào nếu nó chưa trải qua thẩm định của thực nghiệm. Theo tinh thần thực nghiệm này thì không có giáo lý nào, hệ tư tưởng nào nắm chân lý vĩnh hằng. Chúng chỉ có giá trị của những giả thuyết, nghĩa là giá trị còn khi chúng còn vận hành còn biểu thị được các hiện tượng, các dữ kiện theo tiến trình mà giả thuyết đề ra. Gặp trường hợp ngược lại, một khi đã không phù hợp nổi với dữ kiện được quan sát nghiêm túc và có phương pháp thì chính giả thuyết phải tự đặt lại vấn đề và chuyển đổi sao cho phù hợp được với dữ kiện.

Quan điểm đổi thay vì suốt nhiều thế kỷ vừa qua, các xã hội loài người không ngừng chuyển biến mạnh. Đến gốc rễ. Đảo lộn cả nhận thức. Các vấn đề thời đại không ngớt nổi lên, cắt vấn tri thức con người. Riêng một cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ thứ 19 cũng đã đủ thay đổi hoàn toàn bộ mặt hoàn cầu. Truyền thống bao lâu tin rằng chính là tri thức, đạo lý soi sáng và điều khiển hoạt động của con người. Nhưng hiện thực đã chẳng giản đơn một chiều theo lối nhìn đó, vì thế mà làm lung lay cơ sở các niềm tin truyền thống: Tư duy và đạo lý hướng dẫn hoạt động của con người thật, nhưng ngược lại hoạt động sản xuất chính là một nhân tố quy định tư duy, đạo lý trong xã hội loài người.

Từ địa vị đứng trên cao siêu mà hướng dẫn, đạo lý rơi xuống ngang tầm với con người, giữa xã hội. Các giá trị “chân”, “thiện”, “mỹ” không còn được quy định do uy tín của một Chân lý bên ngoài, một cá nhân vĩ đại nào, mà thực ra là bởi xã hội, như một tổng thể trong vận động không ngừng chuyển biến của nó.

Dù muốn dù không, con người buộc phải tìm quy tắc hướng dẫn đời sống của mình không đâu ngoài cộng đồng con người, ngoài xã hội.

Trong chiều hướng đó, nhà tư tưởng lớn thế kỷ thứ 19 Hegel quay lại nhìn lịch sử như một giòng tiến hoá. Ý nghĩa của sự tiến triển, của vận động lịch sử chỉ sẽ biểu lộ tại nơi điểm tận cùng của lịch sử.

Marx tiếp nối theo, tin rằng đấu tranh giai cấp là động cơ của giòng lịch sử ấy và cho đó là một phát hiện căn bản của mình tìm ra. Con người làm ra lịch sử, và có khả năng gia tốc lịch sử bằng cách tác động theo chiều hướng của động cơ. Cách nhìn của Marx là một yếu tố gây niềm hy vọng lớn cho một phần nhân loại: lịch sử có ý nghĩa và sẽ tất nhiên đi đến điểm tận cùng của nó. Hành động trong hướng đi của lịch sử là hành động vô cùng ý nghĩa của những con người ý thức được sự thật lịch sử.

Rồi, trong vòng mấy thập kỷ của thế kỷ hai mươi này, con người bỗng mất phát hiện ra rằng những tiến trình do chính

mình phát động có tác động gần như không giới hạn vào thế giới thiên nhiên, vào thế giới con người : Làm chủ được nguyên tử lực, con người có thừa năng lực làm nổ tung quả địa cầu. Đồng thời khi nhận ra chân diện mạo của các chế độ toàn trị kiểu nazi, loài người kinh sợ mà ý thức rằng dù cho tiền đề có giả tạo đối trá vô nhân đến đâu đi nữa, khi mà có những thế lực quyết tâm áp đặt các tiền đề đó thì khả năng thể hiện ý đồ thành công là có thực. Miễn là cái thế lực ấy biết chủ trương hành động có hệ thống một cách liên tục. Thế kỷ hai mươi này đã được chứng kiến các tiến trình đi vào hiện thực của những mẫu xã hội toàn trị nazi và những mô hình ít nhiều toàn trị khác.

Uy lực tác động của con người vào thế giới loài người, vào thế giới thiên nhiên chưa bao giờ đạt mức độ khủng khiếp như hiện nay.

Trong khi đó, khoa học càng hiểu thiên nhiên thêm sâu sắc bao nhiêu thì con người lại càng ý thức rõ rệt rằng giải đáp khoa học chỉ là đáp từ cho những câu hỏi của chính mình đặt ra và những giải đáp đó lệ thuộc vào cách đặt câu hỏi. Đi tìm hiểu thiên nhiên – không phải là mình mà cũng chẳng phải do mình tạo ra – rốt cuộc con người gặp lại những cấu trúc, những mô hình do mình tạo nên, nghĩa là gặp lại chính mình. Và cũng bắt đầu nhận ra rằng không thể giáo điều tin vào tính tất định của khoa học mà không xét kỹ độ chính xác trong mỗi trường hợp cá biệt. Khoa dự đoán khí tượng đã nghiêm túc chứng minh rằng bướm vỗ cánh ở Bắc Kinh hôm nay có thể gây giông tố tại Nữu Ước tháng sau. Các sự kiện gần đây lại càng cho thấm thía tính tất định lịch sử thật ra chẳng nghiêm ngặt gì hơn chuyện nắng mưa.

Tất định lịch sử không còn, tự do của cá nhân bỗng nở rộng ra thêm. Mỗi người có thể tự nhủ rằng cánh bướm mình vỗ lên có khả năng lái lịch sử chệch qua hướng khác. Nhưng khi ấy chợt nổi lên, không giải đáp, câu hỏi ý nghĩa hướng đi lịch sử là gì ?

Dù muốn dù không, một lúc nào đó trong đời sống, con người thời đại cũng bị thực tại xô đẩy, buộc quay về đối diện với thân phận làm người của mình. Và lúc ấy rùng mình nhận ra rằng, về căn bản, cung cách ứng xử của mình chẳng mấy khác người thời trung cổ. Bạo tàn man rợ khác nào khi xưa.

Chỉ có điều khác là con người thời đại nắm trong tay những phương tiện sinh sát sánh tày Thượng đế. Dem các phương tiện ấy ra xử dụng lại có phương pháp tổ chức theo kiểu đại công nghiệp – máy móc lạnh lùng – nhưng hữu hiệu biết là chừng nào.

Trong khắc khoải tự vấn trước mệnh mang cuộc sống, con người thời đại thấy mình nhỏ bé, chẳng khác gì con người trung cổ. Nhưng, quay đi quay lại chỉ mình với mình. Không nơi nương tựa, thiếu ngọn đuốc soi đường mà người trung cổ sẵn có, chỉ việc tuân theo.

## II. Con đường Như Lai

### 1. Một giáo lý nhân bản, một quan điểm “động” trong nhận định

Đối tượng của lời Phật dạy không ai khác là con người, trần trụi với thân phận làm người. Câu hỏi trung tâm của giáo lý nhà Phật là một vấn nạn thẳng thừng không chút nhân nhượng : “ Con người kia ! anh là gì ? ”

Con người không khởi cũng có lúc trầm ngâm trước giòng sông, nước luân lưu chảy để ngậm ngùi rằng ta đứng đây mà mọi việc trước mắt biến chuyển không ngừng. Điều mà ai ai cũng nhận ra dễ dàng. Nhưng thường không suy xét xa hơn, và, nếu có thì cũng ngừng ở nhận định : ta nhìn, ta tư duy vậy ta hiện hữu (je pense, donc je suis).

Cách nhìn theo đức Phật không phủ định tính hiện hữu của “ cái ta ”, trong phút giây quan sát giòng sông. Chỉ nhắc nhở rằng, nếu không ngừng nước chảy qua cầu thì nào có khác chi giòng nước, người đứng trên cầu ngắm giòng sông cũng bao ý niệm nổi lên, trôi đi, dư âm vang vọng, tâm tư không ngừng chuyển đổi...

Nhà Phật quan niệm giòng sông, người đứng ngắm là những nhân tố ứng tác qua lại với nhau trong một quan hệ động. Một tiến trình trong đó các ứng tác không ngừng miên man chuyển biến. Thuật ngữ nhà Phật gọi đó là “ vô ngã ”, “ vạn pháp vô ngã ” mọi sự việc đều vô ngã. Và dùng thuật ngữ “ không ” để chỉ bản tính không ngừng biến chuyển của sự vật, “ vạn pháp giai không ”. Dem cái nghĩa thông thường của từ “ không ” gán cho thuật ngữ đồng âm làm sai lạc ý nghĩa quan điểm nhà Phật. Hiện thực luôn luôn biến động, nhưng nào phải vì vậy mà hư không !

Cảm nhận trung thực từng giây từng phút tiến trình của các quan hệ không ngừng chuyển đổi, tiếp theo đó mà liên tục đáp ứng, hồn nhiên và hài hoà, không bị lăng kính ảo tưởng làm cho méo mó lệch lạc, đó là một đặc tính của Phật. Và vì thế Phật còn có danh hiệu là Như Lai.

Tiến trình chuyển biến của sự việc, Phật giáo quan niệm là không do ngẫu nhiên. Nó có nguyên nhân và điều kiện. Nguyên nhân như là hạt giống, nảy nở ra được hay bị thui chột đi còn tùy ảnh hưởng điều biến của những điều kiện kèm theo. Thuật ngữ gọi đó là “ nhân duyên ”.

### 2. Một giáo lý cho hành động, nơi đây và ngay bây giờ

Là một nhân tố ứng tác có ý thức, con người trong giây phút hiện thực là một điểm động cuốn theo giòng thác tiến trình mà khởi điểm bắt đầu khi nào chẳng rõ, bao giờ tới điểm tận cùng cũng chẳng hay. Lặn hụp trong giòng đời, dù cho thu mình với thái độ thụ động hay tích cực xông xáo, con người bề gì cũng ý thức tiếp thu ảnh hưởng cùng tác động vào tiến trình cuộc sống, nghĩa là hành động, là gieo nhân, tạo nên duyên.

Nói cho đúng, ý thức của con người có ban cho hẳn được chút phần tự do. Trong chọn lựa hành động và khởi điểm của nó. Nhưng trong một tiến trình, khi đã phát động rồi, hành động tác động vào môi trường như thế nào, phản hồi lại ra sao phần lớn vượt ngoài ý chí của con người cá nhân. Con người ấy, trong giây phút hiện thực là một điểm động, là hệ quả của hành động bản thân, của tác động môi trường bao quanh, của các thế hệ sinh trước. Ngược lại, với hành động do mình khởi xướng, cá nhân ấy cũng tác động vào thế giới này, vào thế hệ mai sau...

Thuật ngữ “ nghiệp ” của nhà Phật dùng để chỉ tác động và hệ quả của hành động có ý thức của con người. Con người cá nhân tạo ra “ biệt nghiệp ” riêng của chính mình, nhưng cũng tác động vào và chịu ảnh hưởng “ cộng nghiệp ” chung của cả xã hội của loài người. Khái niệm “ nghiệp ” đặt vai trò và vị trí của mỗi cá nhân trong vũ trụ, trong giòng tiến hoá của sinh vật, trong nhân loại hôm qua, ngày nay và mai sau. Qua

hành động – mà không ai tránh né được – cái “ nghiệp ” ràng buộc theo quy luật nhân duyên mỗi cá nhân với toàn thể loài người, toàn thể sinh vật. Từ mối liên đới đó, hệ giáo lý Bắc tông khai triển ra khái niệm “ bồ tát nguyện ”. Còn sinh vật trôi nổi trong vòng khổ đau thì bồ tát còn nguyện theo nâng đỡ. Vì nghĩ cho cùng, liên đới nhân duyên ràng buộc với nhau, làm sao có thể quan niệm một mình một chốn niết bàn thành thời được.

Con người là ứng tác có ý thức trong tiến trình không ngừng chuyển biến, hành động của hần nển mà liên tục hài hoà được với cuộc sống chỉ có thể là hành động thích ứng nơi đây và ngay bây giờ, nghĩa là một sáng tạo không ngừng

Chính vì vậy mà giáo lý Phật giáo không thể không là lý thuyết, phương pháp, kỹ thuật cho hành động trong hướng đó.

Chính căn cứ vào hành động, vào “ nghiệp ” mà đạo Phật đưa con người từ tối tăm trật vượt nắm bắt ảo ảnh – thuật ngữ gọi là “ vô minh ” – đến trí tuệ hoà hợp hồn nhiên con người vào tiến trình cuộc sống, vào vũ trụ. Chính vì vậy mà cho rằng đạo Phật yếm thế, trốn đời là lầm to.

### 3. Một con đường giải phóng trí tuệ soi sáng hành động

Chính vì có ý thức mà con người khó hồn nhiên ứng tác hoà hợp theo nhịp biến đổi của tiến trình cuộc sống. Lúc thì phản ứng bất cập, khi thì lại thái quá. Hoặc bo bo ôm cái khối kinh nghiệm quá khứ quên mất rằng bản chất hiện tại là một trạng thái mới lạ, vì vậy mà hành động trong hiện tại luôn luôn là một sáng tạo. Hoặc không muốn nhìn vào hiện tại, quay hết tâm trí phóng vào một cái chưa có mà mình gọi là tương lai, để rồi đập mặt đập mũi vào cái hiện tại không sao tránh né được. Nhà thơ than :

*Yêu là chết trong lòng một ít*

*Cho thì nhiều nhưng chẳng nhận bao nhiêu...*

Yêu nhau thắm thiết, niềm vui lớn. Nhưng chính vì yêu mà kẻ cho, người nhận, cả hai người yêu nhau không bao giờ được hoàn toàn vừa lòng. Nhà Phật không phủ nhận những niềm vui trong cuộc sống, chỉ nhắc nhở rằng bên cái vui, quan hệ trong tiến trình cuộc sống, các ứng tác có ý thức luôn luôn vấp vào những điều làm cho họ chẳng bao giờ được hoàn toàn mãn nguyện. Thuật ngữ nhà Phật gọi những khổ đau, những tiềm lực làm cho con người bất mãn trong cuộc sống là “ khổ ”. Đó chỉ là một nhận định duy thực.

Nhận định thế, để khẳng định ngay rằng có con đường vượt “ khổ ”, đem lại an lành. Con đường bỏ rơi ảo tưởng, hài hoà quan hệ ứng tác của con người trong tiến trình không ngừng biến động của cuộc sống. Đó là “ đạo ” mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã bản thân thể nghiệm. Và khẳng định rằng đã là người, thì không phân biệt trai gái, sang hèn, màu da sắc tộc, bất cứ ai ai cũng đều tiềm tàng đầy đủ khả năng của đức Phật, con người đã rất ráo thể hiện “ đạo ” ấy.

Phật chỉ nhấn nhủ mỗi người chúng ta chính mình thể nghiệm. Không một ai có thể làm thay mình được, đức Phật cũng chỉ là người chỉ đường.

Mỗi cá nhân là một trường hợp duy nhất, con đường cũng phải thích nghi với tính duy nhất của mỗi người. Nhà Phật hằng là phương tiện.

Nguyên tắc chung, chúng ta gặp ngay trong câu phật tử thường chúc nhau được “ thân tâm an lạc ”. Phương pháp nhà

Phật chú trọng cả thể xác lẫn tâm thần, đến tác động qua lại vòng tròn của chúng. Thân an lặng thì lòng cũng yên, tâm yên tĩnh thì thân thêm thư giãn thoải mái. Cứ thế mà thân tâm liên tục ảnh hưởng lẫn nhau đưa đến trạng thái tĩnh lặng, thuận lợi để quán xét, ý thức tinh tường những gì đang xảy ra trong mình, xung quanh mình. Chính sự ý thức rõ rệt những gò bó trong thân xác, những thể thức dục vọng nổi lên rồi tan đi trong thâm tâm là cơ sở để chủ động thư giãn toàn thân, để cho dục vọng không bị đè nén mà nhạt thưa dần. Lửa lụi tàn vì củi không còn. Cứ như thế mà các nhân tố tạo thiên kiến, thành kiến rơi rụng. Mâu thuẫn tan dần, tự do nội tâm phát triển. Thân và tâm ung dung tự tại sẵn sàng tập trung vào hiện tượng bên trong, bên ngoài, để tiếp nhận và phản ứng hồn nhiên, thích nghi, không lệch lạc.

Khi ảo tưởng hoàn toàn rơi rụng hết, sự thích ứng lúc ấy hài hoà với tiến trình cuộc sống. Một trạng thái siêu việt các cặp đối lập ta – người, chủ – khách, tri thức – hành động, thiện – ác, luân hồi – niết bàn... thời gian trong đó là hiện tại, vĩnh hằng.

Đó là ý nghĩa lời Long Thọ bồ tát (150? - 250?) khẳng định “ Niết bàn là luân hồi, luân hồi là niết bàn ” (Nagarjuna, Madhyamika - Karika, XXV, 19). Đó là lý do nhà Nho thắm nhuần tinh thần Thiền tông Vương Dương Minh (1472 - 1529) xuống thuyết “ tri hành hợp nhất ”.

Chỉ có bậc hoàn toàn giác ngộ mới hợp nhất được tri và hành, siêu việt được đối lập biết và làm. Nhưng, cuộc sống luôn luôn đặt chúng ta trước một chọn lựa để hành động. Thế nào cho phải, đó là vấn đề. Giáo lý nhà Phật đề nghị các phương thức giúp cho mỗi người chúng ta sáng suốt nhận thức và hành động. Mấy câu kinh Pháp Cú rất nhiều người thuộc nằm lòng nhắc nhở điều ấy :

*Chư ác mạc tác*

*Chư thiện phụng hành*

*Thanh tịnh kỳ ý*

*Thị chư Phật ngôn*

(Không làm điều ác, Làm mọi việc lành, Thanh tịnh tâm ý, Ấy lời chư Phật)

Phân biệt phải, quấy, đạo Phật không đặt nơi một uy quyền ngoài con người. Lúc chọn lựa hành động bao giờ chẳng chỉ có mình với mình. Cái “ lương tri ” do tâm ý thanh tịnh trong sáng là bảo đảm duy nhất cho tính đúng đắn của chọn lựa ấy. Tất cả giáo lý nhà Phật, lý thuyết, và thực hành chỉ nhằm sao cho tâm ý người hành đạo tĩnh lặng trong sáng trong sáng gió bão lửa của cuộc sống.

Con người thời đại đã đạt tri thức vô cùng cao xa, nhưng lương tri không tương xứng. Tạo một “ lương tri khác ” là tiềm năng quý báu mà giáo lý nhà Phật có khả năng góp vào công cuộc xây dựng nền văn hoá một thời đại khắc khoải đi tìm lương tri cho chính mình. Với vốn liếng Phật giáo tích lũy trên hai mươi thế kỷ tri thức lý thuyết và thực hành.

## III. Chí khí ngất trời xanh

### 1. Xác định chức năng

Sức sống của một giáo lý tùy thuộc những người đang sống và thể hiện nó. Phật giáo phát huy được tiềm năng của mình khi nào những người đang sống lời Phật dạy xác định được chức năng xã hội của giáo lý mình thể hiện.



Trên căn bản giáo lý nhà Phật không có gì đối chọi với tinh thần khoa học. Nhưng Phật giáo không phải là khoa học. Chức năng khác, cách chứng thực cũng khác. Sự thực khoa học chúng ta thực nghiệm. Hoàn toàn khác từ tinh thần, lý thuyết, đến thực hiện với thể nghiệm “ đạo ”. Sự thực thể nghiệm là một sự thực chủ quan, bản chất khác với sự thực khoa học.

Khoa học thay đổi bộ mặt toàn cầu. Tuy nhiên, trong hiện trạng ngày nay khoa học không thể và cũng không có tham vọng đề nghị một cái nhìn tổng hợp toàn diện cuộc sống.

Giáo lý nhà Phật đề nghị một nhận thức tổng thể cuộc sống, là một triết học. Chính vì không phải là khoa học mà Phật giáo làm được cái việc ngoài chức năng của khoa học : đem lại ý nghĩa cho hoạt động thường ngày, cho cuộc sống mỗi con người.

Có triết lý của mình, nhưng khác với các hệ triết học nhà Phật còn một kho kinh nghiệm phong phú về phương thức, kỹ thuật sử dụng những động tác thân xác đơn giản, hô hấp, đi, đứng, ngồi, nằm... để thể hiện triết lý của mình trong thân xác, trong cuộc sống hàng ngày, trong mỗi người. Đề nghị một hành trình thể hiện chứ không chỉ duy nhất là một hệ tư tưởng thuần lý, một bộ phận giáo lý nhà Phật có những nét hấp dẫn đối với tinh thần thời đại.

Là một tôn giáo, có đầy đủ nghi lễ, nhưng người Phật tử không phải đặt lòng tin vào một uy lực cao siêu nào ngoài con người, ngoài bản thân mình.

Có biết mình, biết người, cộng đồng Phật tử mới bỏ rơi được mặc cảm tự ti và tự tôn, không hao tổn tâm thần năng lực vào những cuộc tranh biện sân si, xác định vị trí và chức năng của giáo lý nhà Phật so với khoa học, với các hệ triết học, các tôn giáo khác. Khi ấy mới an nhiên đem tinh thần Như Lai thể hiện ra trong nếp sống hàng ngày, trong muôn mặt của cuộc sống. Và góp phần vào công cuộc chuyển hoá nền văn hoá thời đại.

## 2. Sống thời đại

Muốn được vậy phải đau cái đau thời đại, khổ cái khổ thời đại, dằn vặt với các vấn đề thời đại. Tóm lại phải sống thời đại.

Truyền thống hai mươi lăm thế kỷ của đạo Phật là một ốc đảo để ẩn náu, an tâm cho những ai mệt mỏi, khiếp sợ trước các chấn động của một thời đại đang oằn oại chuyển tiếp. Cái nguy lớn của Phật giáo chính là đó : mặt quay về quá khứ, day lưng với thời đại, mãn nguyện với việc làm nơi ẩn náu cho những người trốn sống thời đại. Và chỉ có thể mà thôi, ngoài ra không còn chi khác.

Nay chính là lúc cần chí khí ngất trời xanh của những người đem đạo vào đời trong những thời điểm khác thường. Khi tinh thần Phật thấm nhuần vào Trung quốc, nở ra Thiền tông, các tổ như ngài Lâm Tế ( ? - 867 ? ) nói đạo bằng câu chữ hàng ngày của người nông dân cho người thời đại bưng mắt nhận ra đâu là tinh thần Như Lai. Khi văn hoá đất Việt hưng lên với một dân tộc độc lập, đời Lý thiền sư Quảng Nghiêm (1121- 1190) nhấn nhủ “ *Nam nhi tự hữu xung thiên khí , Hưu hướng Như Lai hành xử hành* ” (Làm trai chí khí xông trời thăm, Thôi đi, bỏ lối học đời Như Lai). Đời Trần, ta gặp thần thái thanh thoát ấy nơi Tuệ Trung Thượng sĩ Trần

Tung (1230 - 1291), thầy của tổ sáng lập ra phái thiền Việt Nam Trúc Lâm, Điều Ngự giác hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308). Trong một bữa tiệc của thái hậu mà cũng là em ruột thượng sĩ thiết đãi, Tuệ Trung gặp thịt cứ ăn. Thái hậu lấy làm lạ hỏi : “ *Anh tu thiền mà ăn thịt thành Phật sao được ?* ” Thượng sĩ cười đáp : “ *Phật là Phật, anh là anh. Anh chả cần làm Phật, Phật chả cần làm anh.* ”

Thời Phật, thời tổ, thời Lý - Trần đã qua, và không bao giờ trở lại, thời đại là của bây giờ. Tinh thần đức Phật chỉ có giá trị qua cọ sát với thực tại. Có lẩn vào giải quyết những vấn đề cụ thể đang đặt ra cho con người, mới nảy ra cái nhìn “ như lai ” sự việc hôm nay. Mới bật ra lời lẽ đi vào con tim người đang mò mẫm tìm đường. Phải thông giáo lý nhà Phật, đã dành. Công trình xuất bản kinh tạng Pali dịch qua tiếng Việt của hoà thượng Minh Châu, dự án dịch và xuất bản hệ tam tạng sanskrit của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một bước tiến cho ai ai cũng có thể tiếp cận những tư liệu gốc một cách trực tiếp. Nhưng, có soi qua gương mặt người mới nhận rõ ra mặt mình, có đem tư tưởng nhiều ít sáo mòn của mình đọ với các luồng tư tưởng hiện hành mới sáng lên sức sống của tư tưởng Phật, nơi đây và ngay bây giờ.

Công cuộc ấy còn bỏ ngõ.

Thời nào cũng phải thích nghi phương pháp tu dưỡng cho thời đại mình. Không biết tự bao giờ Phật tử Việt Nam chào nhau bằng câu “ A Di Đà Phật ”. Chỉ biết chắc chắn rằng chẳng phải do ngẫu nhiên. Có gì khắc khoải cho con người bằng khi phải mặt đối mặt với thân phận làm người. Cái ý phải tin vào sức mình, không ai, kể cả đức Phật có thể làm thay cho được tiềm tàng trong lời Phật dạy. Nhưng cũng ý đó bắt con người phải đối diện với chính mình. Tịnh độ tông khéo léo tránh né điểm khó này bằng thuyết “ tha lực ”, nhờ sức của người khác, nhờ Phật A Di Đà dẫn vào đất an lành.

Phương tiện phần nào để dãi ấy có còn thích nghi với tinh thần nghi ngờ thành hệ thống của con người ngày nay hay chăng ? Dù muốn dù không, vấn đề phương cách “ hành đạo ” cho con người hiện đại cũng đặt ra.

Những phương tiện hay nhất thường tìm thấy không đâu ngoài đời sống hàng ngày, ngoài nghề nghiệp. Người võ sĩ Nhật samourai, kẻ kè lưỡi kiếm, theo nghề chém giết. Phật giáo nhập sâu vào văn hoá thì người samourai học và thể hiện Thiền không đâu ngoài đường kiếm. Khi đó người ấy đi vào giữa làn đao, mưa đạn với cái an nhiên của kẻ siêu việt cái sống và cái chết, lưỡi kiếm uy lực như sấm sét.

Phương pháp hành đạo ngày nay là những gì ? Để cho con người tất bật của thời đại thể hiện được tinh thần Như Lai, hờn nhiên mà thích nghi vào tiến trình cuộc sống ?

Những tầm nhìn thanh thoát về các vấn đề thời đại đang đặt ra, một nghệ thuật sống an lành đi vào muôn mặt của cuộc sống thường ngày, những phương pháp tu dưỡng thích nghi với mọi lớp người trong xã hội hiện đại, đó là thách thức mà thực tại đặt ra cho trí tuệ cộng đồng Phật tử. Giải đáp chính là phần Phật giáo góp vào nền văn hoá thời đại.

bùi mộng hùng

(1. 1996)

# ĂN

ở

## Cali

Kỷ sự của Kiên Văn

*Riêng tặng anh Nguyễn Thành  
những ngày Tết này vẫn phải ăn nhai*

Cuộc Mỹ du bốn tuần của tôi đã thu hẹp trong biên giới bang California — nếu không kể 48 giờ ở thành phố sòng bạc Las Vegas. Mà gọi là du lịch California cũng không đúng, vì tuy rằng cũng đi từ nam chí bắc California, từ Vịnh San Diego sát biên giới Mexico lên Vịnh San Francisco, chụp hình làm bằng ở đầu cầu phía bắc Golden Gate, nhưng mặt mũi bang California thế nào, mấy chục triệu người California sinh sống ra sao, tôi vẫn không biết gì hơn là những trang sách đã đọc, những đoạn phim đã xem. Monterey, Salinas... vẫn chỉ là những cái tên đọc trong tiểu thuyết của John Steinbeck, nay trở thành *cụ thể* hơn, nếu *cụ thể* có nghĩa là tôi đã tận mắt những địa danh ấy... trên những tấm bằng chỉ đường dọc theo xa lộ. Mấy chữ HOLLYWOOD khổng lồ màu trắng nằm trên sườn đồi, nhìn từ Hollywood Boulevard, cũng nhỏ như trên màn ảnh tivi khi xem phim CHIPS vậy thôi. Khu Tàu Chinatown ở San Francisco, Trường đại học Berkeley, UCLA..., Disneyland, SeaWorld, Silicon Valley, những bờ biển Cali, những rừng cọ, những toà nhà chọc trời... tất cả hiện ra rồi biến đi, y hệt những tấm bưu ảnh, có phần xấu hơn cả bưu ảnh, có lẽ vì phải ngắm chúng dưới mặt trời chói chang của mùa hè California, 90-100 độ Fahrenheit.

Cảnh Cali đã vậy, người Cali cũng không hơn. Người Mỹ, tôi cũng trông thấy khuôn mặt họ trong khung cửa kính xe trên xa lộ, cũng gặp họ đi lại trong những thương xá, những Mall, nơi có lẽ duy nhất mà ta gặp họ đi bộ. Còn trong các thành phố, mặt đường xe chạy, hè đường vắng tanh, muốn gặp người phải đi vào buổi sáng sớm, thỉnh thoảng cũng thấy người : họ không đi, mà *chạy bộ*, *footing*. Bốn tuần lễ, tôi cũng nói ba câu tiếng Mỹ với người bản địa, chủ yếu là để nói *French Coffee please*, hay *Espresso*, để khỏi bị uống thứ cà phê nhạt thêch trong những cốc giấy to nửa lít. Dịp duy nhất nói chuyện với người Mỹ, thì cũng là những người Mỹ khác thường : trưa chủ nhật ấy ở Berkeley, anh Tom và chị Tương Như rủ chúng tôi lại nhà, gặp bạn bè Mỹ và Việt Nam, để mừng quan hệ ngoại giao Mỹ-Việt vừa được tổng thống Clinton tuyên bố thiết lập hôm thứ ba. Chị Tương Như là nhà bình luận của nhật báo San Jose Mercury News. Đây là lần thứ nhì được gặp chị. Lần trước, làm quen với chị ở Paris, trong những năm còn chiến tranh. Anh Tom, chồng chị, là một luật gia. Văn phòng tư vấn luật pháp của anh có phòng đại diện ở Hà Nội. Mùa Xuân 95, khi ông Clinton còn

cần nhắc việc bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, thì anh đã chuyển sang một cuộc đấu tranh khác : đòi bỏ lệnh cấm vận Cuba. Nước Mỹ tự do và pháp quyền có những quy định rất ngoạn mục : công dân có quyền tự do sang Cuba, nhưng không được quyền tiêu tiền trên hòn đảo ấy (cấm vận mà). Anh Tom dẫn một đoàn *du khách* mấy trăm người sang thăm Cuba, khi về Mỹ hợp báo để công khai hoá việc họ đã tiêu tiền ở Cuba ! Những người bạn Mỹ cùng chúng tôi chạm cốc trưa hôm đó là mấy cụ chiến binh, vài người phản chiến... , những người đã dành khá nhiều công sức trong hai mươi năm qua để thúc đẩy nước Mỹ làm hoà với Việt Nam.

Nhưng ngay trong cuộc vui hôm ấy, rốt cuộc chúng tôi cũng lại nói tiếng Việt nhiều hơn tiếng Anh, nhắm rượu nho California với món ăn Việt Nam. Một món do chị T. đích thân làm, còn bao nhiêu là món ăn sẵn, mua ở tiệm.

Dài dòng vậy, đã đến lúc vào đề : ôi những món ăn Việt Nam làm sẵn ở Cali ! Về lại Pháp, nói chuyện với những bạn bè có dịp sang Mỹ, ý kiến và cảm tưởng khác nhau, nhưng mọi người đều *nhất trí* một điều : Cali hơn đứt Pháp về cái khoản *phút tu gô* này.

*Phút tu gô* : *Food to Go*, thực phẩm để mang đi. Từ khu Tiểu Sài Gòn sầm uất ở Quận Cam, ngoại ô đông nam thành phố Los Angeles, lên đến những khu nhỏ ở San Jose, *thủ đô tí nạn*, đâu đâu bạn cũng thấy bên cạnh những hàng phố, những tiệm kim hoàn, những cửa hàng *neo ke* (nail care, sửa móng tay), là những tiệm *phút tu gô*. Đi xe, nghe đài tiếng Việt, một giờ phát thanh, 25 phút ca nhạc, văn hoá, 5 phút diễn văn chống Cộng, 30 phút quảng cáo, bạn có cảm tưởng là 15 phút quảng cáo phòng mạch, phòng chữa răng, còn lại là quán ăn và tiệm *phút tu gô*.

Ở các cửa hàng *phút tu gô* này, không chỉ lèo tèo ba cái bánh mì thịt và bốn năm món thịt bò xào măng, gà xào hạnh nhân, tôm chua ngọt như ở Quận 13 Paris, mà bạn có thể mua đủ thứ món. Món ăn cho những bữa cơm gia đình, kho, xào, luộc. Món ăn chơi bình dân miền Nam, Huế, và dân Bắc Kỳ di cư như tôi không thể không phần khởi khi được ăn bánh đúc *phút tu gô*, khó tính có thể thêm *đậu rán chấm tương Cự Đà*, và hạnh phúc hơn nữa : thịt bò khô (khô mà *tươi* chứ không phải khô bò Tang Frères) ăn với đu đủ sống, cú việc gấp bỏ vào hộp, bán cân. Người ở Pháp sang Cali, nhất là người hay có đông bạn bè đột ngột nhảy dù vào nhà những tối cuối tuần, tất phải ghen tị với hạnh phúc của bà con Cali : dù bạn có ở cách xa Khu phố Bolsa hàng chục dặm, thì kể cả một giờ xe đi xe về, trong vòng hai tiếng đồng hồ, bạn đã một bữa tiệc tiếp khách đàng hoàng, Nam, Trung, Bắc đủ cả. Ăn uống xong, chỉ cần một cái túi rác 50 lít, 100 lít là chiến trường được thu dọn gọn ghẽ, từ khăn trải bàn đến bát đĩa ly chén. Đây là nói khách bình thường. Nếu chẳng may, trong đám thực khách có một người như Hàn Thuỷ, tác giả bài *Bồ đào mỹ tửu...*, thì bạn đành phải dẹp những cái cốc plastic, rót rượu vào ly *thật*, ít nhất cũng phải bằng thủy tinh, hay *pha lê d'Arques*. Và sau đó, phải rửa ly, mất thêm mấy phút, và tốn nước.

Phải nói một câu về nước. Ở Cali, ăn mặc đều rẻ, rẻ gần

một nửa so với Paris : một tô phở ở Paris bây giờ khoảng 40 F, ở Cali từ 4 đến 5 đô (20-25 F) ; bánh mì thịt Khai Trí 12 F, Cali 1 đôla (5 F). Ăn mặc rẻ, đi lại cũng rẻ, từ xăng tới điện đều rẻ. Chỉ một tội, và một thói quen đáng quý, là người ta rất tiết kiệm nước. Những cánh đồng mênh mông hoa trái của California cách đây một thế kỷ là sa mạc, nay được tưới bằng những con sông đào. Chỉ có khí hậu và gió đông thổi từ sa mạc ra biển vẫn không đổi. Nóng thiêu đốt. Và người ta tiết kiệm nước. Tránh phải rửa chén đĩa. Cùng chẳng đã phải rửa chén đĩa, thì tránh dùng máy, vì máy dùng nhiều nước, mà rửa bằng tay.

Nói tới món ăn Việt Nam, tất phải nói đến phở. Cũng như vàng và đô la là bản vị của tiền tệ thế giới, phở là một thứ bản vị của món ăn Việt Nam. Phở Cali ra sao ? Đó là vấn đề mà người viết bài cũng đã bỏ ra nhiều công sức nghiên cứu. Nhiều nhưng chưa đủ : cũng phải thú thực là tôi chưa có dịp, hay chưa có can đảm, ném *phở tu gô*, cũng chưa được ném phở San Diego xem bếp núc Tex Mex của bang Texas bên cạnh, của nước Mexico sát sườn phía nam có ảnh hưởng gì tới tô phở San Diego không. Nhưng ở Quận Cam hay ở San Jose, phải nói là tôi cũng đã tận tụy ăn sáng, ăn trưa, ăn chiều, phở Bolsa, phở 79, phở *Kháng chiến*, phở Hoà, phở bò, phở gà, phở nước, áp chảo, phở Bắc di cư, phở Hà Nội chính cống... Phải nói về mặt gia vị, cho đến rau húng, hành lá... phở Cali ngon hơn phở Paris. Nhưng nói chung, xấp xỉ cũng ngang ngang Phở Tàu Bay ở Paris, và theo thiển ý, chưa bằng phở Thu hay phở Vidéo. Có lẽ vì món nước dùng. Bà xã tôi, vốn là người quyết đoán (và quyết định), sau khi phân tích kỹ lưỡng, đã kết luận : nước dùng ở Cali nhạt nhẽo vì theo một *low fat* đang thịnh hành ở Mỹ, đã gạt hết chất béo, mà phở (phở bò hay phở gà cũng thế) không một chút mỡ thì cũng như một bữa ăn Pháp thiếu vắng món pho-mát, nghĩa là một Tây Thi chột mắt một mắt. Tôi cũng tán thành ý kiến ấy, không phải chỉ vì sợ, mà còn vì thấy nó đúng.

Thế là tôi đã trả lời được cho mình câu hỏi : *phở Cali ngon hơn hay phở Paris ngon hơn*, lần cần từ khi đọc *Người đàn bà bỏ chồng* của Đỗ Kh. trong tập *Không khí thời chưa chiến*. Chỉ tiếc, rất cuộc chưa được một bữa phở ăn chung với Đỗ Kh. Bữa ăn trưa 4-7, ngày Độc lập của nước Mỹ, cùng với Vũ Huy Quang, chúng tôi được Đỗ Kh. cho ném cơm Tex Mex, ngon thật, nhưng ra ngoài đề, nên không bàn ở đây. Đáng nói hơn, là món mì. Đến Quận Cam, bạn chưa đi ăn mì ở *Hải Ký mì gia* thì coi như chưa. Đến *Hải Ký mì gia* mà không được nhà văn Vũ Huy Quang dẫn tới, để được ông chủ chiều chuộng, và cuối bữa, cho nhâm nhi một chén *trảm mã trà*, thì cũng coi như chưa. Tôi điểm phúc được cả những thứ đó, nhưng vẫn coi như chưa, vì chưa đến *Hải Ký mì gia* một tối về khuya, thực khách đã ra về, để được nghe ông chủ bình thơ Đỗ Phủ.

Không kể mì, Cali có nhiều món đặc sản hơn hẳn Paris. Có thể nói không ngoa : trong mười lăm năm Việt Nam khép kín cửa, nền văn hoá ăn uống đã mất đi nhiều, thì Cali đã đảm nhiệm vai trò viện bảo tàng sống, giữ gìn những món ăn các miền. Bây giờ, Việt Nam mở cửa, người Cali về nước tấp nập, nên ở Cali, ngoài vườn nhà nào cũng trồng những cây ớt,

những cọng tía tô, những cây húng Láng... xem chừng rất hợp thổ ngơi miền Viễn Tây Hoa Kỳ. Những hạt giống được đưa vào đất Mỹ từ trước khi bãi bỏ cấm vận, và phốt luôn cả những quy định ngặt nghèo của bang California về nhập cảnh cỏ cây hoa trái (từ Las Vegas, về tới biên giới California, có quả táo nào chưa ăn, bạn phải để lại, hoặc phải ngời ăn cho hết chưa khi hải quan ra dấu cho xe bạn lăn bánh qua tấm bảng *Welcome to California*). Hợp pháp hơn, là những tôm cá đông lạnh, bia, sầu riêng... Việt Nam đã hiện diện ở các siêu thị từ hai năm nay. Nghe nói, một thương gia Việt Nam (gốc Hoa), ông Trần Đức đã đưa mấy *container* sầu riêng Việt Nam đầu tiên vào đất Mỹ, chỉ một vài ngày sau khi tổng thống Clinton bỏ cấm vận. Cũng nghe nói ông đang mở thêm mấy xí nghiệp ở Việt Nam.

Còn lại một bí ẩn : cà cuống. Hà Nội, Sài Gòn từ nhiều năm nay khan hiếm cà cuống. Người ta đồn, với chương trình ODP, rồi HO, các lọ cà cuống Việt Nam cũng đoàn tụ gia đình bên Mỹ. Nhưng ở Cali, (cũng như ở Hà Nội), dường như cũng vẫn chỉ thấy mùi cà cuống nhân tạo chính hiệu Bảngcốc, tổng hợp theo công thức của hai ông Bửu Hội và Nguyễn Đạt Xường cách đây gần nửa thế kỷ.

Cà cuống nhân tạo đi nữa, phải thừa nhận ở Cali, bún thang, chả cá..., cũng như nhiều món ăn Huế, Sài Gòn hơn hẳn Paris. Thực phẩm, tiệm ăn... hình như chiếm khoảng 30 % thu nhập kinh tế của cộng đồng người Việt ở Quận Cam. Đó là những con số chính thức, chưa kể một hoạt động *không khai* là nghề nấu ăn tháng cho các gia đình.

Tiệm ăn, quán chè tuy nhiều thực, nhưng cũng chỉ có một tiệm ăn Việt Nam (từ bếp đến chủ) 300 chỗ ngồi, trang hoàng trang nhã, có thể đặt tiệc cưới. Nói đến ăn ở Cali, tất phải nói đến *ăn cưới*. Chính từ đây đã phát sinh ra cái một đã qua Paris về đến Sài Gòn, Hà Nội : những tiệc cưới ba trăm, năm trăm khách mời, cô dâu thay áo ba lần (và nghe nói, từ mùa xuân 95, mẹ cô dâu cũng phải trình diễn hai lần áo mới). Cũng từ mùa xuân 95, đã có những đám cưới 1 000 khách mời, quán ăn Trung Hoa cũng không đủ chỗ, phải thuê phòng ăn lớn của những khách sạn Mỹ. Đám cưới linh đình là một thước đo của sự thành đạt, nhất là khi sự thành đạt cần được thừa nhận (khởi đầu từ những gia đình bình dân, tay trắng xây dựng sự nghiệp), trước khi nó trở thành phong tục thời thượng, và sức ép xã hội.

Đã nói đến đám cưới, là bắt đầu ra khỏi bình diện vật chất của ăn uống, mà đi vào bình diện tinh thần của đời sống văn hoá. Đám cưới đã trở thành nơi gặp gỡ, giao lưu, quan trọng không kém (có lẽ hơn) thánh đường, chùa chiền, thay thế những cuộc mít tinh chính trị đang tàn dần. Là nơi *biểu diễn* trước cộng đồng, bắt đầu từ nghĩa đen : bao nhiêu màn non văn nghệ đã xuất hiện từ màn *karaoke* tiệc cưới, xuất thân từ những ông bà bác sĩ, nha sĩ, tiểu chủ... ?

Đám cưới là truyền thống, cũng là *cách mạng* văn hoá : tại Cali cách đây 2 năm, đã có một đám cưới 400 khách mời. Đứng lễ trước bàn thờ hai họ, là chú rể sánh vai... chú rể. Đám cưới *gay*, *đồng tính* Việt Nam đầu tiên trong lịch sử.

Kiến Văn

*ghi chép vụn  
về rừng, cây,  
và mai sau...*

Nửa khuya Hà Nội, tôi thức dậy, thật tỉnh táo. Bây giờ là buổi trưa ở Cali. Anh bạn chung phòng, ở giường bên cạnh hoá ra cũng đang thức, anh còn sống bằng giờ giấc của một đô thị châu Âu. Và hai chúng tôi, hai người đồng nghiệp mới gặp nhau lần đầu, thì thăm bắt chuyện với nhau. Câu chuyện xoay quanh những quan tâm về lĩnh vực chuyên môn đã dẫn chúng tôi về đây. Từ đó, chúng tôi lan man ra lăm chề, không ngờ trước, về chốn quê hương mình vừa mới trở về. Câu chuyện chạy theo một chiều kích phi tuyến tính kỳ cục của nó. Xen trong những thông tin, nhận xét về các điều đủ làm ta ái ngại về ngày mai của đất nước là những ước mong cho Việt Nam, các ước mong thường gặp nơi những người Việt hành nghề trong các khu vực được coi là “mũi nhọn” của xã hội phát triển.

Một tối, trong một hàng cơm cách Hồ Gươm không bao xa, chúng tôi – gần chục đứa đã quen và mới quen – tụ lại ăn với nhau bữa cơm “đoàn viên”. Quanh bàn là người “tứ xứ”. Vài anh từ Bắc Mỹ, vài anh từ châu Âu, có anh từ Sài Gòn ra nhưng cũng từng nhiều năm lê la xứ người. Một anh tự giới thiệu là “dân nội địa” và dáng vẻ của anh cũng rất phù hợp với lời giới thiệu, nhưng truy ra thì cũng đã một thời... xông xáo ở một nơi ở Bắc Mỹ. Chúng tôi quay lại những đoạn “phim cũ”. Chúng tôi nói với nhau một cách không thử tự về những tầng thời gian và những điểm không gian tách biệt. Vậy mà có một thứ chất keo rất lạ vẫn kết dính các thứ lại với nhau, thành một bức *collage* đủ làm xao xuyến những trái tim mong manh trong chúng tôi. Chất keo đó là những ao ước thật lãng mạn, mà cũng thật đơn sơ – trước kia và bây giờ – về một quê hương, cho một quê hương.

Với ngày qua, Việt Nam quen thuộc dần trở lại *thật* hơn với tôi. Cái thật rất tương đối qua tầm nhìn của người ở xa về. Cuộc sống bừa bộn phức tạp có khi cho người quan sát nhìn thấy cây nhưng không cho thấy rừng, khi rừng hiện ra thì cây lại nhìn không thấy.

Bước vào cuộc sống *thật* ấy ở Việt Nam hôm nay, dù ở Hà Nội hay Sài Gòn, dù cùng đi với một nhà thơ hay một nhà buôn, tôi có cảm tưởng hầu như rất khó để ta bắt được một thoáng lãng mạn hoặc trữ tình trong cuộc sống. Trước một sự kiện, hay về một đổi thay lớn nhỏ nào đó, tôi hỏi dò bạn bè và người thân của mình để bắt mạch cảm nhận của họ. Thường, người ta cố gắng để thổ lộ những phán đoán khả dĩ làm nổi bật tính cách *thực tiễn* nhất có thể được. Thực tiễn, do đặc tính

cuộc sống ở đây, lắm khi mang nhiều lo toan hoặc tính toán thô ráp, góc cạnh, xen chút chua cay...

Về lần này, tôi có ấn tượng xã hội đô thị quanh tôi đang thật sự hình thành một nếp sống, hoặc ít ra cũng là một kiểu sống. Giai đoạn *bung ra* đã qua, xã hội đang trụ lại, bắt đầu đi vào một giai đoạn định hình. Trên bề mặt, khả năng và ý thức mô phỏng đã đủ sức vẽ ra một số nét quen thuộc của một vài đô thị châu Á trong khu vực mà tôi có dịp ghé que. Nhìn kỹ hơn đôi chút, hình như sự tương tự còn dừng lại ở mức độ sao chép nông cạn. Sự chọn lựa khuôn mẫu hình như chưa bắt được vào chiều sâu, nếu ta có thể nói tiến bộ xã hội thật sự nằm ở bề sâu. Nhiều vấn đề khả dĩ làm ta nao lòng, chột dạ cũng lặn vào chiều sâu ấy.

Quấn quanh ở Sài Gòn, dư dả thời giờ – thứ thì giờ không nằm trong chiều kích thật của việc chạy vạy tìm sống – tôi lại làm điều vô tích sự là tiếp tục tìm cái chéo áo, một chút dư hương của chất trữ tình trong cuộc sống. Cái chất trữ tình giúp Chủ Đồng Tử cả gan ngắm Tiên Dung tắm. Chất trữ tình đã đem Trương Chi, bằng trái tim u uẩn của mình, trở lại đón chờ được hoà tan trong giọt nước mắt thương cảm và hoá giải của Mị Nương. Chất trữ tình đã dùng cuộc tranh đoạt một trái tim người nữ giữa thần Núi và thần Nước để lý giải sức ngăn sông lấp biển của bao đời lao động chống trả thiên tai hung hiểm, tan nhà nát cửa. Cái trữ tình đến *nực cười* của cha ông, bắt đầu từ chỗ *tưởng là chấu ngã* mà đi tới làm *xe nghiêng* để xác minh cái quyền sinh tồn của cộng đồng dân tộc. Và cho hôm nay, trong điều kiện ngàn năm một thuở, chất trữ tình đủ khiến người ta dám và biết nhìn sâu, nhìn xa vào tương lai, để mơ ước cho mình, cho con cháu mình. Và, may mắn biết chừng nào, một tương lai có thể không còn phải trả giá bằng máu xương...

C háu tôi, chú bé học lớp hai và còn nói ngọng, vất vả với bài tập bình văn (!) quanh câu :

*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,*

*Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương...*

Câu thơ dễ yêu của một thời. Nhưng tôi tự hỏi, với cái nhiên liệu xúc cảm của một thế hệ rất khác, xa lạ và đã cũ, làm sao cháu tôi – người công dân của thế kỷ tới – có thể phát triển được chất trữ tình đủ sức phóng chú vào một thiên niên kỷ mới ? Mỗi thế hệ, mỗi thời đại có những điều ôm ấp riêng của mình. Chất lọc và trao truyền những gì cho thế hệ kế tiếp cũng cần đến trí tưởng tượng phong phú.

Quanh Sài Gòn vẫn còn những *panneau* tranh cổ động kỷ niệm Nam Kỳ Khởi Nghĩa, làm tôi chột nghĩ tới cái lãng mạn đáng yêu của thời cha, chú tôi :

*thuốc súng kém, chân đi không*

*mà lòng người giàu lòng vì nước*

của Nam Bộ kháng chiến. Chỉ có vậy, *nhưng thân trai nào kém oai hùng*. Song, những người đi vào cuộc chiến đấu cho độc lập và chủ quyền dân tộc thật sự của cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21 không thể cũng chỉ trang bị bằng *nóp với giáo mang ngang vai* cùng với *lòng vì nước* của mình.

Tôi biết, để tạo cho mình một cái nền, cháu tôi rất cần thừa kế bao nhiêu điều về truyền thống và bản sắc văn hoá của dân tộc. Tôi mong cháu có được cơ hội để tiếp nhận những hành trang quý báu cần thiết ấy. Tôi vẫn e câu thơ đáng yêu kia không hẳn là chất liệu cháu cần.

Nhiều người vẫn nói về các vấn đề của nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Trong nước, tôi cũng đọc được một số bài báo về đề tài này. Quan sát tại chỗ, nổi cộm hơn cả là hiện trạng rất đông trẻ con của chúng ta phải đi học ngày đêm. Nhiều mẹ cha phải nai lưng ra làm lụng vất vả để mong các cháu đủ tiền đi học như thế. Sao mà lắm cơ cực. Rồi lấy thời gian đâu để trẻ con làm trẻ con. Để chúng có dịp rong chơi và phát hiện ra chính mảnh đất sống của mình. Ký ức sống mạnh mẽ của mỗi người đều dung chứa những nét đẹp văn hoá và quê hương nào đó, khó phai. Và từ đó, con người biết yêu và *viễn mơ*. Bên cạnh những ngợi ca về lòng hiếu học, sự minh mẫn, đức cần cù quen thuộc, có lẽ đã đến lúc vấn đề hiệu năng và giá trị các thành quả cũng cần được quan tâm hơn. Kinh nghiệm cho thấy trong sự thiếu thốn, lạc hậu, mức độ phí phạm lại thường là cao. Đủ lãng mạn để phóng tầm nhìn ra khỏi cái kinh nghiệm trói buộc ấy có lẽ cũng là một yêu cầu. Giá mà người lớn có đủ trí tưởng tượng và sự lãng mạn cần thiết để giải quyết các bế tắc trong xã hội người lớn của họ, thì thế hệ tuổi thơ kia sẽ có thêm thời gian và không gian để mà ước mơ, để mà bay bổng. Năng lực sáng tạo của ngày mai rất cần được chăm bón !

Đã hơn một lần, tôi có dịp ở trong nước vào Ngày nhà giáo. Vài năm trước, tôi đã ứa nước mắt khi được tham dự ngày chúc thọ một nhà giáo kỳ cựu của Hà Nội. Người thầy *ngày xưa* đã chấp đôi cánh ước mơ cho một số những nhà khoa học - ở tuổi 50, 60 - mà tôi may mắn được biết hôm nay. Nhưng, tôi cũng được nghe không ít những chuyện chung quanh các *gói quà* các cháu mang biếu thầy cô *hôm nay*. Các ngôi trường đang đi xuống. Tụt hậu đã là thế thảm, tụt hậu so với chính mình thì thế thảm biết chừng nào.

Tôi về lại Việt Nam lần vừa qua sau khi rất nhiều cánh cửa đã mở ra cho đất nước này. Các cánh cửa cấm vận, bế tắc bang giao Mỹ-Việt, điều kiện gia nhập ASEAN đều hạ xuống, đều mở ra. Điều ước của nhiều người đã thoả. Lý do để một số người khác biện minh cho những khó khăn, trì trệ của xã hội đã biến đi. Đứng trước những khung cửa mở, nhiều người - kể cả rất nhiều người lẽ ra là kẻ dẫn đường - mới chúng hững nhận ra các hạn hẹp trong sức tưởng tượng của mình. Phản ứng trong thực tế chỉ là ngỡ ngàng, là phát hiện cái vụng về và vụng dại của mình. Có thời cơ và vận dụng được thời cơ là trời và vực. Dân gian ta nói rất hay *Người làm sao, quả chiêm bao làm vậy*. Làm sao để nâng tầm những ước mơ ? Quan trọng hơn, ở đây ước mơ là dự phóng, là nắm bắt lấy thời cơ để một đất nước, một dân tộc đi ra, tham dự, đi tới và đi lên. Rất đau xót khi phát hiện ra thực trạng về chính cái nội lực của con người đã sản sinh ra và làm chủ cái *quả chiêm bao* kia, khi ước mơ còn lết đệt chạy theo hiện thực.

Để gầy dựng nên ước mơ lớn của hôm nay cho đất nước, có lẽ cũng cần một chung góp rất rộng rãi của muôn triệu tâm hồn lãng mạn. Một sự chung góp thật lớn, cùng tầm cỡ hoặc lớn hơn những ước mơ đã có khả năng làm nên kỳ tích của dân tộc. Để làm được điều này, trước hết có lẽ phải chấm dứt sự kiện những kẻ thui chột ước mơ, nghèo nàn trí tưởng tượng có quyền trói giạt cánh khuỷu và ngọng nghịu "buộc tội" những người biết và dám nhìn rộng, mơ xa. Trong những ngày bão rớt ở Việt Nam vừa rồi, khổ thay, tôi phải chứng kiến một "phiên toà" như thế.

Tôi về lại Cali, mong được về lại với... đời thường. Vợ tôi đưa xấp thư từ nhận được trong lúc vắng nhà. Tôi đọc ngẫu nhiên một số thư, có bất kịp với không - thời gian thật. Nhưng, khung thời gian rời mù, rách bươm của một thời phân liệt hình như vẫn bám riết lấy tâm trạng của nhiều người. Từng mảnh của nó đã biến thành (được chọn làm ?) cái khung "hiện thực" cho một số người Việt trong và ngoài nước.

Tôi được đọc những câu tuyên bố của một người đến từ Hà Nội, khá nổi tiếng trong một vài giới bên ngoài Việt Nam, vừa sang định cư ở Mỹ. Bao lực áp chế đã một thời nghiền gót chân thô bạo của nó trên trục thời gian đời ông, đã bẻ gập các trục qui định không gian sống của ông thành một vùng tù hãm, giam cầm. Vì ông đã đủ gan dạ để viết những lời tố cáo chính cái hệ thống cường quyền ấy. Giờ đây, ông đang ở Mỹ, đang nói về các kinh nghiệm và phán đoán của mình. Ông tìm thấy sự đồng tình, đồng điệu và cũng không ít phần cổ súy, tăng bốc nơi một số người quanh ông. Họ ca ngợi những lời ông nói. Ông nói về cái thế giới tù hãm, chật hẹp mà ông từng phải sống, vừa bỏ lại sau lưng, với nỗi oán hờn còn bưng bưng. Và ông cũng nói một số điều để những người quanh ông ca ngợi. Ông phê phán và chê trách sự chọn lựa thái độ hoà giải, giao lưu, trợ giúp nhân đạo với xã hội Việt Nam của một số người khác, những thái độ không những bình thường mà còn cần thiết trong cái thế giới mở mà ông vừa đặt chân đến. Vị ngọt của *tự do*, bắt đầu bằng cái *quyền* được nói, chắc có làm ông ngất ngây.

Hơn 200 năm qua, những người công dân mới và cũ của đất nước mà ông vừa đến đã bỏ ra bao nhiêu tâm sức khai phá, duy trì một nếp sống đòi hỏi sự chiêm nghiệm và tranh luận liên tục về các ý niệm tự do ấy. Một thứ tự do luôn đòi hỏi một mức độ mãn cảm và lãng mạn tuyệt vời để hiểu và sống có *trách nhiệm* tương xứng với nó. Xin mừng người mới đến ! Cầu chúc ông có đủ thời gian đi suốt cuộc hành trình vào nếp sống ấy.

Một đêm tháng chạp dương lịch, ngay trong sân nhà mình, tôi có dịp trò chuyện với một người phụ nữ trẻ vừa từ Hà Nội tạm ghé Cali. Lần đầu tôi gặp cô. Tình cờ như cái dịp hiếm hoi cho tôi được nhìn mảnh trăng thượng tuần treo nghiêng nghiêng bên góc trời xứ Mỹ, dấu rất quen mà vẫn chưa thân thuộc.

(xem tiếp trang 35)

kỷ niệm 2-9

## “Về đây khi gió mùa thơm ngát”

**Phan Tấn Khê**

Thế rồi thành phố xôn xao !

Chiều chiều không còn thấy bóng dáng ông Bernard vẫn đến nhà nhấm nháp ly rượu cùng cha tôi để đánh mùi các tù nhân Côn Đảo vượt ngục thỉnh thoảng vẫn ghé qua nhà. Không gian căng thẳng như chỉ chực nổ tung vì chờ đợi...

Quân đội Nhật hoàng kéo tới. Họ lạnh lẽo với chiếc đầu trục và kiếm dài. Họ khệnh khạng với những đoàn kiếm trường kiếm, mặt cũng lạnh như sắc kiếm của họ, trông mà phát sợ. Khi đoàn quân họ qua phố, chúng tôi già trẻ lớn bé phải phát phơ lá cờ trắng trông đỏ và hô to : “ Nhật hoàng vạn vạn tuế ! ”

Nhờ trung gian một người bạn của cha tôi, bác M. T. Tánh một người nổi tiếng thân Nhật, nhà tôi tập nập người Nhật ra vào để chữa bệnh, vì cha tôi chuyên về châm cứu. Tôi lại phải hát rống to để báo hiệu khi có người Nhật vào nhà, để mẹ tôi và các di đang may cờ đỏ sao vàng trên lầu ngừng đạp máy. Cha tôi cặm cụi học tiếng Nhật : “ Yoto nây, yoto kà...”. Qua những cuộc trao đổi, khi thì bằng bút đàm người Nhật cho cha tôi được biết là quân đội Pháp đã thua trận, quân đội Nhật đến đây để giúp chúng tôi giành lại độc lập và góp phần làm giàu mạnh cho khối Đại đông Á. Cha tôi mỉm cười gật gật, bập bẹ cảm ơn...

Một hôm, tôi còn nhớ rất rõ, linh cảm tuổi thơ như báo cho tôi biết sẽ có một chuyện bất thường. Mẹ giục đi ngủ nhưng tôi vẫn nấn ná đùa chơi với chú mèo ướp – Chú mèo như cũng có một tâm trạng căng thẳng, nhảy tới nhảy lui, nhe răng, tròn mắt, cha tôi thì trầm ngâm bất động, nổi hết điều thuốc này đến điều thuốc kia, bàn tay giần giật. Bác M. T. Tánh nán lại lâu hơn những ngày thường, hình như bác không muốn rời cha tôi... Đường phố vắng teo...

Bỗng cánh cửa sau của phòng khách nhìn ra khoảng lộ thiên sịch mở. Hai thanh niên lực lưỡng, vận toàn đen, mang mặt nạ tay cầm súng lục án ngữ. Đồng một lúc ở cửa chính cũng xuất hiện hai bóng đen khác, họ chĩa thẳng súng lục về phía chúng tôi. Tôi nghe một tiếng hét sắc nhỏ :

– Đứng yên, dang tay lên, rục rịch bấn ngay – Bác M. T. Tánh, người đứng thẳng, hai tay chỉ thiên, bất động. Bác dường như sẵn sàng chờ đợi giây phút này. Đứng dính bác tiến về phía cửa, nhịp bước khoan thai như những tối bác vẫn chia tay cùng cha tôi. Chúng tôi tất cả đều giơ tay lên khỏi đầu. Tôi nghe nóng nóng ở đũng quần, một dòng nước nhỏ loang dần trên nền gạch hoa...

Chúng tôi bị bịt mắt và đưa lên xe bịt bùng, dẫn đến cư ngụ trong một căn nhà nhỏ, xinh xắn, mái tranh nền đất, chung quanh bao bọc bởi một vườn cây ăn quả xanh tươi.

Ngày ba bữa có người mang cơm nước tươm tất, buồn một nỗi là ổi chín thơm rụng đầy vườn mà tôi thì không được phép bước ra khỏi cửa. Đêm đến, mùi dạ lý hương nồng nàn làm chúng tôi không sao chợp mắt được. Cha tôi loay hoay viết nhật ký, mẹ ôm tôi vào lòng khe khẽ ru : “ Chiều chiều lại nhớ chiều chiều, nhớ người quân tử khăn điều vắt vai...”. Tôi ảm ức, bực bội, nước mắt ràn rụa, mẹ dỗ dành : “ Chịu khó tí con, mai mình sẽ về nhà...”.

Quả đúng như mẹ hứa, qua ngày thứ ba có người gọi cửa. Chiếc xe nhỏ chờ chúng tôi ngoài lộ. Cha bế tôi trên tay, mặt người hóp đi, nhưng rục rịch sáng. Trong kiệt ngoài phố nơi nơi rợp bóng cờ bay, siết chặt tôi vào lòng, người rưng rưng : “ Độc lập rồi con ơi ! Độc lập rồi. ”. Mẹ lặng lẽ kéo vạt áo lau hai gò má xanh xao, những giọt nước mắt của những mừng vui, lo âu, chờ đợi cứ thế trào ra như bất tận, tôi ngoan ngoãn khóc theo !

Cô Bảy ra đón chúng tôi ở cổng, trên đỉnh nhà một lá cờ to tướng phất phới bay. Ở đó có đủ mặt bá quan. Chai sâm banh và hộp bánh qui, kỷ niệm của ngày cuối mà mẹ tôi còn giữ lại nổ rang.

Để chuẩn bị cho ngày lễ Độc lập 2.9.1945, tôi được sung vào đội măng non đi tập hát. Ý thức được công việc của mình làm là quan trọng, tôi tiếp thu rất nhanh. Ngày quan trọng đã đến, quần áo chỉnh tề, chúng tôi mỗi người một chiếc rổ con bọc sa tanh đỏ trên tay, và Tuần lễ vàng bắt đầu. Mẹ bảo nước mình nghèo, cần vàng cho quý. Tôi thì áy náy nghĩ thầm, quý mà cũng biết đeo vàng và phải dứt nó để nó phù hộ cho nước mình giàu à ? Thấy mẹ tất bật tôi không dám hỏi lảng nhãng...

Sân vận động ngập người... Cờ phướn, biểu ngữ che lấp mặt trời. Mẹ là người đầu tiên đặt vào chiếc rổ nhỏ của tôi một đôi bông búp, một chiếc xuyên và một chiếc kiềng, các món hồi môn của mẹ. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ rộng rãi đến thế. Người ta gắn lên ngực mẹ và tôi những chiếc nơ đỏ, tôi hãnh diện nghênh ngang chia chiếc rổ nhỏ hết người này đến người nọ, và cũng chưa bao giờ tôi được thấy vàng nhiều đến thế. Những phút giây ấy thật cảm động, bởi thế mà tôi đã khóc ròng khi xem cảnh người ta đi quỳn sất để đúc súng trong phim “ Adieu ma concubine ”.

Cuộc mít tinh bắt đầu, cờ phất, trống vang, hoan hô, đã đảo làm chao đảo mọi người... Các chú đưa tôi lên một chiếc bục thật cao được đặt ở góc khán đài. Lần đầu tiên, từ sân vận động tôi mới thấy cầu vồng... Ôi chiếc cầu vồng ngày xưa sao mà nó cao thế, cao đến gấp hai lần chiếc cầu vồng mà tôi được thấy lại ngày nay... Được các máy phóng thanh loan truyền và nâng đỡ, giọng hát của tôi như được chấp cánh tung bay trên một góc trời :

“ Về đây khi gió mùa thơm ngát  
Ôi lũ chim giang hồ...”

Ôi đẹp làm sao cái thời mà tôi chưa hề được nghe tên tác giả của bài hát cách mạng đầu tiên trong đời mình...

Nhưng trong những phút say sưa đó, hình ảnh bác M. T. Tánh lững thững ra đi vẫn không rời khỏi tôi. Niu áo cha tôi hỏi : “ Sao bác Tánh không đi dự lễ với mình ? ”. Cha bảo : “ Lớn lên con sẽ hiểu ”.



“ Chim reo thương nhớ, chim ngân xa u ú ù u ú...”

Giọng hát càng vút cao, lòng tôi càng thắt lại, tôi như chực muốn khóc, và một lần nữa cũng chẳng biết tại sao...

Cho đến bây giờ, đã bao nhiêu năm rồi nhỉ? Hình ảnh bác Tánh vẫn thỉnh thoảng ghi lại trong tâm hồn tôi, và tôi đã cảm thông được nỗi đau xé trong lòng cha tôi, dù sao bác Tánh cũng là bạn. Trong cha tôi, những M.T. Tánh, những Toshiba đang dẫn vật tâm hồn người vào những lúc người ngồi nhấm nháp chén rượu con... Và bên cạnh đó là những chú những bác, anh, em đang bị tù đày tra tấn, một tổ quốc đang oằn mình dưới gót ngoại xâm. Hình ảnh sau cùng đã thảng và đã đưa đẩy cha tôi vào kháng chiến một, rồi về thành hoạt động bán chính thức cho kháng chiến hai.

Càng sống, tôi càng cảm nhận được cái đau khổ của thế hệ cha tôi, nhất là những người phải hoạt động bán chính thức, một thế hệ mà tâm hồn lúc nào cũng bị dẫn vật, và trí óc lúc nào cũng ở trong tình trạng đấu tranh, đấu tranh cho đến phút cuối cùng, đến lúc nhắm mắt xuôi tay cũng chưa được thoả mãn vì chẳng hiểu những cái mà họ tha thiết bảo vệ đó sẽ được toàn vẹn chẳng...?

Có biết bao nhiêu cuộc đời tranh đấu triền miên đã nằm xuống để cho ngày 30.4.75 hiên ngang đi vào lịch sử và lịch sử sẽ đi về đâu?...

“ Về đây khi gió mùa thom ngát”

Cám ơn hương hồn bác Văn Cao...

La Charnille ngày vừa được tin Văn Cao mất

Phan Tam Khê

## đồng dao cho người lớn

*có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi  
có con người sống mà như qua đời*

*có câu trả lời biến thành câu hỏi  
có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới*

*có cha có mẹ có trẻ mồ côi  
có ông trắng tròn nào phải mâm xôi*

*có cả đất trời mà không nhà ở  
có vui nho nhỏ có buồn mênh mông*

*mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ  
mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió*

*có thương có nhớ có khóc có cười  
có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi.*

1992

Nguyễn Trọng Tạo

(trích trong tập thơ cùng tên,  
nxb Văn Học, Hà Nội 1994)

## Ghi chép...

(tiếp theo trang 33)

Câu chuyện lan man. Lại chuyện học hành của các cháu bé trong nước, nỗi âu lo về mai sau. Cô hỏi tôi có những nhận xét gì trong những ngày tôi vừa ở Hà Nội. Tôi nhắc lại một thắc mắc canh cánh bên lòng về chuyện trong nước thiên hạ đua nhau học và dạy “tin học”. Cô hơi ngạc nhiên, “ vì cháu tưởng như chú thì chú phải hài lòng về việc này”. Cô hàm ý về nghề nghiệp và mối quan tâm của tôi. Tôi gắng giải bày một góc nhỏ của suy nghĩ riêng về vấn đề to lớn này, tôi vẫn cho rằng có sự khác biệt, có lẽ rất lớn, giữa xây dựng một xã hội thông tin hiện đại và dạy cho vài triệu người biết lập trình theo một kiểu nào đó, hoặc biết điều khiển máy vi tính. Lấy siêu lộ thông tin làm thí dụ, cái siêu lộ ấy sẽ có ích đối với xã hội rộng rãi nếu lượng thông tin nó chuyên chở có những giá trị nhân văn. Nói khác đi, nó phải là siêu lộ văn hoá, theo cái nghĩa khoáng đạt nhất có thể có được của từ này (1).

Vì lẽ đó, sẽ là một ngộ nhận hoặc một sự suy diễn lệch hướng nếu vô tình hay có ý xúi bào nhiều người chạy theo một vài thứ công cụ và xem đó như một thúc bách có tính thời đại. Cũng sẽ không hay ho gì cho xã hội để tạo ra, cho những ai không tham dự cuộc chạy đua này, những nỗi đe dọa bị lạc hậu, những ám ảnh kinh hoàng vì bị loại trừ, bỏ rơi. Đáng kinh hoàng hơn, phải là sự kiện có người nhận ra rằng trong cuộc xô tìm hiện đại này, vẫn chưa có ai thử làm một tổng kê, một đánh giá về hiệu năng và thành quả của việc học và dạy “tin học” trong mấy năm qua. Và các đánh giá, ở mức độ công cụ này, chỉ có ý nghĩa nếu ta thật sự dựa trên sự cân đối giữa nhu cầu và giải pháp. Và đánh giá, nói cho cùng, cũng là một việc muộn màng. Dự phóng và vạch hướng vẫn có ý nghĩa tích cực hơn.

Để làm nhẹ câu chuyện, tránh sự nhàm chán cho người khách mới quen, tôi xoay qua nói về nụ cười xuất hiện những năm sau này của những người bán hàng – tuyệt đại đa số là phụ nữ – ở Hà Nội. Cô nói: « Ngày xưa (!), cháu cũng có thời đứng bán hàng cho một cửa hàng bách hoá tổng hợp. Cháu cũng thế đấy chú ạ ». Cũng thế tức là mặt mũi cũng khó đảm đảm với “khách hàng”. Cô còn nói đôi điều về thực chất của người “bán hàng” thời bao cấp... Tôi nói vui, các cô gái Hà Nội xinh thế mà không biết cười thì cũng phí.

Đầu óc tôi lại mộng mơ quay về Hà Nội, về những người thiếu nữ đẹp của thành phố ấy. Như trong một bài thơ có lần tôi được một nhà thơ của Hà Nội đọc cho nghe. Anh là một trong những kẻ lãng mạn hiếm hoi mà tôi may mắn có lần được gặp và lòng vẫn hằng trân trọng. Do lãng mạn, nhà thơ còn làm nghiên cứu kinh tế nữa.

California, cuối năm 1995

Nguyễn Lộc

(1) Chạnh nhớ một câu trích dẫn của Hàn Thuỷ trong bài *Đại lộ thông tin: khả năng và hiện thực* (Diễn Đàn, số 40): “ Có xa lộ chưa chắc xe đạp đã đi nhanh hơn”.

# Thư cha gửi con

Bài thơ dưới đây miêu tả cuộc sống của người Việt ở Nga và Đông Âu hậu cộng sản, và ít nhiều phản ánh dân tình trong nước. Tác giả (sinh sống ở Moskva) cần giấu tên vì lý do an ninh : tại sứ quán Việt Nam ở Nga, có một bộ phận công an chính thức hoạt động theo một hiệp định lãnh sự ; người Việt ở Nga bị họ trấn áp dưới nhiều hình thức, từ ra mặt đến giấu mặt.

Thái Bình, ngày 21 tháng 1 năm 199...

Hôm nay cha viết thư này  
Gửi qua thằng bạn chỗ may về chơi.  
Cả nhà mừng lắm con ơi !  
Thùng hàng mới nhận bán hơi lắm nghe.  
Ni-ken đẩy được chục que <sup>1</sup>,  
Vòng bi thắng đậm hơn xe rất nhiều.  
Điều hoà <sup>2</sup> lái chẳng bao nhiêu,  
May nhờ trong ruột khá nhiều thuốc tây.  
Biết không chục kiện êmay <sup>3</sup>,  
Tính qua chỉ ít năm cây <sup>4</sup> có thừa,  
Xô tôn đã dặn đừng mua,  
Tại sao mà cứ đóng bừa vào đây ?  
Thùng sau lưu ý thuốc tây,  
Đồ nhôm nghĩ khoẻ chó dây làm gì.  
Lanh-cô, Erich, Ăm-pi <sup>4</sup>,  
Kháng sinh tổng hợp kiểu gì cũng chơi  
Gốt-đen <sup>5</sup> xem kỹ con ơi,  
Kéo mà quá đắt <sup>5</sup> là đời đi tong.  
Hoá chất liệu xoáy ra không ?  
Cha đang có một hợp đồng triệu đô.  
Hải quan con chó có lo,  
Thằng nhờ ta đã cài kho Hải Phòng.  
Còn như ở tuyến hàng không,  
Cậu con soi máy khám trong Nội Bài.  
Từ nay cho tới tháng Hai,  
Chú ba đi Bỉ, di hai đi Bồ,  
Đều tờ-ran-dít Liên Xô,  
Thông tin giá cả báo cho kịp thời.  
Đồng rúp thì mất giá rồi,  
Lấy xanh <sup>6</sup> mà tính lái lời báo cha.  
Cần gì ghi thật rõ ra,  
Quần bò, áo gió, hay là áo phông ?  
Áo thêu ở ngực có rồng,

Hay là xi-lip có bông hồng cài ?  
Áo da đều <sup>7</sup>, sấm Ki-tai,  
Nữ hoàng lông lấy còn xài hay không ?  
Bên ấy gái Cộng khá đông,  
Theo cha nên đánh cả vòng tránh thai.  
Thể thao mặc giả Ki-tai,  
Hay mì chính Thái với dài Hồng Kông ?  
Bây giờ đang giữa mùa đông,  
Con xem loại tất xù lông thế nào ?  
Áo ren các kiểu ra sao ?  
Áo thêu chắc đã đi vào sử xanh...  
Cá sấu một thuở tung hoành,  
Tê-pia chắc cũng đi vào thiên thu.  
Sự đời nghĩ rõ phù du,  
Mốt này kiểu nọ títt mù cung mây.  
Mốt vừa nhũ hổ, bướm bay,  
Bướm giờ rã cánh, hổ quay về rừng.  
Hươu kia khí thế bùng bùng,  
Nay đang ôm hận giữa rừng áo da.  
Mèo vừa mới ló sang Nga,  
Chịu không đủ lạnh vọt qua Pô-lan <sup>8</sup>.  
Ào ào áo gió ra quân,  
Hỏi xem sống được mấy tuần nữa đây ?  
Xét xem thế sự ngày nay,  
Thị trường biến hoá đổi thay choáng đầu.  
Đồ thật quá đắt, tiền đâu ?  
Mình buôn thứ ấy bằng hầu người ta.  
Tiền dân Nga, đất dân Nga,  
Theo cha đồ dỏm vẫn là hơi hơn.  
Ngoài ra trong chuyện bán buôn,  
Thị trường quyết định thiệt hơn rất dày.  
Hàng sang con nhớ đồ ngay,  
Đợi thời mà bán đến tay người dùng.  
Liên bang rộng lớn vô cùng,  
Sức trai thoả sức vẫy vùng đôi chân.  
Dè chừng với lũ công nhân <sup>9</sup>,

Tham gia bộ đội <sup>10</sup> nhân dân rất nhiều.  
Ma-phia trấn lột đủ điều,  
Quen nghề đạo chích từ nhiều năm nay.  
Ngang nhiên chiếm cứ sân bay,  
Cướp hàng từ cửa máy bay vừa về.  
Tránh voi thôi chẳng xấu gì,  
Lĩnh hàng chi chúng mấy tí <sup>11</sup> mà ra.  
Bây giờ kể chuyện bên ta,  
Tình hình nát bét như là hũ tương.  
Vừa qua hội nghị trung ương,  
Xem ra cũng chẳng có phương kế gì.  
Dân tình ca cẩm như ri,  
Kêu thì kêu vậy làm gì được đâu.  
Thằng giàu nó vẫn cứ giàu,  
Kẻ nghèo vẫn kiếp ngựa trâu suốt đời.  
Bung ra nay đã hết thời,  
Sức dân đã kiệt dầu trời cũng thua.  
Trong Nam lục tỉnh mất mùa,  
Sơn La sau một trận mưa tan tành.  
Trông vơi mấy nước đàn anh,  
Liên bang tận số cứu mình chẳng xong.  
Cu-ba một mớ bong bong,  
Nga cúp viện trợ khó lòng đứng yên.  
Báu gì ông bạn Triều Tiên,  
Vốn quen vay nợ quyết tiền đồng minh.  
Mấy nhà lãnh đạo Bắc Kinh,  
Thế cô đổi giận làm lành với ta.  
Mối tình hữu nghị Việt-Hoa,  
Sau cơn cắn xé dần dà lên hương.  
Nhân vì Hoa-Việt thông thương,  
Hàng tàu tràn ngập thị trường nước ta.  
Dân tình kiếm có qua Nga,  
Mượn danh du lịch thực là đi buôn.  
Đào vàng sập cả núi non,  
Nghe đầu đá đổ lại còn khiếp hơn.  
Quyề Châu cùng cốc thâm sơn,

<sup>1</sup> Que, cây = lạng vàng.

<sup>2</sup> Máy điều hoà không khí

<sup>3</sup> Dây điện có phủ lớp cách điện

<sup>4</sup> Các loại thuốc kháng sinh lincosine, erytromycine, ampiciline...

<sup>5</sup> Gốt-đen (tiếng Nga) = đắt = thời hạn sử

dụng

<sup>6</sup> Đô la Mỹ

<sup>7</sup> Đều = giả (tiếng lóng). Ki-tai (tiếng Nga) chỉ Trung Quốc. Nữ hoàng = một loại áo dài nữ... Đoạn này nói tới những loại hàng may mặc Việt Nam bán ở Đông Âu.

<sup>8</sup> Ba Lan

<sup>9</sup> Công nhân thuộc cái gọi là xuất khẩu lao động sang Liên Xô (cũ).

<sup>10</sup> Cách gọi bọn cướp người Việt tại Nga và Đông Âu.

<sup>11</sup> Tí = tờ = giấy 100 đô la.

Ai đem con đố đến chôn xứ này ?  
 Nhiều thằng võ bỏ số may,  
 Đã ô-tô Nhật lại xây nhà lầu.  
 Khối thằng bỏ xác rừng sâu,  
 Khối thằng ngã nước trọc đầu như sư.  
 Ông trời ăn ở khéo ư,  
 Người ăn không hết kẻ thừa đồ đi.  
 Than thân trách phận làm chi,  
 Có thân ta tự độ trì mà thôi.  
 À, hôm chủ nhật vừa rồi,  
 Máy anh tổ lái<sup>12</sup> vào chơi nhà mình.  
 Nghe đồn thành phố Bắc Kinh  
 Năm đô một bạch to uyển nhân sâm.  
 Ở Nga trăm tám mươi đồng,  
 Đem về Hà Nội đếm không hết tiền.  
 Bây giờ thời tiết đảo điên,  
 Ông già bà lão phóng tiền ra mua.  
 Năm nay khí hậu được mùa,  
 Bão to lụt lớn chiêm mùa trắng tay.  
 Trời thì cao đất thì dày,  
 Trung ương đang hứa chuyển lay tình hình.  
 Nhân đây kể chuyện nhà mình,  
 Để con được rõ sự tình con nghe.  
 Thằng Hai đánh bạc gá xe,  
 Thằng Ba thì vẩn rượu chè liên miên,  
 Thằng Tư thì mới vượt biên,  
 Thằng Năm tháng trước lại lên Hoả Lò.  
 Con Sáu học dốt như bò,  
 Thi trượt tốt nghiệp vào lò mát-xa,  
 Khoe rằng lương tháng triệu ba,  
 Chưa kể cái khoản phúc-boa rất dày.  
 Hôm qua khóc với mẹ mày,  
 “ Mẹ ơi con mấy tháng rày mất kinh.  
 Khách hàng thì rất linh tinh,  
 Làm sao biết khối xuân tình của ai...?”

Tao nghe dựng cả tóc mai,  
 Vội mời thầy thuốc phá thai tại nhà.  
 Tà thầy năm chục đô la,  
 Mong thầy kín tiếng kẻo mà... về sau...  
 Thầy thuốc nháy mắt gât đầu,  
 Lần sau... cô bị, tôi hầu cô ngay.  
 Nhân đây nói đến chuyện mày.  
 Nghe đâu cũng xứng là tay giang hồ.  
 Người yêu rải khắp Liên Xô,  
 Và trong số đó chục cô có bầu.  
 Cha không trách cứ con đâu,  
 Đương trai cứ việc, kẻo sau tiếc thâm.  
 Nhưng còn cái chuyện hôn nhân,  
 Lút se<sup>13</sup>, nên chỉ một lần mà thôi.  
 Phải suy tính kỹ con ơi !  
 Trong cơn hoan lạc ngừng lời trăm năm.  
 Thường khi chung gối chung chăn,  
 Người thường dễ dãi đem thân hiến bừa.  
 Vừa rồi cha mới được nghe,  
 Con yêu cô bé cùng quê tỉnh mình.  
 Hả là cô ả rất xinh,  
 Nên con mới phải nghiêng mình trao tay.  
 Nghe cha ghi kỹ điều này :  
 Phải con ông cốp<sup>14</sup> xấu gầy cũng yêu.  
 Ông cha khổ cực đã nhiều,  
 Sống xa Hà Nội thiệt nhiều nghe con.  
 Núp mình dưới bóng ô tròn,  
 Tương lai xán lạn, lâu son để huê.  
 Hồ Gươm liểu rú xum xuê,  
 Hàng Ngang, Hàng Bạc, Thụy Khuê,  
 Tràng Tiền.  
 Đồng Xuân chợ họp liên miên,  
 Mùa nào thức ấy sẵn tiền để mua.  
 Thăng Long đất cũ người xưa,  
 Minh con tính lẻ ai đưa mình vào<sup>15</sup>?

Xa xôi tình cảm dạt dào,  
 Bận gì thì cũng ghi vào lời cha.  
 Cõi chùng với lũ gái Nga,  
 Kéo mà lại dính Sida có ngày...

### Tái bút

À quên, tao hỏi điều này,  
 Chẳng hay sức khoẻ của mày ra sao ?  
 Học năm thứ mấy, ngành nào ?  
 Phòng khi ngộ có ai vào tao khoe.  
 Dặn thêm đừng có mua xe,  
 Bây giờ chỉ được nửa que là cùng.  
 Mà chỗ thì chiếm nửa thùng,  
 Khuân vác lại nặng phát khùng  
 phát điên.  
 Em mày vốn tính ngại phiền,  
 Mặc dù nó thích dây chuyền từ lâu.  
 « Con chẳng dám xin anh đâu,  
 Anh con lại bảo : “ Em sao hay vò ! ”».  
 Mẹ mày đã luống tuổi rồi,  
 Mày đừng tặng thứ tân thời làm chi.  
 Can-xô, xéc-pốt, xéc-ghi<sup>16</sup>  
 Nặng gam là được cần gì hoa văn !

<sup>12</sup> Tổ lái máy bay của Hàng không Việt Nam

<sup>13</sup> Lutse (tiếng Nga) : tốt nhất là

<sup>14</sup> Ông lớn

<sup>15</sup> Theo luật hộ khẩu của nhà nước Việt Nam, người chồng có thể được xét cho đăng ký hộ khẩu theo vợ.

<sup>16</sup> Tên các loại vải.

### Thế Dưng

### đôi khi

1

Vì mãi bề toan tính ?  
 Mà tàn nhẫn hồn nhiên !  
 Không hay mình đã giết  
 Một người tình yêu im ?

2

Tùng đêm hồn đưa vãng  
 Hú gọi một phương mưa  
 Gặp bão buồn không tuổi  
 Võ ảo cảnh tự lừa...

3

Tùng đêm từng huyết mộ  
 Vui làn hương Liêu Trai  
 Khoả thân diu dịu thở  
 Tiếng khuya yõ hình hài

4

Tự biết là chỉ thế  
 Đã đủ khổ đau rồi  
 Không lập lòng lại được  
 Sóng từ đáy – Sông tôi...

5

Tùng giọt, từng giọt lệ  
 Dâng đầy hồ mắt sâu  
 trong bóng tối da thịt  
 Hoả tình buồn gọi nhau ?

6

Mặt danh danh lạnh lạnh  
 Cười nói rất thản nhiên  
 Mà lòng dâng lũ lụt  
 Thủy táng một thuyền tình

7

Ta như kẻ phản nghịch  
 Minh tự xé tim mình  
 Tình yêu là Nỗi Chết  
 Mà suốt đời chẳng kinh...

Berlin, 11.1995

# Gặp lại

truyện ngắn

**Tô Hoài**

Tôi có việc đến Phnôm Pênh. Thời kỳ 1962 phức tạp, ở Phnôm Pênh có cả hai toà đại diện ngoại giao miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Gần Sài Gòn quá, nếu lộ tông tích, e xảy ra bất trắc. Phải làm thế nào, nhờ khi la cà quán xá, không ai biết là người ở Hà Nội tới. Bộ đồ mùa thu mới pha len xanh nhạt, túi áo vét cài mảnh khăn trắng nhỏ, bắt chước làm dáng kiểu Sihanuc, thời đó thịnh hành ở Phnôm Pênh.

Tối ấy, chơi sà n nhảy bè nổi *Trăng sáng* trên sông Mê Kông. Giữa trời nước, giả vẻ thôn dã. Ánh điện vụn ra, mờ mờ trắng suông. Từ chỗ này đến chân cầu Chang Va, nhấp nhô, óng ánh những sà n nhảy, những quán ăn trên sóng.

Người ta vừa ăn, vừa nhảy, vừa nằm ngời rử rử trong những ngấn buồng vách trúc bên sà n. Tôi ngồi một chỗ, nghe sóng ò ọp dưới chân và ngoài kia sáng trắng — trắng giãi lãn tẩn như mắt lưới.

Một cô gái nhảy đến ngồi bên. Mụ Tú Bà, chẳng biết người ta hay người Tàu, mặc áo “xường xám” xanh, bước thon thót như con châu chấu ma. Sai phái con em đến với khách, mụ đã sắp cổ cả.

– Mời anh...

– Không nhảy nhót gì đâu. Cút đi nhé !

Nghe mắng yêu và thấy tôi tộp cả ly rượu mạnh không pha đá, cô gái nhảy tỏ vẻ hiểu rồi.

– Em ngồi với anh vậy.

– Lúc nào nhảy mới hẵng lại đây nghỉ chơi.

“Anh đuổi em thật à. Cám ơn nhé !”. Tiếng chưa dứt đã thoảng ra đằng trước. Nó chỉ mong có thế. Nó đã lĩnh tích kê ghép với tôi, giờ lại được đi tìm khách, nhận tích kê tiền lần nữa. Có lẽ chúng nó bảo nhau hay mụ áo tường xám đã khéo để mắt, một cô khác uốn đến.

– Cho em ngồi hầu anh.

– Cứ việc.

Một lát, không thấy tôi nói gì, nó bảo :

– Cho em đi nhé !

– Cứ việc !

– Cám ơn anh yêu.

Nó đi luôn. Nhà hàng đã tính một suất, lại được đi tìm khách. Có đứa vừa ló, tôi đã hất tay. Nó cười nhớn, đi ngay. Lại đứa khác.

Chẳng sao, đàn cá mại mại đến rĩa mồi, chắc tôi được tiếng chơi sang đêm nay rồi.

Cô này khuôn mặt quen như đã gặp ở đâu. Thoảng hiện về như gần mà như xa đáng dấp một người chết đã lâu. Vong hồn cô Đạm Tiên nào theo nhau đi tận chốn sông nước chân mây này. Tôi im lặng.

Cô gái mặt trái xoan nhẹ nhõm. Nếu không gặp ở đây không thể tưởng là một cô giang há.

– Sao anh cứ nhìn em thế ?

– Xin lỗi em.

– Em mới có lỗi. Không biết anh đến, em mặc đơ thế này không phải với anh.

– Chẳng sao.

– Anh đưa em về nhà thay đồ rồi mới dám ra ngồi với anh. Anh lái cho em, em ở gần đây thôi.

– Anh mới bên Singapo sang, chưa mua xe.

Biết Singapo chốn nào ! Ấy là tôi đã được nghe kinh nghiệm đến Phnôm Pênh tỏ vẻ sành sỏi. Nào Casino núi Bokor dưới Kampot, rồi bãi tắm Kép, rồi nơi ăn chơi Kép nhỏ cách đây vài cây, rồi ông Sihanuc mới thuê từ Pháp về trưng bày cả phòng tranh của danh hoạ Buffet. Rồi bản ca khúc mới nhất của ông Sihanuc về Phnôm Pênh, rồi... Bấy giờ Singapo còn sóng hoa lệ Hồng Công không bén gót, nói ở Singapo về, làng chơi thềm rỏ dãi, mà gái chơi thì lác mắt. Quả nhiên, bài thuốc Singapo nghiệm tức thì, cô gái nhìn tôi, mắt đăm đăm, thuần hơn. Ôi chao, sao mà nhớ ai kia, sao mà nhớ !

– Em ở đây ?

– Em mới lên.

– Ở Sài Gòn ?

Cô gái nhảy mỉm cười, cúi xuống, nhắc ly rượu của tôi, uống một ngụm.

– Em theo người ta di cư vào Nam. Ở ngoài ấy, em đi nhảy các đồn biên thủy, Tiên Yên ra Hà Cối, Đầm Hà... Anh biết Hà Cối chứ ? Đến khi tụi Tây chạy vào Sài Gòn, nó hợp đồng đem chúng em đi. Được ít lâu, Tây cút về nước, cho rơi luôn, thế là bơ vơ.

– Ở Sài Gòn làm ăn còn được.

– Anh chưa biết à ? Dưới Sài Gòn nó cấm các “ba” rồi. Anh cũng người ngoài ta ?

– Bao giờ hết loạn mới được về với mẹ cái hĩm.

– Không che được mắt thánh đâu. Anh ở Hà Nội vào.

– Em đẹp lắm. Em giống một người ngày xưa của anh.

Cô gái lung linh mắt, cười.

– Hay là người ta đấy ?

– Người ta chết rồi.

Nhưng cô gái đã khẩn khoản :

– Em có thằng em ở phố Hàng Giày. Hôm nào anh cho em gửi nó mấy chữ. Đòi em gian truân lắm...

Lát sau, tôi về cùng với những ông chủ tiệc đã tha tôi đến đây. Tôi ôm người gái nhảy. Chúng tôi hôn nhau, hôn thật. Nước mắt cô ấy mặn mặn trên môi. Cuộc chia tay phút chốc đâm ra nã nùng.

Sài Gòn giải phóng được ít lâu, thành phố vẫn ngổn

ngang những phân vân, những ngỡ ngàng. Ngày trước tôi đã từng qua lại nên không lạ mắt lắm. Có vài dinh cơ nhà cao tầng mới còn thì đại để vẫn thế. Đường xe lửa điện không còn, nhưng những cột đèn cột điện từ đầu thế kỷ vẫn đứng như những bộ xương người xun lụng lợm khòm vì bị cơ man chằng chịt từng nạm dây điện vắt qua. Còn nhận ra nhà hàng Thanh Thế xưa đầu tiên bán kem Nhật và cái tiệm cơm chay vẫn chật chội thế ở trước ga xe lửa Mỹ, cánh cửa và bàn ghế xám xịt màu nước dưa.

Tôi rối rãi, thỉnh thoảng ngồi xích lô dong phố.

Tôi hỏi người đạp xe :

- Quảng Ngãi vô hả ?
- Nghe bố con kể quê Quảng Ngãi thôi.
- Làm ăn thế nào ?
- Cũng vậy vậy. Bây giờ khó nhiều. Các ông giải phóng không đi xích lô, các ông bảo vì thương người lao động, thế thì chết mẹ con rồi.

Tôi cười ha ha.

Mặc nhiên, cậu xích lô đời bố quê Quảng Ngãi ấy với cái ông Bắc di cư cứ chuyện với lên với xuống râm ran cả đường. Tôi hẹn cậu ấy vài hôm lại đến Thanh Đa gọi tôi dong một vài cuốc. Đôi khi, ghé quán làm châu bìa cơm. Tôi rủ nhưng cậu xích lô không dám vào. Chắc e ngại thật ông này dân di cư hay thế nào.

Ở đường Đồng Khởi, ở chợ Đũi, chợ An Đông, những tiệm nháy, những nhà hàng đều đóng cửa nghe ngóng. Mấy quán bìa tạm bợ quầng ánh đèn không hắt sáng ra đến vỉa hè.

Quán ấy ở chợ An Đông. Trong tôi có cái chán chường, chán mà vẫn đi, đi chơi kiểu lắp số như thế. Bìa chai con hổ, con báo hay con ba, lờ mờ quá, nhưng mỗi khách vào thì cứ tự nhiên, một cô em đến bên cạnh, nửa đùa nửa thật làm quen :

- Anh cho em uống với.
- Bìa nhé.
- Dạ.

Cô ấy đã bung ra ly trà đá. Biết thế là đi làm không công, chỉ ăn vào khách. Chốc nữa, tính với chủ quán một chai, hai chai, ba chai... Cũng như cái tích kê vào ba ấy mà.

Ồ hay, tôi lại thấy cái cô gái nháy ở Phnôm Pênh tối ấy bảo là có cậu em ở phố Hàng Giày. Cô đến ngồi với tôi. Tôi vẫn nhớ, mà cũng đã quên rồi. Cái khuôn mặt hao hao ai ở tuổi mười tám đôi mươi dường như chỉ tưởng ra thế. Cho được ngâm ngùi đấy thôi.

Cô ấy bây giờ ốm hom hem, mặt phấn nhưng cái cổ để mọc, ngẩng lại, nổi vằn mẩy đường gân xanh. Mùi nước hoa, xà phòng thơm không át được hơi thở tanh tanh. Đêm xưa ấy, cái hôn nước mắt trào xuống, người nào không phải người này.

- Anh mới vô ?
- Bên Đa Kao thôi.
- Em cũng ở Đa Kao.
- Người như cua bò, biết sao hết. — Rồi tôi hỏi trống không. — Di cư à ?

Cô gái buông một tiếng nhạt thếch.

- Không.

Chuyện tí tê, lòng bông lảng nhăng. Cô không nhận ra tôi. Khách làng chơi, làm sao nhớ được. Thế cũng nhẹ mình.

Mấy năm, đôi ba khi lại vào Sài Gòn. Nhưng không nghĩ đến chợ An Đông. Cũng thường chơi nhởi vậy mà ít đi ăn. Món ăn Bắc ở đây được chuộng. Nhưng quà Bắc cũng sai vị Bắc, đậm ngán. Món thịt rựa mặn phải có da có mỡ, đằng này đĩa xương rựa mặn, nước lợ như đường.

Những ngày cuối thu miền Bắc hình như cũng làm cho trời đất phương Nam dịu hơn. Gió hây hây, những đóm lá me vàng rụng lả tăn. Mát mẻ đôi chút, hay nghĩ đến thịt chó. Chúng tôi đi quán “*thịt chó Huế*” ở Lăng Ông — có người mách quán ấy cũng như quán bà cô đầu già ở hẻm đường xe lửa chợ Đũi, những nơi còn ăn được. Nhưng thịt chó, sao lại Huế ? Ừ thì cứ đi xem nào.

Chữ *thịt chó Huế* sơn vào mảnh tôn treo bên gốc cây me cổ thụ, trước cái lều vách tôn, mái tôn, lá me rụng xuống đã bao nhiêu năm, dày kệp, đen mục như những mái rạ thời nào ở các làng miền Bắc. Cơ chừng mà rúc vào cái hang này chén món cầu nhục có khi lại hay.

Nhưng những cái trước mắt đã làm cho chúng tôi ù dần. Hai chiếc bàn trống hốc. Bếp núc đằng sau vách, thấy làn khói than được lên xanh leo lét. Dưới gầm tấm ván bên, có đến ba bốn nhóc lằm lụi chui ra. Không biết chúng rúc vào nghịch hay ngủ trong ấy. Toàn con gái, ba đứa, bốn đứa, đứa nào cũng tóc xoăn xù, có đứa da đen nhẻm. Chưa hết, đằng sau nhà, tiếng búa, tiếng dao lạch xạch chặt củi, đục vào vách tôn, kêu kênh kênh. Tiếng người đàn bà đương rít lên, rủa : Chúng bay chết đi ! Chết hết đi !

Biết có khách, bật im. Một người đàn bà bước ra, tay còn cầm cái roi lò ô. Chao ôi, lại người ấy, vẫn người ấy. Đời người ta, nhiều sự đã qua không nghĩ đến thì nó trở lại như những ám ảnh không dứt ra được. Nàng đã tã lấm, lão lấm, không còn hao hao giống ai, mặt trẻ xuống, má hõm lõm, mỡ tóc phi dê lờ phờ.

Người đàn bà don đả :

- Mời các ông, mời các ông.
- Đã bán mở hàng chưa ?
- Vắng hả ? Hôm nay rằm. Khách tri âm, tri kỷ, khách ghiền mới đến thôi.
- À...
- Thịt chó Huế có gì hay nào ?

Hay lắm. Các nơi khác chỉ bảy món, ở đây có mười bốn món ạ, thú thiệt. Phải chính gốc chứ không giả cầy như ông- leo-cây dậu. Các ông ngồi, mời... Câu nói dài dòng tưởng không thể chấp nối kịp về con người, cuộc đời với giọng kể lể. Có thể coi như câu chuyện làm quà, để đưa đẩy, để bán, để lấy cái ăn, biết thế nào. Lúc thì ở Hà Nội, lúc thì di cư, lúc thì quê đâu đâu, cái mà tôi trông thấy thì là gái nháy ở *Trăng sáng* bên Nam Vang, rồi cô bìa ôm chợ An Đông, rồi bao nhiêu năm sau, quán thịt chó Huế mười bốn món. Trước mặt đây, một lũ lí con, đứa da nhò, đứa đen bóng, lũ con gái lêu đêu, tóc xoăn tít. Đằng sau con người ta, còn gì.

Chỉ một thoáng đã bày biện ra đủ. Khoái mắt, người chén

## Một truyện ngắn đặc sắc

Vừa rồi, tại Hà nội, các bạn văn đã tổ chức một cuộc họp mặt thân mật mừng nhà văn Tô Hoài lên bảy mươi lăm tuổi, sau năm mươi lăm năm trước tác.

Sau chầu bia hôm đó, Tô Hoài cao hứng viết truyện ngắn *Gặp lại* gọi là đề “tự kiểm”.

*Gặp lại* là một truyện đặc sắc, rất ngắn so với truyện Tô Hoài, nhưng đặc biệt hàm súc. Chỉ trên một trang báo *Văn Nghệ*, tác giả đã hồi quang nửa thế kỷ lịch sử đất nước cùng với nhiều nét chính trong sự nghiệp của mình qua ba lần gặp lại một vũ nữ, lần đầu tại Phnôm Pênh, hai lần sau tại Sài Gòn sau 1975.

“*Đời em gian truân lắm*” cô gái tâm sự, kể lại đời mình thời trước lính Pháp thuê đi nhảy, giải trí cho các “*đồn biên thủy, Tiên Yên ra Hà Cối, Đầm Hà*” những địa danh vang dội tiếng súng thời chiến tranh Việt Pháp. Năm 1954, “*theo người ta di cư vào Nam*” rồi trôi dạt lên Phnôm Pênh kiếm sống, thời luật bà Nhu cấm nhảy nhót tại Sài Gòn. Đất nước chia đôi, với hai chế độ đối lập, “*hai toà đại diện ngoại giao*” tại Phnôm Pênh. Cuộc chiến ngày

một ác liệt và người dân đen chỉ mong “*bao giờ hết loạn mới về với mẹ cái hăm*”. Thời ấy, khi đất nước qua phân, cô gái miền Bắc lưu lạc vẫn tha thiết với quê xưa, và nặng tình địa phương “*Anh cũng người ngoài ta... Em có thằng em ở phố Hàng Giày*”. Sau 1975 vài năm, tác giả vào Sài Gòn gặp lại cô gái trôi dạt về, có lẽ sau những trận đàn áp người Việt. Đất nước đã bình an, thống nhất, nhưng tình cảm với miền Bắc quê xưa và người Bắc đồng hương thì không được nồng ấm như xưa. Cô gái kiếm ăn lắt liếm trong một quán bia ô m lù mù tại chợ An Đông, vô tình hay cố ý không nhận ra người xưa và chối phăng gốc gác của mình. Đất nước đồng quy mà lòng người ly tán. Tô Hoài còn ghi mẫu đối thoại với một cậu xích lô trẻ gốc Quảng Ngãi, có lẽ thuộc lớp tị nạn chiến tranh hay tị nạn kinh tế: “*Bây giờ khó nhiều. Các ông giải phóng không đi xích lô, các ông bảo vì thương người lao động, thế thì chết mẹ con rồi. — Tôi cười ha ha*”.

Lần thứ ba gặp lại, người đàn bà làm chủ một quán ăn

(xem tiếp trang sau)

thịt cày thích trật tự, qui củ. Lũ trẻ con lóc nhóc ấy được việc. Bung bê từng món, hơn cả Hà Nội bây giờ xô bồ, khách vừa gọi, đã lia ra cả thực đơn, chưa có đĩa bún, đã ngớt mắt bát rựa mặn, bát sáo cong cái cẳng chó. Đẳng này, nhẹ nhàng trước nhất, món luộc... Đến bát rựa mặn, đúng rựa mặn. Mỡ và bì tiết ra một thứ nước xền xệt màu mặn chín quánh như mỡ. Bát sáo bốc mùi xương hầm, không ngọt lợ nước dừa. Địch thị tay nghề thịt chó Hà Đông. Chú kiểu cách nơi khác thế nào được. Sáo này thế là xài được, vậy là cũng chưa vắng người sành. Cái ngày rằm chén thịt nặng thì súi quẩy, thế mà vẫn có khách tới. Hai ba con chó dự trữ lục đục gặm xương dưới gầm nhà, gầm phàn. Lũ trẻ con — mấy đứa bé nhất đã ngồi lên ván từ lúc nào, trở mắt hau hâu nhìn sang như thèm, như xem vô tuyến, hai nhóc đứng trực cửa bếp, chuyển món vào. Lúc đã bung đến bát sáo, mấy mẹ con cùng bước ra.

Tôi bảo :

– Đây ngồi uống vui với bọn tôi. Chẳng mấy khi...

Chị ngồi vào ngay. Tôi hỏi :

– Uống tốt chứ ?

Vẫn nhớ đêm ở sà n nhảy trên sông Mê Kông đã uống với tôi ly “*uých ky sách*”. Cái hôn nóng nhày nhụa. Tôi cảm tưởng môi chị thế ! Nhưng mà môi ai chứ sao, không thể cái mụ gà rù rúm rỏ này. Sà n nhảy bóng nhoáng khác cái cũi chó, nhớ mà như không, tội thế. Tôi nói :

– Thịt chó ngon quá.

– Ba tôi truyền nghề đấy.

– Không, rựa mặn kiểu Bắc.

– Làm như quê ông cái gì cũng nhất. Còn khuya.

Hai con mắt mụ bào húp híp chăm chăm nhìn tôi.

– Cái tối hôm ở Singapo về, “*pôxét*” áo cài “*mùi xoa*” trắng một mối nhỏ không ? So với bây giờ thì gà rù lắm, gà rù lắm rồi, đừng có vênh.

Tôi lẳng lẳng như nghe ai nói ở đâu. Làm vẻ quên đi, quên rồi nhưng mà cái câu rủa ròi “*gà toi, gà rù*” mà tôi vừa nghĩ thầm về nó, bây giờ nó quăng đập vào mặt tôi, tím mặt tôi. Không còn “*như con bướm lượn vành*” đâu nhé tôi ơi là tôi ơi, con người có thói xấu ít tự biết.

Một chiếc xích lô lọc cọc nhô vào dưới gốc me ngoài cửa. Thành linh thẳng bé xích lô quê Quảng Ngãi nhô vào. Nó nhìn tôi, nó reo lên :

– Chào bác !

Một bạn cầm chén, hướng vào tôi :

– Nhận con, nhận con đi. Cái thằng này bạc như vôi. Ngủ với người ta rồi quên. Hề, hề, hề... Mà đã nghe hết mẹ mày xỉ ba mày, lòng thông. Địch đáng, địch đáng. Mời các ông, mời bà, mời nữa, một chén tái hồi Kim Trọng nào.

Thằng bé xích lô ngẩn mặt nghe giọng ông say lè nè. Tôi thấy nước mắt người đàn bà lã chã. Bỗng nhớ cái câu đêm ấy : “*Đời em gian truân lắm*”. Tôi tưởng như quả thật tôi đã có ăn nằm với người ta.

Chén rượu Hóc Môn hần hoi mà sao vị nó cài cài không đậm như mọi khi.

10-1995

Tô Hoài



(tiếp theo trang trước)

tôi tàn lấy tên *Thịt chó Huế*, đặc sản 14 món. Dĩ nhiên là “nàng đã tã lã, lã lã” với một lũ con “ba đứa, bốn đứa, đứa nào cũng tóc xoăn xù, có đứa da đen nhẻm”. Bố của chúng nó là những ai? Phải chăng là khối lịch sử tạp chủng đã cưỡng hiếp cô gái “*giang há*” vô danh, một thú Thuý Kiều neho nhóc, không có một Tiền Đường nào hò hẹn đón chờ.



Người quen văn chương Tô Hoài sẽ thích thú khi đọc *Gặp lại*, vì trong một thoáng hư tưởng, bỗng sống lại bao nhiêu dư cảm trong lòng mình, sau nửa thế kỷ mơ mộng. Chuyện cô gái nhảy nổi trời phải chăng là một *Dế Mèn phiêu lưu ký* (1938-1941) viết ngược, hay là một *Quê người* (1941) tiếp nối.

Cuộc gặp mặt lần đầu, cô gái lân la :

- Không che được mắt thánh đầu. Anh ở Hà Nội vào.
  - Em đẹp lắm. Em giống một người ngày xưa của anh.
- Cô gái lung linh mắt cười :
- Hay là người ta đấy ?
  - Người ta chết rồi.

Nhưng cô gái đã khấn khoản :

- Em có thằng em ở phố Hàng Giày. Hôm nào anh về cho em gửi nó mấy chữ. Đòi em gian truân lắm.

Lát sau tôi về cùng với những ông chủ tiệc đã tha tôi tới đây. Tôi ôm người gái nhảy. Chúng tôi hôn nhau, hôn thật. Nước mắt cô ấy mặn mặn trên môi. Cuộc chia tay phút chốc đâm ra nào nùng.

Trong cái hôn đầm nước mắt ấy, người kể chuyện hôn một kỷ niệm của mình, còn cô gái hôn một quê hương đã mất. Câu chuyện xảy ra như một giấc mơ, một khúc truyền kỳ; một thoáng linh diệu mà tác giả không bao giờ tìm lại được. Vì vậy, gặp nhau lần thứ hai, tác giả đã tỉnh táo : “Tôi vẫn nhớ, mà tôi đã quên rồi. Cái khuôn mặt hao hao ai ở tuổi mười tám đôi mươi dường như chỉ là tưởng ra thế. Cho được ngậm ngùi đấy thôi.”. Câu cuối dường như tóm lược cả đời văn Tô Hoài : viết văn là để chước lấy một thoáng ngậm ngùi. *Xóm Giếng ngày xưa...*, *Mười năm...*, *Quê nhà...*, *Tình buồn...*, *Nhớ Mai Châu...* và cả tên Tô Hoài nghe sao mà xa vắng. Mơ hồ *Cát bụi Chân Ai*.

Người đọc còn thấy loáng thoáng Tô Hoài qua tiểu truyện : từ thuở thiếu niên đi bán giày Bata tại Hà Nội đến lúc viết văn, chuyên viết về những mảnh đời tan tác, lúc “phiêu lưu” vào Sài Gòn tìm Nguyễn Bính (1943) “còn nhận ra nhà hàng Thanh Thế” cho đến hai tháng ở Nam Vang (1961), và khi trở lại Sài Gòn, 1976, gặp lại người bạn cũ trong quán thịt chó ở hẻm đường xe lửa của một bà già người Bắc xưa kia làm ả đào (*Những gương mặt*, 1988, tr. 127). Riêng cái tên *Thịt chó Huế* là tên quán có thật, sau Lăng Ông Bà Chiểu. *Gặp lại* thu vén một quan niệm sáng tác mà Tô Hoài đã thể hiện trong *Xóm Giếng*

*ngày xưa* (1943) : “Chuyện đời chẳng bao giờ hết, mà cũng chẳng bao giờ có (...) Xưa nay tôi chỉ quen với những cái gì vụn vặt nhem nhọ. Đây không có chuyện tôi, cũng không có chuyện đời, mà chỉ có một dòng sông chung. Cái quan trọng của đại thế...”



Đặc điểm thứ ba, là *Gặp lại* phản ánh nghệ thuật Tô Hoài, từ dựng chuyện đến hành văn. Cấu trúc tác phẩm nằm giữa hai thể truyền kỳ và truyện ký, vốn là sở trường của Tô Hoài. Anh là người thích kể chuyện và từ thời trẻ đã chuộng lối truyện Maupassant và ưa viết truyện thiếu nhi. Truyện dài *Bố mìn mẹ mìn* mới xuất bản gần đây (1993) cũng được bố cục hấp dẫn như một tiểu thuyết đường rừng. Ba lần *gặp lại* ở ba thời điểm khác nhau, đưa đến câu kết bất ngờ, táo bạo : “Tôi tưởng như quả thật tôi đã ăn nằm với người ta”. Chữ “người ta” ồm ồm, chua xót. Còn tính truyện ký thì đã rõ. Mà Tô Hoài viết bất cứ cái gì rồi nó cũng ra tự truyện. Ở *Gặp lại*, phần tự truyện ý vị, hàm súc nhờ sức mạnh ẩn dụ, mà vẫn tự nhiên, như tác giả thường nói : viết mà cứ như chơi.

Tô Hoài thường xuyên cách tân câu văn tiếng Việt của chính mình. Lúc thì theo sát cú pháp phương Tây cho câu văn gọn và sáng, lúc thì bẻ gãy cú pháp, xen lẫn văn viết và văn nói, đối thoại và độc thoại, tạo ra những câu mới mẻ : “đêm xưa ấy, cái hôn nước mắt trào xuống, người nào không phải người này”. Về từ vựng, tác phẩm Tô Hoài là một kho từ ngữ vô tận, nhưng chữ nghĩa luôn luôn tế nhị. Ví dụ “bao giờ hết loạn”, anh không dùng chữ “giặc” hay “chiến tranh”, cô gái gốc Bắc hỏi “anh mới vô?” mà không dùng chữ “vào”. Nhiều chữ gốc nước ngoài, áo xường xám, cô giang há, tích kê, ba, pôxet, mùi xoa phản ánh lớn ngổn một thời đại. Còn lối tập Kiều suốt truyện, Tô Hoài vẫn dùng từ xưa. Cuối cùng là cách viết ngang phè phè : “tôi ơi là tôi” tạo nên giọng kiêu bạc rất Tô Hoài mà Vũ Ngọc Phan đã nhận ra năm mươi năm trước đây.



*Gặp lại*, thoáng qua, thuộc loại chuyện “cũng là bên chén rượu, hoài cố chơi thôi” (*Những gương mặt*, tr. 127), sao mà nó ý vị thâm trầm đến thế? Âu cũng là đặc điểm của Tô Hoài, xuất thần những lúc viết chơi viết nhời. Ngay ở những tác phẩm nghiêm nghị, Tô Hoài cũng đặc sắc ở những câu phá đình phá đám. Tôi chợt nhớ đến bài anh viết về Trúc Đường, một nhà văn thuộc lứa tuổi đàn anh, anh ruột Nguyễn Bính, đoạn kết thế này (NGM, tr. 119) :

« Cái lớn của sự sáng tạo được góp lại từ một mảnh trấu, một bát kê và từ những đam mê, những thương cảm đến không bao giờ nguôi của người nghệ sĩ. Người viết nào chả vậy (...) Một hôm tôi nói với anh như vậy. Anh cười hiền lành như mọi lúc, rồi bảo tôi : “Thằng này thế mà quái” ».

Đặng Tiến

Noël 95

# Sương xuân và hoa đào

tuỳ bút

**Vũ Thư Hiên**

Tôi bao giờ cũng hình dung Tết gần liền với đất Bắc, nơi đi trước mùa xuân phải có một mùa đông. Mùa đông ở nơi này mỗi năm một khác, nó có thể lạnh nhiều hay lạnh ít, độ ẩm cao hay thấp, nhưng nhất thiết không thể không có gió bắc và mưa phùn. Không khí se lạnh làm cho con người phải co ro một chút, rùng mình một chút, chính là sự chuẩn bị không thể nào thiếu được để con người bước vào một cái mốc thời gian mới đối với mỗi người, mỗi nhà.

Thành thủ, ở Sài Gòn trùng vào những dịp xuân sang, tôi vẫn không thấy lòng mình rung động cảm giác về cái tết ruột rà, cái tết đích thực của quê hương. Xin các bạn Sài Gòn tha lỗi cho tôi, nếu trong những lời của tôi có gì làm các bạn phật ý, nhưng, thú thật, mãi tới nay, sau nhiều tết Sài Gòn, tôi vẫn chưa quen được với một ngày đầu năm phải phơi đầu dưới nắng chói chang và trầm mình trong cái nóng hầm hập, làm cho người ta phải tìm đến với trái dưa hấu mộng nước trước khi ngồi vào mâm cỗ tết có đủ thịt mỡ và dưa hành, bánh chưng và giò thủ. Ở mỗi nhà vẫn nghi ngút trầm hương thật đấy, ngoài đường xác pháo toàn hồng vẫn tràn ngập lối đi thật đấy, nhưng cái tết dường như vẫn còn lạc lõng nẻo nào, nó chưa hẳn là tết, chưa đủ là tết. Đành phải viện hai câu thơ mà nhiều người vốn không yêu thơ cũng thuộc để giải thích nỗi nhớ về đất Bắc, để biện hộ cho cái cảm xúc không phải đạo của mình trước đất Sài Gòn cũng đã trở thành không kém thân thương :

*Từ thuở mang gươm đi mở cõi*

*Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long*

Thực ra, chuyện đó chẳng có gì lạ. Người Việt phương Nam nào mà chẳng có một cái quê còn nhớ hay đã quên, có biết hay không biết, nằm ở phía ngoài kia.

Người xông nhà chúng tôi rất sớm, khi còn tối đất, sáng mùng Một năm Đinh Tỵ (1977), là nhà văn Nguyễn Tuân.

Người xông nhà, theo sự mê tín từ xưa, là một nhân vật rất quan trọng đối với vận mệnh của gia chủ. Tuỳ theo người xông nhà là ai mà năm đó ngôi nhà sẽ có nhiều may mắn hoặc xui xẻo. Những người cẩn thận phải mời người sẽ đến xông nhà mình từ lâu trước khi tết đến. Người xông nhà nhất thiết phải là người làm ăn phát đạt, con cháu đầy đàn mà hoà thuận, hoặc một bậc lão niên tài cao đức trọng, chuyện này còn tuỳ thuộc ở kỳ vọng của gia chủ đang mong muốn điều gì.

Bác Nguyễn, nổi tiếng về tính khí kỳ quặc của mình, chắc hẳn chọn nhà tôi để đến xông đất đầu năm vì biết chắc chúng tôi không kiêng kị, nếu năm đó có chuyện gì không hay xảy đến cho chúng tôi thì chúng tôi cũng không trách ông. Kể ra, được (hay là bị) một nhà văn đến xông nhà thì, theo lệ thường, chẳng có hay ho cho gia chủ : xét về danh giá, theo truyền thống hiểu học và trọng kẻ sĩ của đất Bắc, nhà văn hẳn là bậc đáng trọng rồi. Nhưng xét về mặt tài lộc thì bất kỳ nhà văn nào cũng thuộc hạng bết trong cái thứ bậc giàu nghèo. Tất nhiên không kể những quan chức bổng nhiều lộc lắm lại rảnh việc nên cũng rủng mĩ xông vào làng văn mà viết sách in thơ.

Bố tôi rất quý Nguyễn Tuân. Ông coi Nguyễn Tuân hơn là một người bạn thời thanh niên. Trong cái nhìn của ông, Nguyễn Tuân là một trong những đại diện cuối cùng cho lớp kẻ sĩ mỗi ngày một hiếm dần, những người cho tới lúc ấy còn biết coi tiền bạc như của phù vân, không cúi đầu vâng dạ trước quyền lực. Riêng đặc điểm sau,

Nguyễn Tuân phủ nhận. Ông luôn phò rằng mình biết sợ, chẳng những sợ vừa mà còn sợ lắm.

Ông đến xông nhà trong chiếc áo choàng màu cứt ngựa. Bỏ áo ra, bên trong vẫn là bộ áo cánh đen thường nhật. Trời lạnh, ông mặc thêm áo len và quàng khăn. Tôi mở cửa đón ông, hơi ngỡ ngàng. Nhưng không ai đi hỏi người đến xông nhà về lý do ông đến. Với người xông nhà, chỉ có thể chào đón và đốt bánh pháo đầu tiên của ngày mùng Một. Nguyễn Tuân đoán ra câu hỏi cam lạng của tôi. Ông nói :

- Nói thực tôi đến đây sớm vì chẳng biết đi đâu. Mà lại thêm đi dạo một chầu trước bình minh trong cái ngày đầu năm này. Lang thang một lúc, mình đến đây. Không sao chứ ?

Bố tôi tươi cười ôm lấy bạn, diu vào nhà, sai tôi rót rượu, châm hoá lò than để nướng mấy con mực. Nguyễn Tuân không ưa đồ ngọt, khay mứt trên bàn chắc chắn sẽ không được ông đụng đến. Ông ngồi xuống chiếu, xếp bằng tròn, giơ đôi tay cồng suối trên hoá lò. Lửa than làm vàng trán hói của ông bóng lên trong căn phòng nhỏ của bố tôi. Bố tôi thường tiếp bạn thân trong căn phòng ấy chứ không phải ngoài phòng khách.

Hai người bạn già thân tình nhìn vào mắt nhau chạm ly trong im lặng. Cả Nguyễn Tuân, cả bố tôi, đều không thích những lời ồn ào.

- Ngon tuyệt — Nguyễn Tuân nhấp vài nhấp rượu trong vắt với vẻ thích thú rồi giũ cổ cạn ly.

- Làng Vân chính hiệu đấy ! — bố tôi nói, nét hài lòng hiện lên mặt. Ông thích được chiều bạn và khi bạn vui, ông còn thích hơn chính ông được vui.

- Mình phải đặt loại đặc biệt cho cái Tết đoàn viên này. Đúng vậy, đây là cái tết đầu tiên gia đình chúng tôi đủ mặt. Không thiếu ai (1).

- Hơn hẳn anh Trương Xá. Vào đến cổ họng là biết ngay — Nguyễn Tuân xác nhận.

Phận con cháu, tôi được phép ngồi bên các cụ làm chân điều đóm. Tôi

(1) Tác giả là con trai trưởng cụ Vũ Đình Huỳnh. Hai người bị bắt giam từ năm 1967 trong vụ "xét lại". Năm 1976 mới được trở về Hà Nội.

thích nghe bác Nguyễn nói chuyện. Trong câu chuyện của ông bao giờ cũng có một cái gì mới, một cái gì ngộ nghĩnh, độc đáo, mà không người nào khác có. Về đời sống, cũng như trong văn chương, ông là người uyên bác. Tính về họ hàng theo dòng mẹ, tôi phải gọi ông bằng bác. Nhưng ông rí tai tôi, một lần ở chỗ đông người : “ Họ xa rồi, cùng cánh văn chương với nhau, gọi thế nó mất đi cái sự bình đẳng, gia trưởng lắm ”. Tuy miệng vâng dạ, tôi vẫn kính cẩn gọi bác xưng cháu với ông. Mẹ tôi là người nghiêm khắc trong chuyện xưng hô.

Chuyện văn một lát, lại chuyện làng văn làng họa, ai mới viết cái gì hay, bức họa cuối cùng của ai độc đáo, là đề tài yêu thích của ông, Nguyễn Tuân hỉ hả ra về. Ông nói ông còn phải đến chơi với Văn Cao (“ Bà Bằng — vợ Văn Cao — bà ấy kiêu, mình đến muộn muộn một tí ! ”), đến Nguyễn Sáng (“ Tết nhất mà nó có một mình, buồn chết được ! ”). Ra khỏi cổng, dừng lại hồi lâu trên hè, nhìn phố Hai Bà Trưng thưa thớt người đi lại vào sáng sớm, ông nghiêng đầu nói khẽ với tôi :

— Anh có thấy Hà Nội buổi sáng mờng Một này thiếu cái gì không ?

Tôi không cần động não để tìm ra câu trả lời làm gì. Câu hỏi được đặt ra chỉ là cái có cho câu trả lời đã có sẵn, chắc chắn là sẽ rất Nguyễn Tuân.

— Thiếu sương ! — Nguyễn Tuân mắt vẫn nhìn chung quanh, thở dài — Anh không nhận ra cái sự thiếu ấy, tôi không trách. Anh còn quá trẻ. Ngày trước sáng mờng Một bao giờ cũng có sương nhẹ nhẹ, không nhiều, một chút gọi là có thôi, nhưng đích thực là sương. Nó bay là là, thoang thoảng, như có mà như không. Rét ngọt. Chỉ có trên các lá cây mới có sương hiển hiện, lâu lâu đọng thành giọt, rơi xuống mặt mình, có khi lọt vào cả cổ áo mình, rất là Tết. Đã mấy năm nay, vào ngày tết mình cứ thấy thiếu thiếu cái gì đó mà không biết là cái gì. Bây giờ mới phát hiện ra : đúng là thiếu nó, thiếu sương.

Tôi bàng hoàng trước nhận xét của ông. Tôi nhớ đến những năm xa xưa, khi tôi còn rất nhỏ. Đúng là Hà Nội những ngày đầu năm ấy sương la đà trên mặt đường, lấp lánh trong những bãi cỏ, bụi cây.

— Thưa bác, có lẽ tại Hà Nội đông dân thêm, nhiều nhà máy, nhiều xe cộ, thành thử cái tiểu khí hậu địa phương thay đổi, nhiệt độ tăng cao hơn trước...

— Xi, đốt anh đi ! Các anh bây giờ mắc cái bệnh tuyên giáo, dụng cái gì cũng chỉ ra nguyên nhân rồi dài dòng giải thích, cứ như chung quanh mình toàn một lũ thất học. Các anh làm văn kia mà — không nhìn tôi, ông cần nhìn — Tôi là tôi đang nói cái có, tôi nói cái hiện hữu, nói cảm xúc mà nó gây ra trong tâm hồn con người... Còn cái việc đi tìm cội nguồn của hiện tượng là việc của người khác.

— Dạ !

— Thế là mất đứt cái anh sương xuân bằng lăng. Tiếc quá ! — Nguyễn Tuân lại thở dài. Ông buồn thật sự — Thiếu nó, tết Việt Nam nghèo đi, mà không chỉ nghèo đi một chút đâu nhà, anh hiểu không ? Đành vậy, sang năm phải tìm cách đón giao thừa ở ngoại thành, may chăng còn có thể gặp lại nó.

Rồi đột ngột, ông quay sang chuyện khác :

— Này, năm nay giáp tết mưa thuận gió hoà, hoa đẹp lắm. Sao mấy hôm rồi không thấy anh đi chợ hoa ?

Đã thành cái lệ, năm nào bố tôi và Nguyễn Tuân cũng rủ nhau đi thưởng hoa ở Cống Chéo Hàng Lược. Có những buổi hai ông la đà từ trưa tới tối mới về đến nhà.

— Thưa bác, mấy hôm rồi cháu lại mắc bận.

Tôi nói dối. Thực ra tôi không đi vì tôi không thích chợ hoa. Cái mẫu phố hẹp có tên là Cống Chéo Hàng Lược ngày thường đầy rác rưởi, trong những ngày giáp tết bỗng trở nên nhộn nhịp khác thường. Trên là trời, dưới là hoa. Và người đi xem hoa, mua hoa. Những cây quất trĩu quả vàng chen lẫn với các cành đào được cầm trên tay, các sọt đan đựng đủ mọi loại cúc, loại hồng, lay ơn, thược dược... Ở đây ồn ào quá, nhiều trai thanh gái lịch quá. Nhiều gương mặt hãnh tiến quá. Tôi còn sợ cái cảnh chợ chiều ba mươi tết, khi những người bán hoa co ro trong manh áo mỏng, mặt ngơ ngác, lo âu. Trong cái bầu không khí vui vẻ quá nhân tạo ấy, bông hoa nào, cành hoa nào, chậu hoa nào cũng có vẻ tội nghiệp bởi cái thân

phận hàng hoá của chúng.

— Đào năm nay được mùa. Chợ nhan nhản toàn đào, giá lại hạ, nhà nghèo năm nay cũng có đào tết. Thế mà đồ có tìm ở Cống Chéo Hàng Lược được một cành nào như cành đào của bố anh. Tuyệt ! Không chê vào đâu được. Năm nào cành đào của ông ấy cũng làm tôi mê mẩn, cũng làm tôi sủng sớt. “ Thằng cha giỏi thật, sao mà nó khéo chọn đào đến thế ! ”. Thôi, tôi về. Còn phải đến mấy nhà nữa mà mình thì thích cuộc bộ. Hôm nay đến là để chúc mừng gia đình anh đoàn tụ. Mai có khi tôi còn đến đây nữa. Để ngắm cành đào của bố anh !

Ngày hôm sau ông lại đến thật. Và đúng là chỉ để ngắm có một cành đào mà thôi.

**B**ố tôi không phải là nghệ sĩ. Ông, nói của đáng tội, đã từng là nhà báo. Mặc dầu cũng động tới chữ nghĩa, nhưng nhà báo vẫn có cái gì đó khác với nhà văn (tất nhiên, không kể những người có hai nghề nhập một). Nhà báo không có tính lập dị thường gặp ở các nhà văn và các nghệ sĩ, hay tính cách kỳ quặc nào đó ở họ mà người đời quy cho là lập dị. Có điều, như một người thuộc lớp nho sĩ cuối cùng còn sót lại, mặc dầu có Tây học, ông thích cuộc sống thanh đạm và rất yêu hoa. Trong nhà tôi, kể cả những lúc khó khăn nhất, bao giờ cũng có hoa. Có hồi ông có cả một vườn phong lan đủ loại, nổi tiếng trong những người chơi phong lan ở Hà Nội.

Tết nào ông cũng cầu kỳ chơi hai thứ hoa : thủy tiên và đào.

Thủy tiên là thứ hoa không bình dân. Nó không thềm nở nếu chẳng may rơi vào tay người không biết thưởng thức nó. Để cho thủy tiên nở, phải biết nghệ thuật gọt củ thủy tiên. Con dao dùng để gọt thủy tiên không phải là con dao bìa bất kỳ, mà là một con dao dùng riêng cho nó. Bố tôi mua củ thủy tiên về, giá rất đắt, hình như là phải nhập khẩu chứ nước ta thời ấy chưa có cơ sở gây trồng. Nó có bề ngoài giống như một củ hành tây lớn, rất tầm thường, chẳng hứa hẹn một hương sắc gì hết. Chuẩn bị cho việc gọt thủy tiên, bố tôi hì hục mài dao cho tới khi nó bén đến mức đặt sợi tóc lên lưỡi dao mà thổi phồng một cái thì sợi tóc lập tức bị đứt đôi, và đầu nhọn của nó thì chỉ vô ý chạm ngón

tay vào là máu ứa ra liền. Rồi ông còn phải ngắm nghía hồi lâu cái củ hành nọ, cho tới khi quyết định đưa nhát cắt đầu tiên lên mình nó. Những nhát cắt, nhát trở chính xác được ông cân nhắc từng tí, cho tới hải lòng đặt nó vào cái bát thủy tinh, cũng lại để riêng cho nó.

Mẹ tôi chăm chú theo dõi bàn tay khéo léo của bố tôi xoay quanh củ thủy tiên. Bà cũng là người khéo tay, nhưng khéo tay ở những việc khác, gọt thủy tiên thì bà chịu. Những tết bố tôi vắng nhà, trên bàn thờ ông bà ông vải chỉ có hoa huệ, chứ thủy tiên thì vắng bóng. Hoa thủy tiên bắt đầu trở những cánh xanh mập mập cũng chẳng khác gì hành là mấy, nhưng chúng nhỏ nhắn, ngắn và không vươn quá thành bát đưng. Người gọt khéo có thể chỉ định đúng ngày hoa nở, khéo hơn nữa có thể đúng đến cả giờ.

Thủy tiên bố tôi gọt bao giờ cũng nở hết số hoa nó chứa trong mình vào đúng giao thừa, chính xác vào cái giờ khắc thiêng liêng nhất của sự giao hoà giữa người thuộc cõi âm và người thuộc cõi dương, giữa tổ tiên và con cháu. Bố tôi đứng lặng trước ban thờ ông bà, đầu hơi cúi. Mẹ tôi đứng sau ông thì thầm khẩn vái. Hương trầm ngát trong nhà. Rồi pháo của một nhà nào đó nổ vang, kéo theo sau nó cả một đợt sóng triều tiếng pháo râm ran.

Tôi không bao giờ cảm thấy được hương thủy tiên vào lúc thủy tiên nở hết hoa của nó trong hương trầm và khói pháo. Sáng sớm mùng Một, rất sớm, khi trời đất đã lặng đi mọi tiếng động của sự đón xuân, lúc ấy mới thấy được hương thủy tiên thoang thoảng. Đó là một hương thăm ẩn náu, thoang thoảng mà kiêu sa. Nó không để lại trong tôi một ấn tượng rõ rệt nào. Tôi cũng không cảm nhận được cái đẹp của hoa thủy tiên. Mà cũng có lẽ tôi không thích loại hoa này còn do ảnh hưởng câu chuyện chàng Narkissos trong thần thoại Hy Lạp mãi mê ngắm sắc đẹp của chính mình trong nước suối, mãi mê đến nỗi ngã xuống mà chết đuối, trở thành hoa thủy tiên.

Sau khi bố tôi qua đời, chẳng bao giờ trong nhà tôi còn có hoa thủy tiên nữa. Nhưng hoa đào thì không bao giờ vắng bóng trong những ngày tết gia đình, với cách thưởng thức truyền thống

mà những thế hệ trước để lại.

Trước tết một tháng, bố tôi, thường có tôi đi theo, đạp xe lên vùng Quảng Bá, Nghi Tàm, nơi có những nhà trồng hoa cha truyền con nối. Cùng với một chủ vườn nào đó đã trở thành người quen, bố tôi đi thăm vườn và xem xét kỹ từng gốc đào để rồi cuối cùng chọn lấy một cành thấp, ưng ý nhất. Tiền đặt mua cành đào được trao ngay cho chủ vườn. Giá thường rất rẻ, lúc ấy chưa có ai mua đào. Ông chủ vườn rút con dao nhíp trong túi ra đánh dấu cành đào dành cho bố tôi. Chắc chắn nó sẽ không bị bán vào tay ai khác. Bố con tôi hài lòng ra về. Tôi biết trong óc bố tôi đã hiện lên cành đào tương lai sẽ được đặt ở đâu, trong cái bình nào, ở nhà mình trong ngày tết.

Khoảng hai bảy, hai tám tháng Chạp, bố tôi lên vườn nhận cành đào về. Ông chủ vườn trao cành đào cho bố tôi với vẻ tiếc rẻ, không ngọt khen bố tôi có con mắt tinh đời. Nhưng đó là cách đánh giá của hai người biết chơi hoa với nhau. Người thường sẽ không mua cành đào này. Nó xù xì ở phần gốc, có mấy cành đua dài và gân guốc, trên đó chỉ thấp thoáng một số nụ.

Sau đó là phần sửa soạn cho cái đẹp của cành đào. Bố tôi còn ngắm nó chán chê rồi mới lấy dao cắt bỏ một số cành con, đem thui phần gốc, rồi mới đặt cành đào vào trong lọ độc bình lớn, thường là loại lọ sành thấp, miệng rộng, rất bình dị, đến nỗi khi cành đào đã ngụy trong đó thì không còn thấy cái lọ đâu nữa. Cành đào được đặt trong góc nhà. Những cành đua của nó hướng về phía cửa, khách vào có thể nhìn thấy những cánh tay của nó vươn ra chào đón.

Cũng như thủy tiên, cành đào sẽ nở rộ vào đêm trừ tịch.

– Chơi hoa là cách con người tìm niềm vui, tìm tâm trạng thư thái trong mối giao hoà với thiên nhiên — bố tôi tâm sự trước cành đào — Người ta chỉ có thể đón thiên nhiên vào nhà mình, chứ không thể mua thiên nhiên đem về hoặc giải nó về. Vì vậy mà cái bình phải khiêm tốn để tôn vẻ đẹp của cành đào, của mùa xuân. Cành đào đẹp trước hết là ở cái dáng, cái thế của nó : phần gốc xù xì cho ta cảm giác về sự vững bền của nền tảng, những cành đua không nên nhiều quá để tạo ra cảm xúc

thanh thoảng, khoáng đạt. Bố tôi không thích đào rực rỡ quá, khoe khoang quá, hợm hĩnh quá. Đào này đẹp hơn nhiều, cánh của nó chỉ phơn phớt một màu hồng nhạt, vừa có duyên, vừa thâm kín. Người Nhật thích sắc hồng này của hoa sakura — anh đào, có lẽ cũng vì lẽ đó. Tín đồ của Thần đạo không chịu nổi những hương sắc quá thế tục. Thêm nữa : trên cành đào tết không nên có quá nhiều hoa. Lá xanh bên cạnh hoa làm tăng vẻ đẹp của hoa lên. Tất nhiên, mỗi người một ý, nhưng ông nội con và bố đều không ưa những cành đào đầy ắp hoa, cành nào cành ấy đều đặn, trông xa như một cái nơm hoa. Đã thế có người lại còn cắm cái nơm đào ấy vào lọ độc bình cổ cao, bằng sứ, với đủ mọi hình vẽ cầu kỳ sắc sỡ, rồi đặt nó ngất ngểu trên bàn thờ ông vải nữa chứ. Không, chỗ của đào không phải ở đó. Bố thích đặt nó ở đây, dưới đất, ngang tầm với mình.

Tôi kể cho Nguyễn Tuân nghe cách bố tôi nhìn vẻ đẹp của cành đào. Ông tủm tủm cười :

– Về đại thể, bố anh đúng. Nhưng ông ấy cũng có mắc một chút bệnh giải thích. Cái đẹp, theo tôi, là cái không giải thích được. Chỉ có thể cảm nhận được nó mà thôi. Bố anh cũng chẳng giải thích nổi tại sao ông đã cắt đi một cành con này mà không phải một cành con khác, tại sao ông giữ cành đua này mà lại bỏ cành đua kia, cái cành được để lại ấy gợi nên trong lòng ông cảm xúc gì. Còn về phần màu xanh của lá trên cành đào thì ông đúng hoàn toàn. Hay gì một cành đào chi chút hoa. Nó làm ta phát ngán. Mùa xuân thì phải có màu xanh của lá, của sự đâm chồi nảy lộc, mới là xuân...

Bây giờ, cả bác Nguyễn Tuân, cả bố tôi, đều đã khuất núi.

Chỉ còn lại cái đẹp của hoa xuân mà hai ông tâm đắc ở trong tôi. Và nỗi bùi ngùi mỗi lần xuân đến.

*Vũ Thu Hiền*



# Tranh Tết

## một vốn cổ quý báu

Văn Ngọc



Tranh Tết Việt Nam là một truyền thống dân gian có từ lâu đời (1), một hiện tượng văn hoá nghệ thuật độc đáo hiếm thấy ở trên thế giới.

Những bức tranh Tết được sản xuất tập trung trong hai tháng 11 và 12 âm lịch ở Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội), hay ở Kim Hoàng (Hoài Đức - Hà Nội)..., vào những ngày giáp Tết được đưa đi bán ở khắp thành thị thôn quê. Thời điểm bán tranh và chơi tranh cũng rất ngắn ngủi, chỉ giới hạn vào vài ngày trước Tết và sau Tết. Chỉ độ mùng 4, mùng 5 Tết, ở thành thị, các hàng tranh bày bán ở hè phố đều đã phải dọn đi, để cho các cửa hàng mở cửa lại, các ông đồ viết câu đối thuê cũng dẹp chiếu trở về làng. Ở các chợ quê, nếu có còn tranh, cũng không bán được cho ai nữa, vì người ta mua tranh cốt chỉ để trang hoàng cho ba ngày Tết.

Với màu sắc rực rỡ, đường nét khoẻ mạnh, duyên dáng, ý nghĩa dí dỏm, sâu sắc, đôi khi đầy tính chất châm biếm, hài hước, những bức tranh Tết được dán thẳng lên tường vách đất, hay lên cánh cửa, cánh cổng, làm bừng sáng những ngôi nhà nơi thôn dã vốn chỉ là nhà tranh vách đất. Nhà khá giả có tường gạch quét vôi, có gian nhà khách rộng, có hoành phi câu đối, thì thường chơi tranh tứ bình, tứ quý. Trẻ con thì chơi tranh lợn gà, đem dán lên cửa hay vách buồng mình.

Tranh Tết có hai dòng tranh chính là Đông Hồ và Hàng Trống. Ngoài ra còn có *tranh đỏ* Kim Hoàng cũng có những nét nghệ thuật riêng, đáng chú ý.

Trung tâm sản xuất tranh Đông Hồ là làng Đông Hồ, xưa là làng Sen hồ, gọi tắt là làng Hồ, thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc Hà Bắc.

Trung tâm sản xuất tranh Hàng Trống là khu vực phố

Hàng Trống (Hà Nội), có lẽ xưa phạm vi hoạt động của tranh Hàng Trống lan rộng sang cả mấy phố lân cận như : Hàng Hòm, Hàng Mành, Hàng Quạt, Mã Vĩ, Hàng Nón... Dù sao thì những ngành nghề thủ công phục vụ cho các sinh hoạt văn hoá, hội hè, thờ cúng, đều tập trung cả ở một khu phố cổ nhỏ bé của Hà Nội : từ Hàng Trống (đồ cúng lễ) đến Hàng Gai (đồ chơi Tết Trung Thu bằng giấy), Hàng Mã (đồ mã), xuống Hàng Hòm, Hàng Mành, Hàng Quạt, Mã Vĩ, (đồ thờ cúng), Hàng Thiếc (đồ chơi Trung Thu bằng sắt tây), rồi Hàng Bút (nơi bán mực tàu, giấy bản, giấy dó và các thứ phẩm màu), Hàng Bồ (cũng là nơi bán giấy, phẩm, pháo và nhất là nơi các phường tranh tập trung bày bán tranh ngày Tết).

Hai dòng tranh Đông Hồ và Hàng Trống có những đặc điểm khác nhau về cả mặt kỹ thuật, nghệ thuật, lẫn cách làm ăn.

Nghệ nhân ở làng Hồ làm nghề nông là chính, sau mùa tranh và mùa pháo lại quay trở về với công việc đồng áng, cho đến tháng 7, tháng 8 mới lại quay ra làm đồ mã phục vụ cho ngày 14-7 và Tết Trung Thu.

Ngược lại, nghệ nhân Hàng Trống, mặc dầu cũng xuất thân từ nông thôn (thôn Tự Tháp), nhưng từ lâu đã bỏ hẳn nghề nông, cho nên ở đây ngoài tranh Tết ra, các nghệ nhân còn vẽ các loại tranh thờ, tranh truyện và làm các đồ phục vụ việc thờ cúng, lễ lạc và các phường tuồng như : cờ, quạt, trống, lọng, áo xiêm, mũ mấn, v.v... để bán quanh năm (2).

Tranh Đông Hồ thường được in trên giấy dó phết điệp (điệp là một chất liệu làm bằng vỏ con điệp tán nhỏ mịn, trộn với hồ nếp rồi quét lên giấy dó bằng chổi lá thông, để lại trên mặt giấy những vệt song hành óng ánh). Có thể vào những năm 40, tranh Đông Hồ khổ nhỏ truyền thống (0,25x0,355) đã phải in trên giấy tây do điều kiện khó khăn lúc ấy, gọi là *tranh hàng*, hay *tranh gam* (tiếng Pháp *rame* giấy), nhưng sau này đã trở lại hoàn toàn với hình thức cũ, trừ tranh thờ, tranh tứ bình, tranh truyện, khổ lớn, khó làm bằng giấy dó hơn. Ngược lại, tranh Hàng Trống bao giờ cũng in trên giấy in báo (giấy Hà Đông, hoặc giấy nhập).

Nói về kỹ thuật làm tranh Tết, trước hết, khâu vẽ mẫu tranh là khâu quan trọng nhất. Khâu này được bảo đảm bởi những nghệ nhân có trình độ văn hoá cao, có hoa tay và nhiều sáng kiến. Tranh Đông Hồ cũng như tranh Hàng Trống đều có những nghệ nhân giỏi mà danh tiếng đã để lại đến những đời sau.

Khâu khắc ván in cũng là một khâu quan trọng không kém. Các nghệ nhân trách nhiệm khâu này đều là những thợ chạm khắc gỗ có tay nghề giỏi. Ở Đông Hồ có thợ chạm khắc gỗ ở ngay tại làng. Ở Hàng Trống, thợ khắc gỗ lại ở Hàng Gai, hoặc trong đền Ngọc Sơn.

Trên tranh Đông Hồ nét vẽ và các mảng màu đều được in bằng ván khắc (ván in nét làm bằng gỗ thị, gỗ mỗ, hay gỗ lòng mực, ván in mảng màu làm bằng gỗ giổi, hay gỗ vàng tâm). Mỗi mảng màu là một ván khắc riêng biệt, không tô màu bằng tay, cũng như không vờn màu..

Tranh Hàng Trống, ngược lại, chỉ in nét vẽ đen bằng ván khắc thoi, còn các mảng màu được tô bằng bút lông và

thường hay sử dụng kỹ thuật *cán* màu (vờn màu bên đậm bên nhạt bằng một nhát bút)

Khâu in cũng lại do những người chuyên môn in trách nhiệm, người in nét vẽ, người in mảng, tô màu, vv...

Màu trên tranh Đông Hồ là những màu *thuốc cái* nguyên chất lấy từ thảo mộc, hoặc khoáng sản trộn với hồ nếp : màu *trắng điệp* như đã trình bày ở trên, màu *vàng ảm* lấy từ hoa hoè hay hạt dành dành, màu *đỏ vang* lấy từ gỗ cây vang nấu lên, màu *đỏ son* lấy từ hòn son tán nhỏ, màu *xanh chàm* lấy từ lá chàm ngâm vôi, màu *đen xộp* lấy từ than rơm và than lá tre khô (2).

Màu trên tranh Hàng Trống cũng dựa trên năm màu *ngũ sắc*, nhưng tranh Hàng Trống dùng nhiều chất phẩm nhập nên có nhiều màu hơn, cộng thêm vào là những màu pha : màu *đỏ son*, *đỏ tím* (*hồng điều*), *đỏ tím thẫm* (*cánh quế*); *hồng tươi* (*cánh sen*), *hồng mát* (*hoa đào*); *vàng nghệ* (*vàng thẫm*), *hoàng yến* (*vàng nhạt*) ; *đen mực tàu* ; *xanh lục*, *xanh lam*, *hoa hiên*, *hoa lý*, vv... Đáng chú ý là trên một số tranh thờ Hàng Trống, các nghệ nhân còn dùng cả các màu *kim nhũ* và *ngân nhũ*, theo truyền thống dân gian sử dụng những chất liệu lóng lánh như vàng như bạc, hoặc như gương trên các đồ thờ hàng mã, trên đầu sư tử và đồ chơi Tết Trung Thu.

Tranh Hàng Trống do phải chiều theo thị hiếu của thị dân nên đã mang khá nhiều ảnh hưởng của tranh Trung Quốc, không chỉ riêng về đề tài, mà còn cả về nét vẽ, màu sắc, về kỹ thuật vờn bóng... Ảnh hưởng này thấy rõ trên những bức tranh như : Thất đồng, Tam đa, Cá chép trông trăng, Công, Tú quý, Kiều, Phương Hoa, vv...

Nói về màu sắc của tranh Tết và khiếu thẩm mỹ của người nông dân, một học giả đã có những lời bình luận giàu hình ảnh như sau :

“ *Tranh gà tranh lợn đỏ như xôi gấc, vàng như lúa chín, xanh như lá mạ, hay vàng như nghệ kho cá, xanh như cốm non, đỏ như ngô già, nâu như đất cày, toàn những màu sắc quen thuộc thân-mến từ bao nhiêu đời người rồi. Những màu sắc ấy in sâu vào tâm-não nông-dân, hết thế-hệ này đến thế-hệ khác thành những màu sắc dân-tộc rồi. Những màu sắc xanh đỏ chói rực của tranh Tàu, tranh Tây nó chướng quá, nó không mộc-mạc, quen thuộc như những màu xanh, đỏ thô-kệch, diêm-dạm, thật-thà, của tranh lợn, tranh gà.* ” (Lê-Văn-Hoè, *Lẽ sống của tranh gà tranh lợn* , Xuân Văn nghệ, Quý ty, 1953)(3).

Nội dung và đề tài của tranh Tết có thể được chia ra làm nhiều loại :

tranh chúc tụng : Gà Đại cát-Nghinh Xuân, Gà thư hùng, Gà đàn, Lợn đàn, Vinh hoa, Phú quý...

tranh thờ : Táo quân, Vũ Đình-Thiên Ất, Thập điện, Ngũ hổ, Tứ phủ, Tam phủ, Thánh mẫu thượng ngàn, Ông Hoàng cuối ngựa cầm quân, vv...

tranh châm biếm : Đánh ghen, Thầy đồ cóc, Đám cưới chuột, Văn minh tiến bộ...

tranh sinh hoạt xã hội : Sĩ nông công thương, Chợ què, Tre sen, Đánh vật ...

tranh cảnh vật : Cá chép trông trăng (có hai tranh khác



*hắn nhau* : DH và tranh HT), Tú quý, Tổ nữ ...

tranh lịch sử : Trưng vương, khởi nghĩa, Triệu Ẩu cưới voi, Trần Hưng Đạo, Vua Quang Trung ...

tranh truyện : Thạch Sanh, Kiều, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai, Tré cóc...

tranh tuyên truyền cổ động : Tòng quân giết giặc, Bình dân học vụ, Làm thủy lợi...

Trừ những tranh tuyên truyền cổ động làm sau Cách mạng tháng Tám ra, những mẫu tranh Tết truyền thống phần lớn đã được truyền lại từ đời này qua đời khác cùng với những ván khắc có thể đã được hoàn chỉnh thêm qua thời gian. Có những ván khắc bị mất mát đi đã phải khắc lại, do đó có những dị bản đôi khi khác xa bản cũ.

Nhìn chung, có thể nói tranh Tết cũng như tranh thờ là những sáng tác tập thể, nghĩa là, mặc dầu do một hai cá nhân có tài năng sáng tác ra bản vẽ hay ván in lúc đầu, nhưng chúng đã được cả một tập thể phân công, tham gia giúp đỡ và hoàn chỉnh. Trên thực tế, chúng là sản phẩm của cả một cộng đồng làng xã hay phường tranh và thể hiện hoàn toàn quan điểm thẩm mỹ, cũng như tâm lý của cộng đồng ấy. Do đó quyền tác giả không thuộc về một cá nhân mà thuộc về cộng đồng sản xuất ra tranh. Nói một cách khác, theo quan điểm của thời nay, thì người nghệ nhân sáng tác ra bản khắc gỗ đầu tiên, tức cái mẫu tranh đầu tiên, thực chất chỉ là một người làm thuê, không có quyền ký tên và giữ bản quyền gì hết.

Đây cũng là một trong những giới hạn khiến cho tranh Tết đã không thể nào phát triển hơn được. Cũng như nó đã khiến cho những nghệ nhân có tài ngày trước không thể nào trở thành những nhà họa sĩ tranh khắc thực thụ được, vì không có điều kiện sáng tác, tìm tòi để tiến xa hơn trên con đường nghệ thuật của mình.

Thực ra, lý do chính đã làm cho tranh Tết, đến một lúc nào đó, không phát triển được nữa chủ yếu là vấn đề cung cầu, cả hai mặt này trong bối cảnh kinh tế xã hội đương thời đều đã không có điều kiện để phát triển : nhu cầu về tranh Tết của cả nước chỉ đủ nuôi sống những người làm tranh có hai tháng trong một năm, thậm chí có nơi chỉ đủ để cho họ có cái Tết mà ăn, như ở làng Kim Hoàng, chẳng hạn. Những



năm mất mùa, đói kém, có nhà làm tranh phải đội cả ván khắc mang ra chợ bán. Có nơi túng thiếu quá, trời rét phải chẻ cả ván in ra để sưởi (theo Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ, *Tranh Dân Gian Việt Nam*, NXB Văn Hoá 1984). Như vậy làm sao có thể có vốn liếng để đầu tư sản xuất hay kinh doanh? Mặt khác, bản thân người nông dân, suốt năm đầu tắt mặt tối, ít khi được nhàn rỗi ngoài dăm ba ngày hội, ngày Tết, miếng cơm manh áo lo còn chưa nổi, nói chi đến các nhu cầu văn hoá khác? Và như vậy là “cái khó bó cái khôn”, thành một cái vòng lẩn quẩn. Các nghệ nhân ngoài nghề làm tranh ra, không có một hoạt động nào khác để làm kế sinh nhai trừ việc đồng áng. Do đó, họ đã bị kẹt trong cái thế đành phải bó tay và ngành tranh khắc gỗ dân gian nói chung đã không phát triển được, một phần cũng vì không mở rộng được đề tài ra khỏi phạm vi của tranh Tết và tranh thờ.

Rõ ràng xã hội nước ta trong một thời gian dài đã thiếu hẳn một tầng lớp thương nhân năng nổ, chịu chơi và rủng rỉnh tiền bạc, để có thể đặt hàng cho các nghệ nhân Đông Hồ hay Hàng Trống sáng tác những tác phẩm khác hơn là những bức tranh Tết và tranh thờ!

Nhìn vào nền tranh khắc gỗ của Nhật Bản, chẳng hạn, sự phát triển nhanh chóng của nó từ thế kỷ XVII trở đi chính là nhờ ở sự ra đời của một tầng lớp doanh thương làm giàu trên lưng các nhà quý tộc và dần dần nắm hết quyền lực ít ra về các mặt kinh tế và văn hoá ở Edo (kinh đô mới của Nhật Bản từ 1635 trở đi, sau này đổi tên thành Tokyo). Nhờ ở tầng lớp nhà giàu mới dần dần được văn minh hoá này, mà đã mở ra một thời kỳ vàng son cho nhiều ngành mỹ nghệ và nghệ thuật liên quan trực tiếp đến nghệ thuật sân khấu Kabuki được dân chúng rất ưa thích lúc đó, đặc biệt là ngành tranh khắc gỗ (có ký tên tác giả) cũng nhờ đó mà đã có cơ hội cất cánh và phát triển trong suốt 250 năm, sản sinh ra nhiều tác phẩm bất hủ và họa sĩ nổi tiếng mà chúng tôi chỉ nêu lên ở đây một số tên tuổi như: Moronobu, người đi đầu (1618-1684), Utamaro (1753-1806), Sharaku (thời kỳ hoạt động 1794-1795), Hokusai (1760-1849), Horoshige (1797-1858), Kuniyoshi (1797-1861), vv...

Điều không có gì đáng ngạc nhiên, song vẫn là một hiện tượng kỳ lạ, là tranh khắc gỗ Nhật Bản, mặc dầu ra đời sau hẳn tranh dân gian Việt Nam ít ra hai thế kỷ (xem chú thích 1), đã phát triển đến mức đã có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nền hội họa của Âu châu ở thế kỷ XIX qua sự nhất trí thán phục của những nghệ sĩ có tên tuổi như: Bracquemond, Manet, Degas, Toulouse-Lautrec, Van Gogh, Whisler, vv...

Về mặt thẩm mỹ thuần túy, tranh Tết Việt Nam tuy vẫn tiếp tục làm đẹp cho ngày Tết của chúng ta, nhưng trên thực tế con đường phát triển nghệ thuật của nó đã dừng lại ở những tác phẩm có thể gọi là hoàn chỉnh như: Gà đàn, Lợn đàn, Gà thu hũng, Gà trống, Đại cát, Vinh hoa, Phú quý, Lợn dộc (Lợn ăn cây dấy), Trâu sen, Cá chép trông trắng, Đánh ghen, Húng dứa, Thầy đồ cóc, Đám cưới chuột, Chợ quê, Tổ nữ, vv...

Hầu hết các bức tranh kể trên, mà đại đa số là tranh diệp Đông Hồ, đều là những tác phẩm tranh khắc gỗ dân gian mà

trình độ nghệ thuật đã đạt tới mức già dặn, cả về bố cục, đường nét, lẫn màu sắc.

Sự dày đặc (*densité*) của nhiều bức tranh được tạo nên bởi bố cục chặt chẽ của hình thể và đường nét.

Nhịp điệu sống động của người và vật được thể hiện qua những nét vẽ uyển chuyển, “có thần”, nhưng luôn luôn được chế ngự để trở thành những đường viền khoẻ mạnh cho hình thể.

Thêm vào đó là sự tương phản hài hoà giữa các màu sắc và chất liệu làm cho mỗi bức tranh vừa nổi, lại vừa tươi sáng.

Đó là một số đặc điểm nghệ thuật của tranh Tết, thể hiện một quan niệm thẩm mỹ dân gian cổ truyền rất Việt Nam, nhưng đồng thời lại cũng rất trùng hợp với những quan niệm thẩm mỹ hiện đại.

Cùng với tranh thờ, tranh Tết là một di sản văn hoá quý báu, một vốn cổ trong kho tàng vốn cổ nghệ thuật của nhân loại.

Vân Ngọc

#### Chú thích:

- (1) Điều mà người ta biết chắc chắn nhất là ở làng tranh Đông Hồ, dân làng hiện nay vẫn còn thờ ông tổ sư của nghề in tranh là Lương Nhữ Hộc, đồ thám hoa đời Lê Thánh Tông (1434-1442), sau khi đi sứ nhà Minh về đã “cải tiến” kỹ thuật khắc ván in cổ truyền và đã truyền dạy lại cho dân quê mình ở Hồng Lục và Liễu Tràng. Nhưng có giả thuyết lại cho rằng nghề in tranh có thể đã xuất hiện sớm hơn, vì thời nhà Lý kỹ thuật làm giấy và nghệ thuật chạm khắc đã phát triển cao và năm 1040, nhà vua đã cho in hàng nghìn kinh Phật. (Tuy nhiên, cũng cần biết rằng giữa in kinh Phật và hình vẽ Phật với in tranh dân gian có nhiều màu sắc là cả một chặng đường dài. Ở Nhật Bản, chẳng hạn, nó đã phải trải qua 9 thế kỷ!). Thời nhà Trần đã để lại một số hình vẽ trên gốm hoa nâu, có cách nhìn, cách vẽ rất gần với tranh Đông Hồ. Cuối đời nhà Trần, vào năm 1396, Hồ Quý Ly đã cho in tiền giấy có vẽ hình rồng, sóng, mây, rùa, lân, phượng và rồng, vv...(2). Song đây là chỉ là nói về trình độ kỹ thuật, còn truyền thống chơi tranh và in tranh ngày Tết có từ bao giờ thì chưa thấy có tài liệu nào nói đến.
- (2) *Tranh dân gian Việt Nam*, Nguyễn Bá Vân - Chu Quang-Trứ, NXB Văn Hoá 1984.
- (3) *Imagerie Populaire Vietnamiennne*, Maurice Durand, EFEO 1960 (trang X).
- (4) *Ukiyo-E, 250 ans d'estampes japonaises*, Roni Neuer, Herbert Libertson, Susugu Yoshida, Ed. Flammarion 1985.
- (5) Tài liệu có thể tham khảo: *Tranh tượng dân gian Việt Nam*, NXB Mỹ thuật Hà Nội; *Tranh cổ Việt Nam*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội 1995 và các tài liệu đã dẫn.



# mục lục



2 Bạn đọc và Diễn Đàn

## Thời sự, những vấn đề

- 4 Tin tức  
 9 Đàn áp chính trị  
 10 Ông già Chợ Đệm làm chính quyền lúng túng  
 14 Phát triển kinh tế  
 và phân hoá xã hội Vũ Quang Việt

## Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- 18 *Những ý nghĩ vụn ở Vũng Tàu* (thơ) Lê Bi  
 19 Hữu hạn và vô cùng Hàn Thuỷ

- 22 Nhà chùa, Khổng giáo  
 và Phát triển Cao Huy Thuần  
 26 Sống thời đại  
 và tinh thần đức Phật Bùi Mộng Hùng  
 30 Ăn ở Cali Kiến Văn  
 32 Ghi chép vụn về rừng, cây... Nguyễn Lộc  
 34 Về đây khi gió mùa  
 thơm ngát Phan Tam Khê  
 35 *Đồng dao cho người lớn*  
 (thơ) Nguyễn Trọng Tạo  
 36 Thư cha gửi con Ân danh  
 37 *Đôi khi* (thơ) Thế Dũng  
 38 Gặp lại (truyện ngắn) Tô Hoài  
 40 Gặp lại, một truyện ngắn đặc sắc Đặng Tiến

## Tết

- 42 Sương xuân và hoa đào Vũ Thư Hiên  
 45 Tranh Tết, một vốn cổ quý báu Văn Ngọc  
 48 Thịt chuột thì ít,  
 con nít thì nhiều Phan Châu Trinh

## Bìa

*Đám cưới chuột* (tranh khắc gỗ dân gian)

Tôi đồ chừng rằng ngoài những người thuộc phái “bảo vệ súc vật” của nữ minh tinh Brigitte Bardot, chắc chẳng mấy ai quan tâm đến số phận của loài chuột. Mà trong văn học thì cái giống đáng ghét (sợ?) này cũng khó ngoi lên được hàng đề tài đáng để nghiên ngẫm. Bên Pháp này thì có ông Lã Phụng Tiên với câu chuyện “Chuột thành phố, chuột đồng quê”; bên ta, xưa thì có truyện “Trình thủ” của Trần triều xử sĩ Hồ Huyền Qui tiên sinh, gần hơn thì có “O chuột” của Tô Hoài cũng đã ra đời hơn 50 năm nay. Hoạ chăng, có những bức tranh chuột ngộ nghĩnh và đôi câu ca dao (“Chú chuột đi chợ đường xa...”), tục ngữ (“Chuột sa chính gạo”)..., chứng tỏ rằng trong cuộc sống chung lâu đời giữa các giống loài khác nhau, người nông dân Việt Nam nhân hậu không hẳn hoàn toàn khinh ghét hoặc sợ hãi những con vật bé nhỏ xấu xí kia. Vả chăng, những chú chuột đồng béo ngậy sau ngày mùa còn là một nguồn đạm động vật không dở... và đôi khi rất quan trọng nữa.

Tất nhiên, đó là những khi mùa màng thiếu thốn, cuộc sống chẳng vui gì, như trong bài thơ về thịt chuột bên đây của cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh. Năm nay cũng là năm kỷ niệm lần thứ 70 ngày mất (24.3.1926) của người chí sĩ sáng suốt bậc nhất của dân tộc đầu thế kỷ này. Người khởi xướng một phong trào Duy Tân tuy chẳng gặp thời song nhiều ý tưởng còn nóng hổi tính thời sự hôm nay...

H.V.

## Thịt chuột thì ít, con nít thì nhiều

*Chà chà con nít ở đâu nhiều  
 Thịt chuột sao cho phát đủ đều  
 Lúc nhúc hàng bày xào mấy tí (1)  
 Lao nhao mũi vằng chực bao nhiêu (2)  
 Cùng sào vuốt đặng nuôi quân quý (3)  
 Hụt đĩa xong đâu miệng lữ yêu  
 Mèo chực mỡ treo khôn thố giầu (4)  
 Lôi thôi ngang họng nuốt không tiêu.*

Phan Châu Trinh

- (1) Chuột bày đào chẳng nên hang  
 (2) Con nít chưa sạch vằng mũi  
 (3) Chuột chạy cùng sào  
 (4) Mỡ treo miệng mèo. (Phan Châu Trinh chú)

trích trong **Phong Trào Duy Tân** của Nguyễn Văn Xuân, Lá Bối 1970, nxb Đà Nẵng in lại năm 1995, có bán tại hiệu sách Vietnam Diffusion, 146 Bd Vincent Auriol, Paris 13, với giá 45FF.